



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018

**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
KIẾN TẠO TƯƠNG LAI**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018**

MỤC LỤC

01

Trang 06

THÔNG ĐIỆP

- Thông điệp của HĐQT
- Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

02

Trang 10

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Những con số ấn tượng giai đoạn 2014 - 2018
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

03

Trang 27

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

04

Trang 43

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
- Kế hoạch phát triển

05

Trang 55

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ngân hàng
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch, định hướng của HĐQT

06

Trang 59

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

07

Trang 75

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2018

- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ngân hàng
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch, định hướng của HĐQT

08

Trang 79

THÀNH TÍCH VÀ SỰ GHI NHẬN CỦA XÃ HỘI

09

Trang 85

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
- Chính sách đối với người lao động
- Trách nhiệm đối với môi trường
- Hoạt động thị trường vốn xanh

10

Trang 99

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM NĂM 2018

11

Trang 102

MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

12

Trang 109

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Thông tin chung
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Thông điệp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ông Đỗ Quang Hiến

Chủ tịch HĐQT SHB

Kính thưa Quý vị!

Thay mặt HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể CBNV Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội (SHB), tôi chân thành gửi tới Quý vị cổ đông, các đối tác chiến lược, các doanh nghiệp – doanh nhân, những người bạn thân thiết đã và đang đồng hành cùng SHB lời chào trân trọng, lời cảm ơn chân thành và những lời chúc tốt đẹp nhất!

Quý vị thân mến!

Chúng ta đã đi qua năm 2018 với đầy ắp các sự kiện và bước vào năm 2019 với nhiều niềm tin và hi vọng mới. Chúng ta vui mừng nhận thấy trong năm qua mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đất nước ta vẫn tiếp tục phát triển nhanh và khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt tăng trưởng hơn 7%, lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng ở mức 3,54%, thị trường tiền tệ ổn định, cán cân thanh toán quốc tế tiếp tục được cải thiện. Không phải ngẫu nhiên mà một không khí phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ tổ quốc đang tiếp tục lan tỏa rộng khắp trên cả nước. Ngành ngân hàng Việt Nam cũng ghi nhận một năm với nhiều điểm sáng, tín dụng tăng trưởng phù hợp với cân đối vĩ mô, thanh khoản toàn hệ thống ổn định, lợi nhuận toàn ngành tăng.

Thưa quý vị!

Năm 2018 là năm đánh dấu chặng đường 25 năm SHB hình thành và phát triển, ghi dấu nhiều thành tựu nổi bật. Tốc độ tăng trưởng huy động, cho vay luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành. Các chỉ số an toàn, thanh khoản đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các giới hạn quy định của ngân hàng Nhà nước, hướng tới chuẩn mực quốc tế. SHB được Moody's xếp hạng tương đương mức xếp hạng các ngân hàng lớn của Việt Nam. SHB luôn được các Bộ ngành và các tổ chức quốc tế uy tín như Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng tái thiết Đức (KfW),... đánh giá cao và được lựa chọn làm ngân hàng phục vụ, ngân hàng cho vay lại nhiều dự án ODA lớn.

Năm 2018 SHB tiếp nối những thành công với quy mô tổng tài sản đạt 323.276 tỷ đồng tăng trưởng 13%, tổng nguồn vốn huy động đạt 300.565 tỷ đồng, dư nợ cấp tín dụng đạt 231.498 tỷ đồng, tăng trưởng 15%, lợi nhuận trước thuế đạt 2.094 tỷ đồng. SHB tiếp tục khẳng định vị thế là một trong 5 ngân hàng TMCP tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam.

SHB tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, liên tục ứng dụng công nghệ mới nhất để gia tăng tiện ích và trải nghiệm cho khách hàng. Chất lượng dịch vụ của SHB luôn được đánh giá cao trên thị trường.

Hệ thống mạng lưới tiếp tục được mở rộng và tái sắp xếp nhằm nâng cao sức cạnh tranh, tăng hiệu quả. Đến hết năm 2018 SHB có 525 điểm giao dịch với gần 7.600 cán bộ nhân viên, trải rộng tại gần 50 tỉnh thành ở Việt Nam, 1 ngân hàng con 100% vốn tại Lào, 1 ngân hàng con 100% vốn tại Campuchia, văn phòng đại diện tại Myanmar và 2 công ty con (Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – SHAMC, Công ty tài chính TNHH MTV SHB – SHB FC). SHB có cơ cấu lao động hợp lý, tốc độ phát triển cả về chất và lượng của nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh.

Hệ thống ngân hàng lõi được nâng cấp, nhiều hạng mục của các dự án ứng dụng công nghệ 4.0 tiếp tục được hoàn thành nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động kinh doanh, vận hành và quản lý hệ thống.

Tóm lại, hành trình 25 năm của SHB là cuộc hành trình ấn tượng, được ghi dấu bởi vị thế một trong 05 NHTMCP tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam. Thành công của SHB trong cuộc hành trình này đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận bằng việc tặng thưởng Huân chương lao động Hạng Nhì, Hạng Ba, bằng khen từ NHNN Việt Nam, các giải thưởng uy tín trong và ngoài nước, sự nhìn nhận và đánh giá cao từ các cổ đông, khách hàng và nhà đầu tư.

Thưa quý vị!

Phát triển an toàn bền vững và hiệu quả là mục tiêu hàng đầu của SHB. Năm 2019 sẽ là năm bứt phá để hoàn thành kế hoạch 5 năm 2016-2020 với các giải pháp, kế hoạch cụ thể như: tăng trưởng các chỉ số chính vào khoảng 15% - 20%, tăng trưởng cấp tín dụng luôn theo quy định của NHNN; tăng trưởng nguồn vốn hài hòa, đa dạng đảm bảo an toàn thanh khoản hướng tới các tiêu chuẩn quốc tế, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Chính vì vậy, Hội đồng quản trị sẽ luôn phải nhận diện và đối mặt với những thách thức để xây dựng và triển khai chiến lược phù hợp.

Quý I/2019 đã kết thúc, SHB đã bước sang tuổi 26 với mục tiêu và tham vọng lớn hơn, cao hơn những năm trước: Từ Top 5 tiến lên Top 3 các ngân hàng TMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam

Chúng tôi hiểu rằng mục tiêu này là thách thức

nhưng đây là động lực mạnh mẽ thúc đẩy chúng ta cùng nắm chặt tay nhau đoàn kết, quyết tâm thực hiện vì sự thịnh vượng và thành công của mỗi chúng ta, của SHB; không ngừng nâng cao uy tín và vị thế của SHB trong ngành tài chính – ngân hàng tại Việt Nam, Lào, Campuchia, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Thưa quý vị!

Đạt được những thành tích tốt đẹp trên, đó là nhờ sự đoàn kết - quyết tâm và nỗ lực không ngừng của toàn thể CBNV, sự quan tâm hỗ trợ của các cấp, các ngành và Ngân hàng nhà nước, sự hợp tác đầu tư của Quý cổ đông, sự tin tưởng hợp tác đồng hành của các đối tác chiến lược, các doanh nghiệp – doanh nhân và người dân trong cả nước, người dân tại Lào, Campuchia.

Một lần nữa, tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác quý báu của toàn thể Quý vị!

Thưa quý vị!

Phát huy truyền thống tốt đẹp trong 26 năm qua, SHB sẽ không ngừng đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị điều hành; phát triển an toàn, minh bạch và bền vững; hướng đến đạt các chuẩn mực của ngân hàng quốc tế; thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện thành công mục tiêu chiến lược đã đề ra vì sự phồn vinh của SHB, vì lợi ích tối đa của cổ đông, đối tác chiến lược, các doanh nghiệp – doanh nhân và sự thịnh vượng của đất nước.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc, thành công!

Chủ tịch HĐQT



Đỗ Quang Hiến

TÂM NHÌN

Trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hàng đầu Việt Nam, khu vực và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế

SỨ MỆNH

Là ngân hàng hàng đầu của Việt Nam cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích theo tiêu chuẩn quốc tế, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, khách hàng, đối tác... góp phần vào sự thịnh vượng của đất nước.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Lợi ích của cổ đông

SHB luôn cam kết bảo toàn và gia tăng giá trị ngân hàng; không ngừng tăng trưởng đi đôi với phát triển an toàn bền vững, đem lại lợi ích tối đa, tạo nên sự thịnh vượng cho các cổ đông-nhà đầu tư, khách hàng, đối tác... cũng như SHB.



Trọng tâm là khách hàng

Am hiểu tận tường, kết nối, hướng tới khách hàng và thị trường với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, các sản phẩm dịch vụ hiện đại, đa dạng, tiện ích là những gì tốt đẹp nhất mà SHB dành cho các khách hàng.



Văn hóa doanh nghiệp

SHB luôn giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB với tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động để tạo ra sức mạnh tập thể, đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngân hàng.



Liên chính và minh bạch

Minh bạch, trung thực trong mọi hoạt động cùng với nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro, kiểm toán, kiểm soát nội bộ là nhiệm vụ tối quan trọng để SHB tạo được niềm tin từ khách hàng và đối tác.



Không ngừng đổi mới

SHB không ngừng lắng nghe, luôn luôn học hỏi, cải tiến, đổi mới sáng tạo nhằm tạo lợi thế cạnh tranh và sự khác biệt.



Giá trị thương hiệu

Là ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng, SHB có bản sắc riêng, có uy tín, vị thế trong nước và quốc tế. Thương hiệu là tài sản, là vinh dự của CBNV ngân hàng.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Saigon Hanoi Commercial Joint Stock Bank

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: SHB

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800278630 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp

Đăng ký lần đầu: Ngày 13/11/1993

Đăng kí thay đổi lần thứ 25: Ngày 08/03/2018.

Vốn điều lệ: 12.036.161.100.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 16.332.532.000.000 đồng

Địa chỉ: 77 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3942 3388

Fax: (024) 3941 0944

Website: www.shb.com.vn

Mã cổ phiếu: SHB



SHB tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với sự hiện diện tại 45 tỉnh thành trong nước và tại Lào, Campuchia với trên 500 điểm giao dịch



2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày thành lập

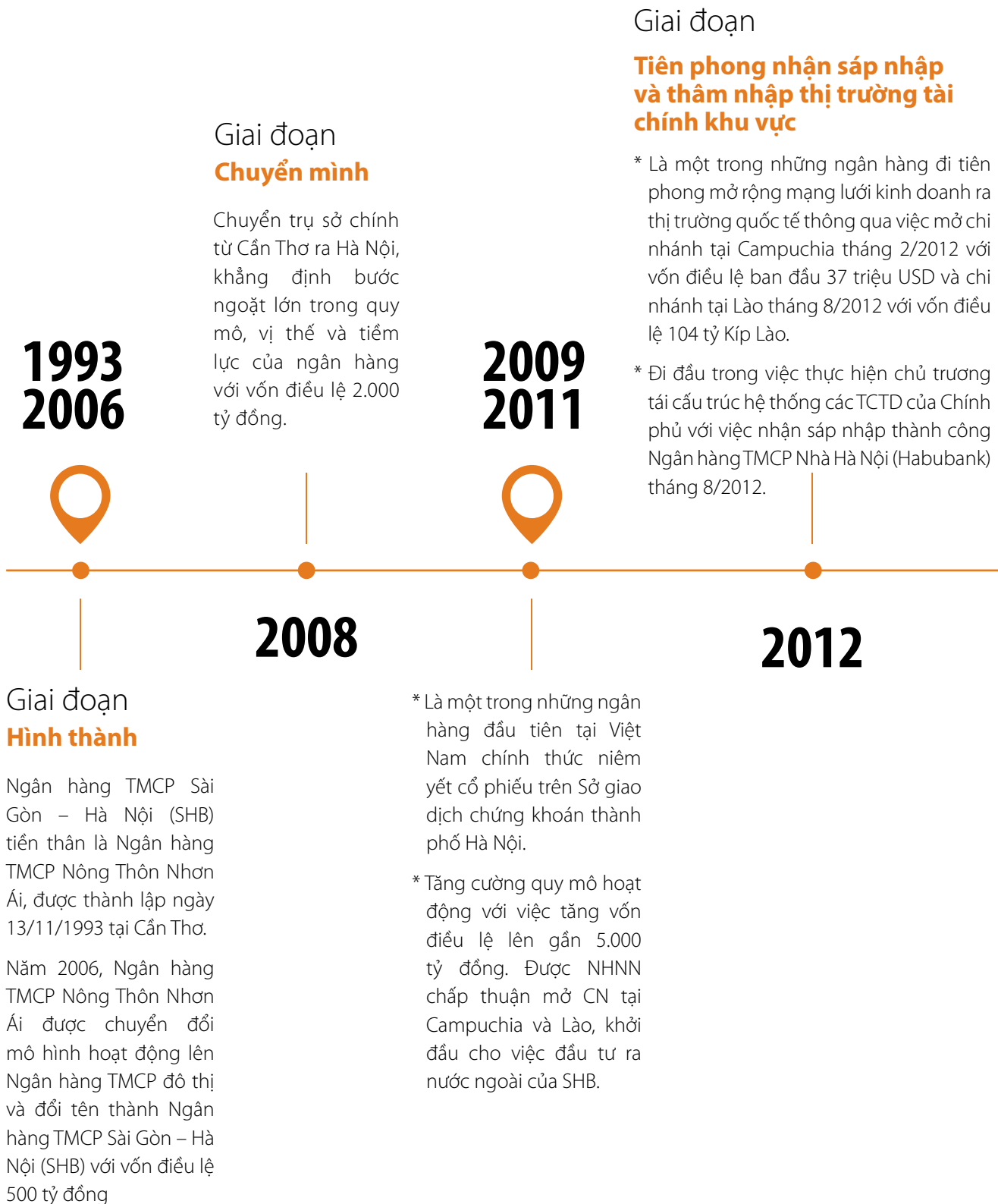
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) được thành lập ngày 13/11/1993 theo Quyết định số 214/QĐ-NH5 và Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP của Ngân hàng nhà nước Việt Nam với tên gọi ban đầu là Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Nhơn Ái. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 8/3/2017.

Thời điểm niêm yết

SHB niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 399/QĐ-SGDHN, ngày bắt đầu giao dịch 20/04/2009.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Các giai đoạn phát triển



**2013
2015**

- * Tăng vốn điều lệ lên 11.197 tỷ đồng, mạng lưới tăng lên gần 500 điểm trong và ngoài nước.
- * Khai trương Ngân hàng con 100% vốn tại Lào ngày 15/1/2016 và ngân hàng con 100% vốn tại Campuchia ngày 9/9/2016 thể hiện những nỗ lực vượt bậc của SHB sau thời gian kinh doanh tại 2 thị trường này ở cấp độ chi nhánh.
- * Nhận sáp nhập Công ty cổ phần Tài chính Vinaconex Viettel (VVF) tháng 12/2016 và thành lập Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC).

2017

- * SHB kỷ niệm 25 năm thành lập và phát triển, vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì lần thứ 2 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng, khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam.
- * 2018 cũng là năm SHB thực hiện triệt để tái cấu trúc tổ chức bộ máy và mô hình hoạt động với việc sáp nhập/chia tách nhiều khối/ban/phòng nghiệp vụ phù hợp với chiến lược phát triển; sắp xếp lại 100% chức danh và hệ thống lương cho người lao động; áp dụng các chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) thống nhất trên toàn hệ thống; hoàn thành nhiều dự án công nghệ hỗ trợ hoạt động kinh doanh, quản lý, quản trị rủi ro như nâng cấp hạ tầng hệ thống CoreBank, Core Thẻ, Ebanking,

2016

- * Kỷ niệm 20 năm thành lập, SHB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng, đánh dấu sự thành công qua quá trình phát triển.
- * Tăng vốn điều lệ lên 9.500 tỷ đồng, mạng lưới giao dịch tăng lên gần 500 điểm trong và ngoài nước.

- * SHB tăng vốn điều lệ lên 12.036 tỷ đồng, nâng cao năng lực tài chính
- * Được chấp thuận mở văn phòng đại diện tại Cộng hòa Liên bang Myanmar. Đây cũng là bước tiến quan trọng của SHB khi không chỉ có mặt tại bán đảo Đông Dương mà còn vươn ra khu vực Đông Nam Á.

2018 - Nay

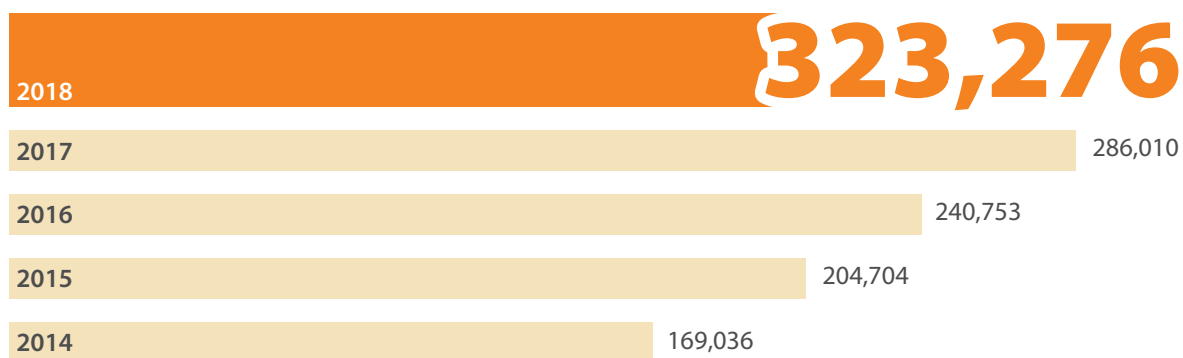
- Dự án quản lý thông tin máy trạm trên phần mềm ServiceDesk, phần mềm FTP server Bitvise SSH tại ATM, công cụ chuyển POS user cho các ứng dụng nhằm hạn chế phân quyền thủ công, dự án ECM, CRM, Basel2, Thu hồi nợ, Dự án Chống thất thoát dữ liệu (DLP);...
- * Với tôn chỉ hoạt động "Đối tác tin cậy, Giải pháp phù hợp" và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới nhằm mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư, SHB luôn làm hài lòng khách hàng và đối tác với những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đồng bộ, tiện ích, chất lượng và cạnh tranh với phong cách phục vụ chuyên nghiệp.
- * Không ngừng nỗ lực, SHB phấn đấu trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng hàng đầu Việt Nam, đến năm 2020 trở thành Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế.

NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG

GIẢI ĐOẠN 2014 - 2018

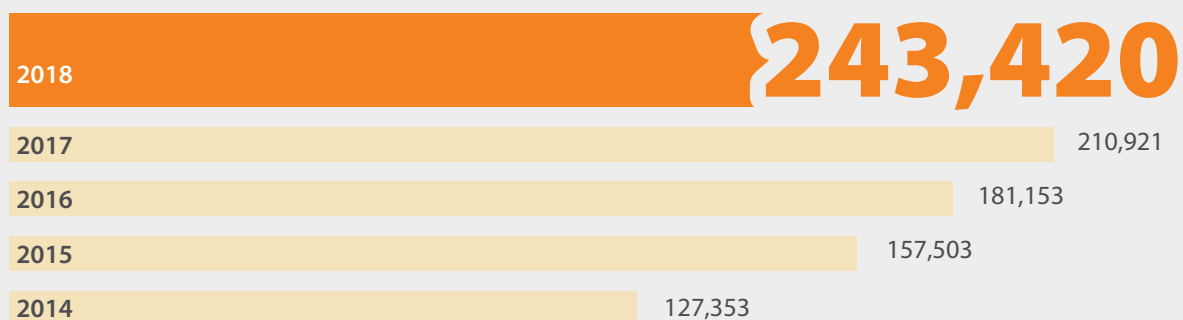
Tổng tài sản

(tỷ đồng)



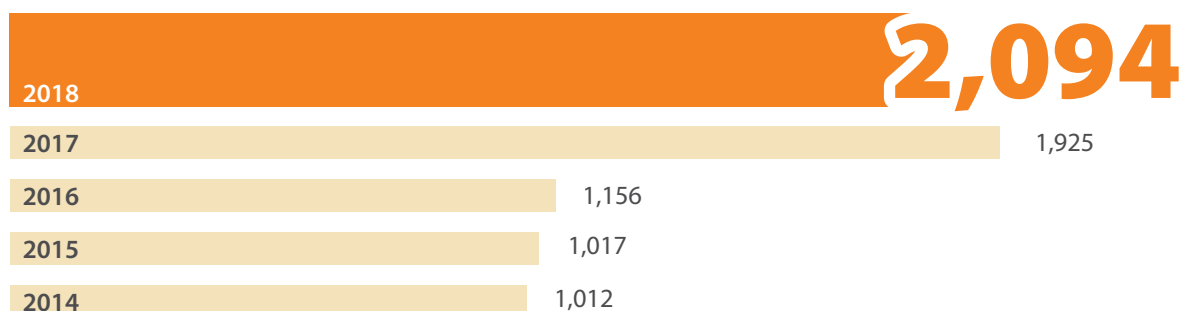
Huy động vốn của TCKT và cá nhân

(tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế

(tỷ đồng)

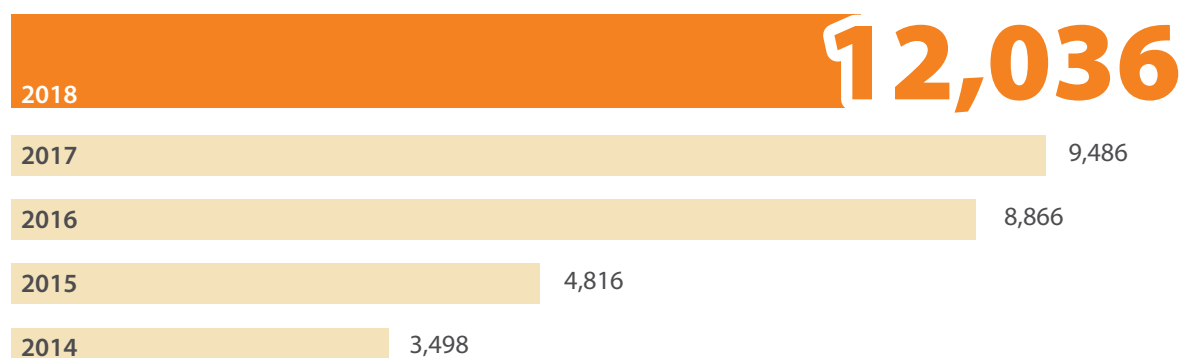


NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG

GIẢI ĐOẠN 2014 - 2018

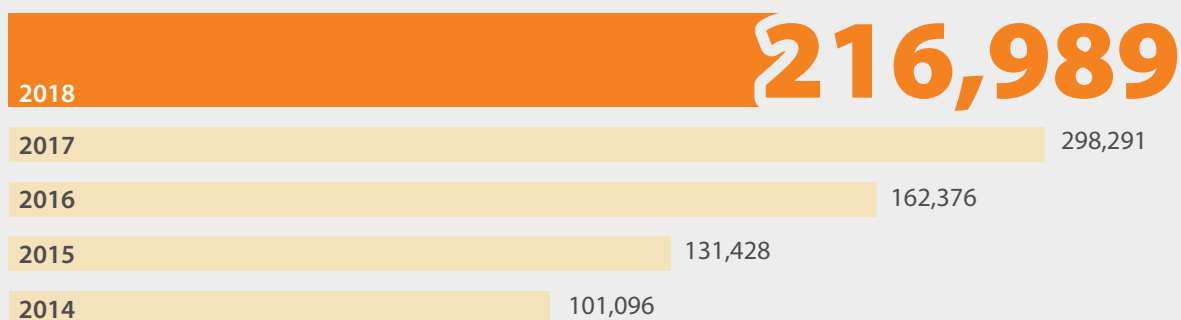
Vốn điều lệ

(tỷ đồng)



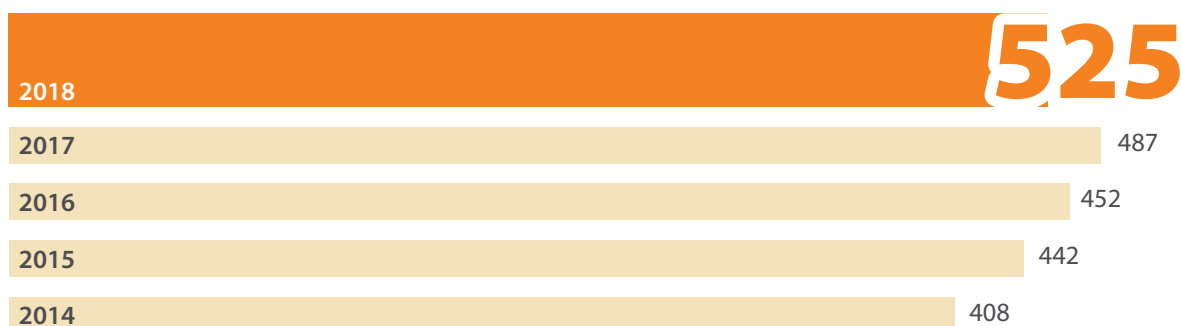
Dư nợ cho vay khách hàng

(tỷ đồng)



Mạng lưới

(điểm giao dịch)



3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.1 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của ngân hàng là thực hiện các giao dịch huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Cho vay ngắn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật; Bao thanh toán, dịch vụ bảo quản tài sản và cho thuê tủ, két an toàn (bao gồm cả dịch vụ giữ hộ, bảo quản vàng); Đại lý bảo hiểm; Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng giấy tờ có giá khác.

3.2 ĐỊA BÀN KINH DOANH

Đến 31/12/2018, SHB tiếp tục mở rộng mạng lưới, nâng tổng số điểm giao dịch lên 525 điểm, hoạt động tại gần 50 tỉnh, thành phố trong nước, là những tỉnh thành phố lớn trực thuộc trung ương, những tỉnh/ thành phố có tiềm năng phát triển kinh tế mạnh trên cả nước.

Tại nước ngoài: SHB đã có mặt tại 3 nước Đông Nam Á là CHDCND Lào (Viêng Chăn, Champasack, Savanakhet), Vương Quốc Campuchia (Phnompenh, Kampong Thom, Nehru,...), Myanmar và đang làm thủ tục mở văn phòng đại diện tại Australia.

Chi tiết địa bàn kinh doanh kính mời Quý vị xem mục Mạng lưới hoạt động, trang 90...

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

SHB thực hiện quản trị theo mô hình hiện đại, tinh gọn, chặt chẽ và tối ưu, phù hợp với chiến lược phát triển theo hướng Ngân hàng bán lẻ.

4.2. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Nhằm tối ưu hóa bộ máy, tập trung nguồn lực để phát triển kinh doanh, SHB đã kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các Khối/Phòng/Ban theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, có chiều sâu trên toàn hệ thống.

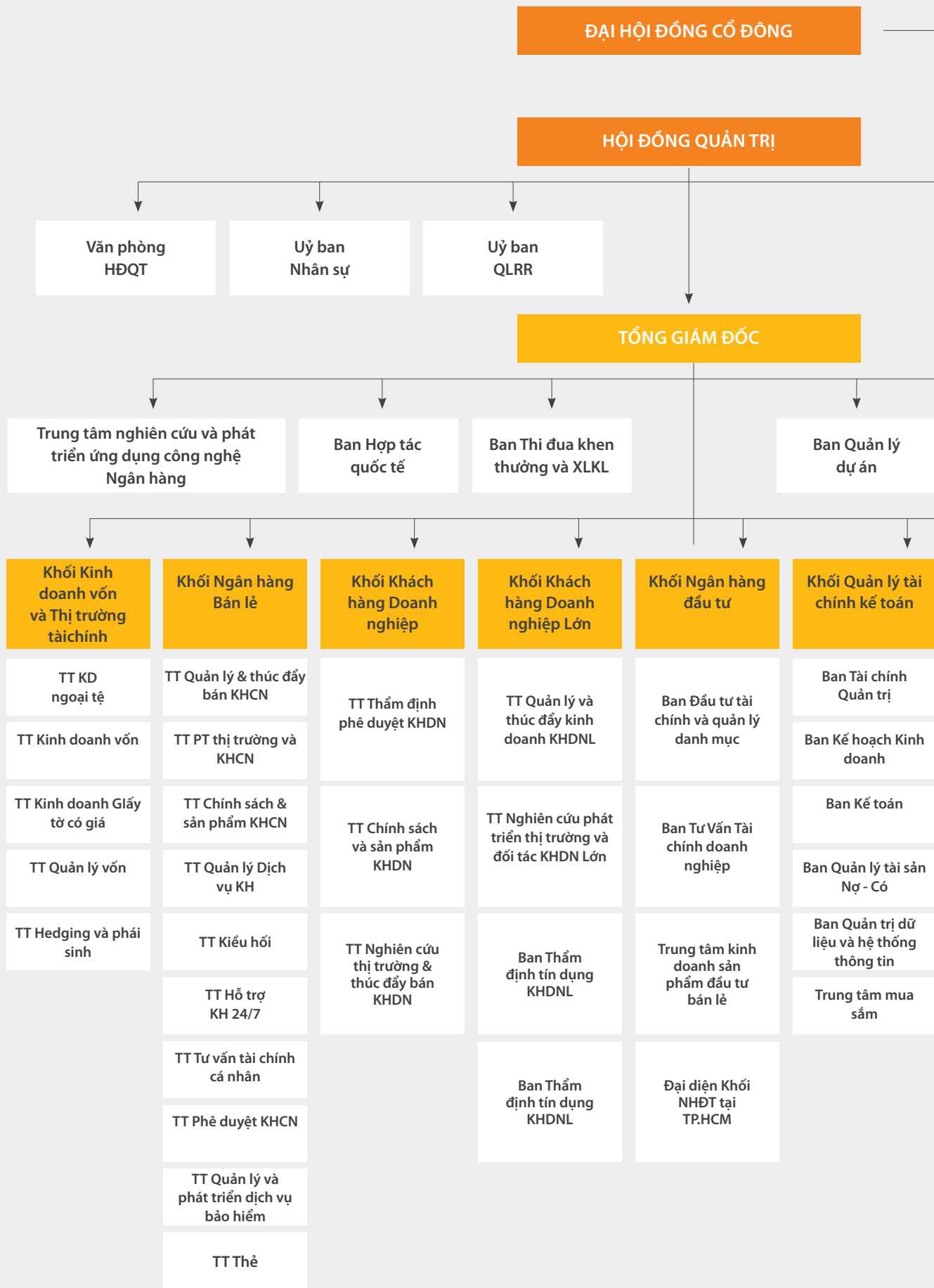
Bộ máy quản lý của SHB bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

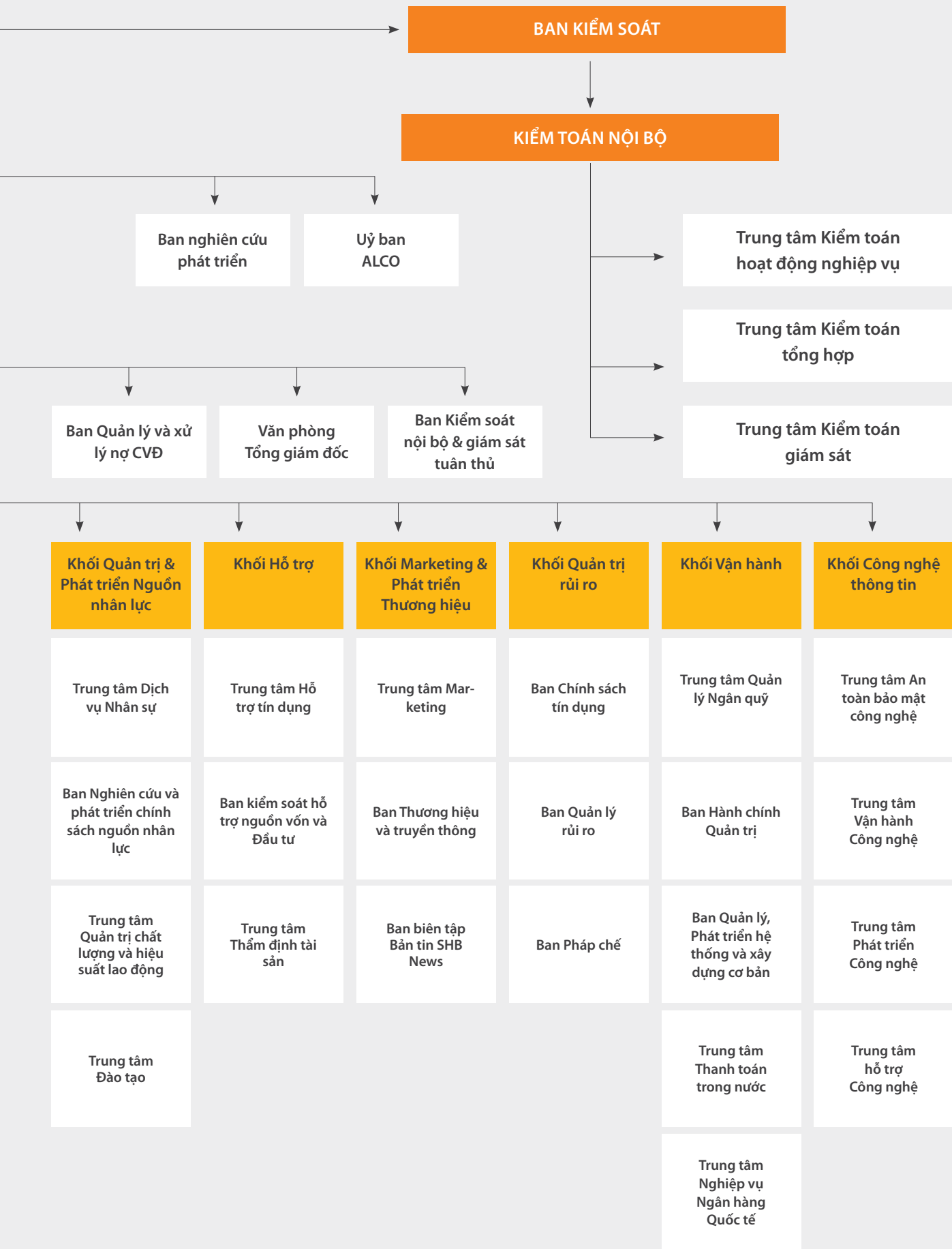
Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng

Hội đồng quản trị bao gồm Ủy ban nhân sự, Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban Alco, Hội đồng xử lý rủi ro, Hội đồng tín dụng, Hội đồng xử lý nợ, Hội đồng mua sắm TSCĐ, Hội đồng đầu tư, Ban nghiên cứu phát triển.

SHB gồm Ngân hàng và các công ty con. Ngân hàng bao gồm các đơn vị tại Hội sở, các chi nhánh và phòng giao dịch. Hội sở bao gồm các khối, ban, trung tâm, văn phòng trực thuộc Tổng Giám đốc.

CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC





BAN KIỂM SOÁT

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ban nghiên cứu
phát triển

Uỷ ban
ALCO

Trung tâm Kiểm toán
hoạt động nghiệp vụ

Trung tâm Kiểm toán
tổng hợp

Trung tâm Kiểm toán
giám sát

Ban Quản lý và xử
lý nợ CVĐ

Văn phòng
Tổng giám đốc

Ban Kiểm soát
nội bộ & giám sát
tuần thủ

**Khối Quản trị &
Phát triển Nguồn
nhân lực**

Khối Hỗ trợ

**Khối Marketing &
Phát triển
Thương hiệu**

**Khối Quản trị
rủi ro**

Khối Vận hành

**Khối Công nghệ
thông tin**

Trung tâm Dịch
vụ Nhân sự

Trung tâm Hỗ
trợ tín dụng

Trung tâm Mar-
keting

Ban Chính sách
tín dụng

Trung tâm Quản
lý Ngân quỹ

Trung tâm An
toàn bảo mật
công nghệ

Ban Nghiên cứu và
phát triển chính
sách nguồn nhân
lực

Ban kiểm soát hỗ
trợ nguồn vốn và
Đầu tư

Ban Thương hiệu
và truyền thông

Ban Quản lý
rủi ro

Ban Hành chính
Quản trị

Trung tâm
Vận hành
Công nghệ

Trung tâm
Quản trị chất
lượng và hiệu
suất lao động

Trung tâm
Thẩm định tài
sản

Ban biên tập
Bản tin SHB
News

Ban Pháp chế

Ban Quản lý,
Phát triển hệ
thống và xây
dựng cơ bản

Trung tâm
Phát triển
Công nghệ

Trung tâm
Đào tạo

Trung tâm
Thanh toán
trong nước

Trung tâm
hỗ trợ
Công nghệ

Trung tâm
Nghiệp vụ
Ngân hàng
Quốc tế

4.3 CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh chính | Vốn điều lệ thực góp | Vốn góp của SHB | Tỷ lệ nắm giữ |
|---|--|---------------------------------|----------------------|-----------------|---------------|
| Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC) | Số 71B, Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | Quản lý nợ và khai thác tài sản | 20 tỷ đồng | 20 tỷ đồng | 100% |
| Ngân hàng TNHH MTV SHB Lào | Tổ 1 đường Lanexang, bản Hatsadytai, Huyện Chanthabuly, Thủ đô Viêng Chăn, Lào | Tài chính, Ngân hàng | 50 triệu USD | 50 Triệu USD | 100% |
| Ngân hàng TNHH MTV SHB Campuchia | 707 Đại lộ Monivong, Thủ đô PhnomPenh, Vương quốc Campuchia | Tài chính, ngân hàng | 75 triệu USD | 50 triệu USD | 100% |
| Công ty tài chính TNHH MTV SHB | Tầng 1, Nhà 18T2, Khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội | Tài chính, ngân hàng | 1.000 tỷ đồng | 1.000 tỷ đồng | 100% |

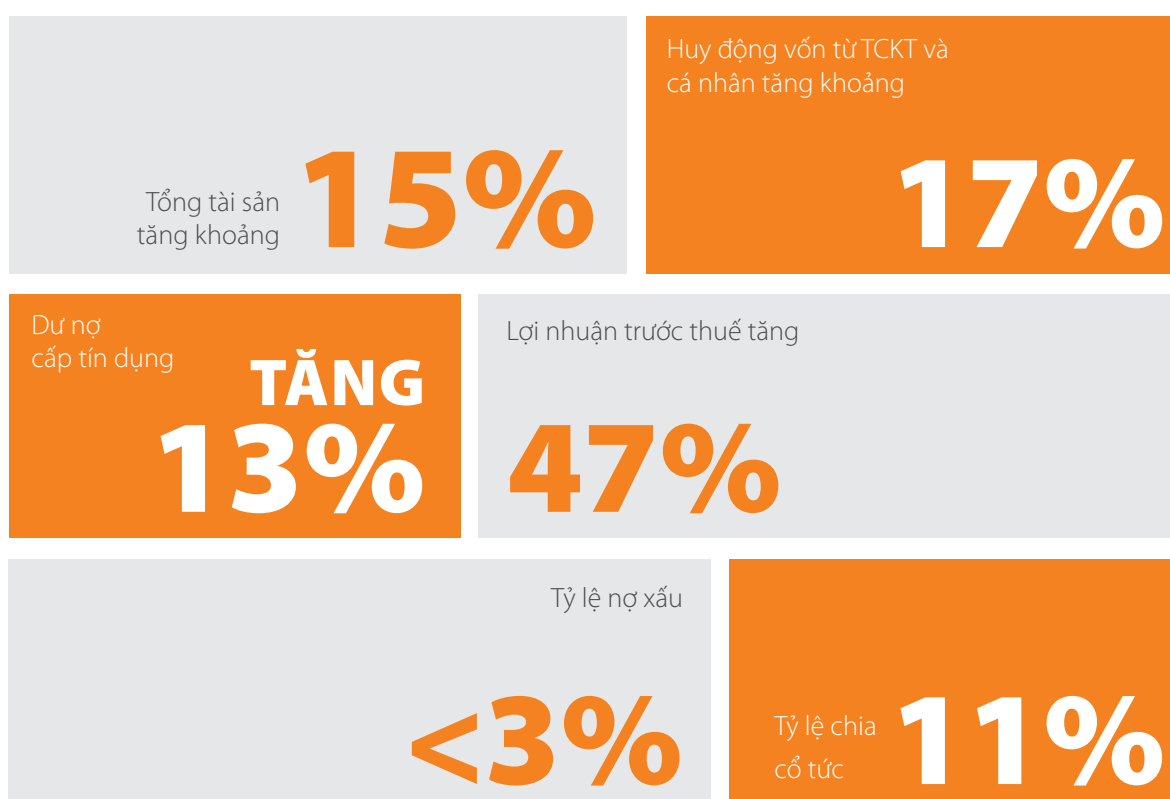
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1 Các mục tiêu chủ yếu

Để đạt được tầm nhìn trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hàng đầu Việt Nam và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế, SHB thực hiện xây dựng chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn phát triển có định hướng lâu dài.

Các mục tiêu tài chính chủ yếu năm 2019:

Đơn vị tính: %



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

| MỤC TIÊU | CHIẾN LƯỢC |
|--------------------------------------|---|
| <p>Tăng trưởng hiệu quả, an toàn</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển ngân hàng bán lẻ đa năng theo hướng hiện đại, có khả năng cạnh tranh lớn hơn với lợi thế và luôn tạo sự khác biệt, dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng; - Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ làm nền tảng cho các hoạt động chính, nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng suất lao động của nhân viên, đồng thời phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng đồng bộ, tiện ích và cạnh tranh. - Phát triển hoạt động cho vay tiêu dùng khách hàng cá nhân nhằm tăng nguồn lợi nhuận đáng kể, đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh thông qua Công ty tài chính tiêu dùng SHB (SHBFC). - Tập trung lành mạnh hóa và tăng cường năng lực tài chính; Phát triển quy mô và trình độ tương ứng với các ngân hàng trong khu vực để từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; - Đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng, thanh toán; Giảm thiểu tổn thất, chi phí xử lý những vấn đề rủi ro phát sinh của hệ thống; |
| <p>Phát triển bền vững</p> | <p>Nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo an toàn theo chuẩn mực quốc tế và yêu cầu của Ủy ban Basel.</p> <p>Thực hiện các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội, giáo dục đối với cộng đồng thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tấm lòng thiện nguyện của cán bộ nhân viên và SHB coi đó như một giá trị văn hóa cơ bản để không ngừng phát triển.</p> <p>SHB cam kết chung tay bảo vệ môi trường sinh thái với các hoạt động giảm khí thải nhà kính và rác thải trong văn phòng làm việc; Phát triển tín dụng xanh với tiêu chí quan trọng được đặt ra trong quá trình thẩm định dự án là những dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.</p> |

6. CÁC RỦI RO

Năm 2018, SHB tiếp tục thực hiện quản lý rủi ro chủ động. Các rủi ro được nhận dạng, đánh giá định kỳ và được báo cáo kịp thời đến Ban điều hành và Hội đồng quản trị, đảm bảo việc kiểm soát những ảnh hưởng của rủi ro đến kết quả hoạt động kinh doanh, danh tiếng của Ngân hàng.

Bối cảnh kinh tế và những rủi ro, thách thức

Năm 2018, kinh tế thế giới tăng trưởng chững lại trong bối cảnh xung đột xảy ra ở nhiều nơi, cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra gay gắt. Chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh thương mại gia tăng, khoa học công nghệ phát triển nhanh và cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Lạm phát toàn cầu có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá hàng hóa năng lượng tăng, đặc biệt giá dầu bình quân tăng mạnh.

Ở trong nước, trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới, chúng ta đã theo dõi sát, kết hợp hài hòa các chính sách, tăng khả năng thích ứng của nền kinh tế, tạo môi trường vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế xã hội. Năm 2018, tăng trưởng GDP đạt 7,08%, là mức tăng trưởng cao nhất 10 năm trở lại đây. Chỉ số lạm phát (CPI) được kiểm soát ở mức 3,54%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,2 tỷ USD, là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay. Ngành ngân hàng vẫn tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác, bảo đảm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Đến cuối năm 2018, tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 12,5% so với cuối năm 2017; Tăng trưởng tín dụng đạt 14%; Toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đã xử lý được 149,22 nghìn tỷ đồng nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống tổ chức tín dụng là 1,89%, giảm so với mức 2,46% cuối năm 2016 và mức 1,99% cuối năm 2017.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chững lại, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam 2018 đã có những cải thiện tích cực ở cả góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững. Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do có hiệu lực mở ra cơ hội nhưng cũng là áp lực lớn cho nhà nước và doanh nghiệp trong việc tái cơ cấu các thể chế kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh. Các điều kiện vĩ mô và chính sách năm 2019 sẽ không còn quá thuận lợi như giai đoạn trước. Trong bối cảnh mà rủi ro kinh tế toàn cầu ngày càng gia tăng, từ chiến tranh

thương mại, khủng hoảng và suy thoái, dẫn đến nhà điều hành trong nước phải đặt mục tiêu ưu tiên ổn định hơn bao giờ hết.

NHNN đã bắt đầu định hướng thắt chặt chính sách tiền tệ trở lại. Dự báo, tăng trưởng tín dụng trong 3 - 5 năm tới sẽ duy trì khoảng 14%/năm, thấp hơn so với giai đoạn 2015 - 2017 (trung bình 18,1%), xuất phát từ cả cung và cầu tín dụng. Về phía cầu tín dụng, tăng trưởng kinh tế được dự báo chậm lại với GDP năm 2019 tăng khoảng 6,4 - 6,5%, đồng nghĩa với nhu cầu vay vốn mở rộng sản xuất - kinh doanh từ phía doanh nghiệp giảm tốc. Ngoài ra, lãi suất được dự báo tăng 0,25 - 0,5%/năm trong năm 2019 cũng sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn của khách hàng. Về phía cung tín dụng, nguồn cung tín dụng bất động sản đang bị siết lại thông qua quy định nâng hệ số rủi ro đối với các khoản cho vay kinh doanh bất động sản lên 200% từ đầu năm 2018 và 250% vào đầu năm 2019.

Bên cạnh đó, với các tỷ lệ an toàn thanh khoản tăng lên theo quy định, cụ thể là tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn đã chính thức giảm từ 45% về 40% kể từ đầu năm 2019 sẽ khiến các ngân hàng bị hạn chế dòng vốn cho vay trung dài hạn, vốn có biên lãi suất cao hơn. Các ngân hàng phải tăng lãi suất huy động kỳ hạn dài để huy động được vốn trung - dài hạn nhằm cân đối lại nguồn đáp ứng quy định của Thông tư 19/2017/TT-NHNN.

Về phía nguồn vốn đầu vào, hoạt động huy động vốn cũng sẽ đối mặt với nhiều khó khăn trong bối cảnh lãi suất chịu nhiều áp lực. Thực tế là mặt bằng lãi suất đã bắt đầu có xu hướng dâng lên từ cuối quý III/2018. Trong khi đó, với việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tiếp có đến 4 lần tăng lãi suất trong năm vừa qua, khiến các ngân hàng trong nước đang vay ngoại tệ hoặc được tài trợ thương mại từ các định chế tài chính quốc tế sẽ đối mặt với chi phí vốn ngoại tệ cũng có thể điều chỉnh tăng lên.

Chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng thấp sẽ làm con đường gia tăng nguồn thu nhập từ hoạt động tín dụng của các ngân hàng bị ảnh hưởng mạnh từ

CÁC RỦI RO

đó ảnh hưởng đến bức tranh lợi nhuận ngân hàng. Bởi lẽ, lợi nhuận ngân hàng chủ yếu đến từ tín dụng. Để giảm dần phụ thuộc vào tín dụng và tăng trưởng lợi nhuận bền vững, các ngân hàng đã và đang từng bước đẩy mạnh hoạt động dịch vụ, song không thể kỳ vọng đẩy nhanh trong một sớm, một chiều. Với chủ trương kiểm soát tăng trưởng tín dụng theo hướng giảm dần và chi phí đầu vào tăng theo xu hướng tăng của lãi suất là yếu tố khiến các ngân hàng phải cân nhắc về mục tiêu kinh doanh.

Thời điểm đáp ứng các tiêu chuẩn Basel II đang đến gần và lộ trình NHNN đề ra là đến năm 2020, hệ thống ngân hàng Việt Nam phải đáp ứng chuẩn Basel II, nên áp lực tăng vốn là không nhỏ. Theo đó các ngân hàng muốn đẩy mạnh phát triển kinh doanh thì phải gia tăng được vốn tự có đảm bảo tương ứng. Với bối cảnh tăng vốn hiện nay vẫn rất khó khăn, do đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nói chung và tăng trưởng tín dụng nói riêng cho giai đoạn tới.

Những tác động và chiến lược quản trị rủi ro của SHB

Căn cứ theo các dự báo kinh tế vĩ mô, kinh tế Việt Nam năm 2019 và thời gian tới sẽ có nhiều khó khăn. Từ đầu năm 2019, tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn sẽ giảm từ 45% xuống còn 40%, SHB sẽ phải giảm vốn cho vay ra để đáp ứng các tỷ lệ an toàn theo yêu cầu, trong khi đó việc huy động trung dài hạn hiện nay vẫn rất khó khăn trong bối cảnh lãi suất chịu nhiều áp lực. Bên cạnh đó, nguồn vốn vay ngoại tệ hoặc được tài trợ thương mại từ các định chế tài chính quốc tế của SHB sẽ đối mặt với chi phí vốn ngoại tệ cũng có thể điều chỉnh tăng lên. Ngoài ra, hệ số rủi ro đối với các khoản cho vay kinh doanh bất động sản cũng sẽ tăng lên từ mức 200% như hiện nay lên 250% từ đầu năm 2019, điều này sẽ khiến các ngân hàng cũng như SHB càng hạn chế vốn rót ra cho vay bất động sản. Việc áp dụng tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II sẽ có hiệu lực từ đầu năm 2020, theo đó, SHB muốn đẩy mạnh phát triển kinh doanh thì phải gia tăng được vốn tự có đảm bảo tương ứng. Với bối cảnh tăng vốn hiện nay vẫn rất khó khăn, do đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nói chung và tăng trưởng tín dụng nói riêng cho giai đoạn tới của SHB

Trong bối cảnh đó, SHB đã cải tiến liên tục, mạnh mẽ mô hình quản trị rủi ro tập trung, hướng tới xây dựng nền tảng quản trị rủi ro hiện đại, tiệm cận với

các thông lệ quốc tế nhằm chủ động cảnh báo sớm, giám sát, giảm thiểu các loại rủi ro do nền kinh tế cũng như kiểm soát chặt chẽ các loại rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động....Chiến lược quản trị rủi ro được cấu trúc, gắn chặt theo từng phân khúc kinh doanh của ngân hàng, đảm bảo công tác quản trị rủi ro được cập nhật và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh doanh.

Bên cạnh đó, với mục tiêu từng bước triển khai và áp dụng các chuẩn mực quốc tế về an toàn theo Basel II, SHB đã đưa ra kế hoạch, lộ trình triển khai cụ thể đối với từng nghiệp vụ, từng bước chuẩn mực hóa các quy trình, công cụ và cách thức vận hành của hệ thống. Trong đó, SHB sẽ phát hành thêm vốn điều lệ và nợ thứ cấp để đảm bảo hệ số an toàn vốn tuân thủ theo chuẩn Basel (theo Thông tư 41/2015/TT-NHNN và Thông tư 13/TT-NHNN) để tiếp tục duy trì tốc độ phát triển quy mô kinh doanh song song với việc tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động.

Hoạt động kinh doanh được đa dạng hóa theo hướng tới phát triển dịch vụ nhằm giảm bớt sự phụ thuộc thu nhập từ hoạt động tín dụng. Để tăng cường nguồn vốn trung dài hạn, bên cạnh huy động tiền gửi tiết kiệm từ khách hàng, SHB tập trung đẩy mạnh công tác là ngân hàng phục vụ các nguồn vốn ODA của các tổ chức tài chính quốc tế, đẩy mạnh huy động vốn từ các định chế tài chính trong nước và quốc tế với nguồn vốn có kỳ hạn dài, chi phí hợp lý.

Đặc biệt, SHB dành chi phí lớn để đầu tư các dự án công nghệ hướng tới nâng cao năng lực phục vụ khách hàng và quản trị rủi ro. Trong đó, SHB đã khởi động dự án "Hiện đại hóa ngân hàng" với chiến lược tổng thể 5 năm do Tập đoàn IBM tư vấn, đón đầu xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đồng thời, SHB cũng chú trọng đào tạo và phát triển nhân lực theo chuẩn quốc tế và nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, đảm bảo hoạt động ngân hàng phát triển an toàn, bền vững.

Nhận diện những rủi ro đặc thù

Bên cạnh những rủi ro từ môi trường vĩ mô, SHB cũng luôn nhận diện, theo dõi sát sao và kiểm soát những rủi ro đặc thù của ngành như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường..

a) Rủi ro tín dụng

Là rủi ro xảy ra khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán.

Đo lường, giám sát và quản lý rủi ro: SHB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

SHB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của SHB có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất. Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, SHB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của SHB

b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Đo lường, giám sát và quản lý rủi ro: Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của SHB.

Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các

tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. SHB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của SHB đều do Hội sở chính thực hiện.

c) Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro tổn thất phát sinh do các quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc không hoạt động tốt, do con người và hệ thống hoặc do các sự kiện bên ngoài.

Đo lường, giám sát và quản lý rủi ro: Để xác định các rủi ro chính, SHB dựa trên những chỉ số rủi ro chính (KRI) được xây dựng cho từng lĩnh vực kinh doanh và công cụ phân tích kịch bản để bổ sung cho việc phân tích dữ liệu tổn thất.

d) Rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của SHB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ phải trả cụ thể.

Đo lường, giám sát và quản lý rủi ro: SHB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng. SHB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá.

Đo lường, giám sát và quản lý rủi ro: SHB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của SHB và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SHB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

Năm 2018, SHB tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam với việc hoàn thành và đạt các mục tiêu, bước ngoặt quan trọng

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2018, SHB tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam với việc hoàn thành và đạt các mục tiêu, bước ngoặt quan trọng:

Tổng tài sản của ngân hàng đạt 323.276 tỷ đồng, tăng 13,03% so với năm 2017, đạt 102,5% kế hoạch. Vốn tự có đạt 22.011 tỷ đồng, trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 16.333 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2017.

Với mục tiêu đặt trọng tâm thị trường I, tổng nguồn vốn huy động đạt 300.565 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 243.420 tỷ đồng, tăng 15,41% so với năm 2017, hoàn thành kế hoạch.

Nguồn vốn huy động dồi dào, dài hạn là điều kiện quan trọng để SHB giải ngân cho vay nhiều lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế theo định hướng của Chính phủ và NHNN. Dự nợ cấp tín dụng đạt 231.498 tỷ đồng, tăng 15%, trong đó, dự nợ cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 216.989 tỷ đồng.

Mạng lưới và nhân sự tiếp tục được đầu tư, mở rộng với việc khai trương thêm nhiều chi nhánh mới trong và ngoài nước, nâng tổng số điểm giao dịch lên 525 điểm trong và ngoài nước. Trong đó, 1 ngân hàng con 100% vốn, 2 chi nhánh tại Lào; 1 ngân hàng con 100% vốn, 4 chi nhánh tại Campuchia, văn phòng đại diện tại Myanmar và 2 công ty con (Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – SHAMC, Công ty tài chính TNHH MTV SHB – SHB FC). Với 7.600 cán bộ nhân viên và mạng lưới trải rộng tại 44 tỉnh thành trong cả nước và nước ngoài, SHB đang phục vụ gần 4 triệu khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và kết nối tới 400 ngân hàng đại lý trên khắp các châu lục. Công tác mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành.

Với kết quả đạt được, SHB hiện nằm trong nhóm 5 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam.

Năm 2018, tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của SHB đạt gần 25.000 tỷ đồng, tăng 17,96% so với 2017. Trong đó, thu nhập lãi tăng 24%. SHB đã từng bước dịch chuyển cơ cấu thu nhập theo hướng đa dạng hóa thu nhập, giảm bớt sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng. Bên cạnh tăng trưởng quy mô, thu nhập, SHB kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm tăng hiệu quả hoạt động. Chi phí hoạt động năm 2018 tăng 593 tỷ đồng so với năm 2017 do ngân hàng tiếp tục đầu tư cho các hoạt động mở rộng mạng lưới, nhân sự, công nghệ. Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động ở mức thấp 47%.

Lợi nhuận trước thuế đạt 2.094 tỷ đồng, tăng trưởng 8,75%, hoàn thành kế hoạch 2018 Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Các tỷ lệ an toàn vốn, an toàn về thanh khoản luôn đảm bảo đạt và vượt so với quy định của Ngân hàng nhà nước, trong đó, tỷ lệ an toàn vốn đạt 11,79% (đảm bảo quy định của NHNN $\geq 9\%$), tỷ lệ dự nợ/tiền gửi đạt 75,89% (QE của NHNN $\leq 80\%$), tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn 29,30% (QE của NHNN $\leq 45\%$).

Trong năm 2018, SHB đã chính thức khai trương và ra mắt thị trường cho vay tài chính với các gói sản phẩm cho vay tiền mặt tín chấp phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân. Trong tháng đầu ra mắt dịch vụ, công ty tài chính TNHH MTV TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance) đã đạt trên 1.000 khoản vay. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm đa dạng được SHB ký kết hợp tác chiến lược toàn diện với Bảo hiểm Hàng Không (VNI), Bảo hiểm PVI và Bảo hiểm Bảo Việt đem đến sự lựa chọn đa dạng, tiện ích nhất cho khách hàng. Nhiều dự án công nghệ hiện đại hướng tới nâng cao năng lực phục vụ khách hàng đã được SHB khởi động như dự án “Hiện đại hóa ngân hàng” thông qua chiến lược công nghệ thông tin tổng thể 5 năm do Tập đoàn IBM tư vấn, đón đầu xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Công tác nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo Basel 2 đang được SHB triển khai đúng lộ trình, tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế theo định hướng của NHNN

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| Chỉ tiêu | Thực hiện 31/12/2018 | Tăng trưởng 2018/ 2016 | | % thực hiện kế hoạch 2018 |
|--|-------------------------|------------------------|--------|------------------------------|
| | | (+/-) | % | % |
| Tổng tài sản (Tỷ đồng) | 323.276 | 37.266 | 13,03% | 102,5% |
| Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | 12.036 | 839 | 7,50% | |
| Huy động từ TCKT và cá nhân (Tỷ đồng) | 243.420 | 32.498 | 15,41% | 97,13% |
| Dư nợ cho vay TCKT và cá nhân (Tỷ đồng) | 231.498 | 29.514 | 15,00% | 100,00% |
| Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng) | 2.094 | 169 | 8,75% | 102,14% |
| Tỷ lệ an toàn vốn (%) | 11,79 | | | Hoàn thành |
| Tỷ lệ nợ xấu (%) | 2,40 | | | Hoàn thành |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018)

2. TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

2.1 Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ tên | Chức vụ/ Chức vụ/Nhiệm vụ chính | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|------------------------|---|----------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Lê | Tổng Giám đốc Điều hành hoạt động chung của ngân hàng | 0,226% |
| 2 | Ông Lê Đăng Khoa | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách điều hành hoạt động của lĩnh vực Đầu tư, Kinh doanh vốn, Quản lý rủi ro, Thẩm định | Không sở hữu |
| 3 | Bà Ngô Thu Hà | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách hoạt động của Khối Tài chính kế toán, Quan hệ đối ngoại. | 0,088% |
| 4 | Bà Ninh Thị Lan Phương | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách hoạt động khối Vận hành, Quan hệ đối ngoại, | 0,004% |
| 5 | Bà Đặng Tố Loan | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách hoạt động kinh doanh khu vực TP. Hồ Chí Minh | 0,070% |
| 6 | Ông Nguyễn Huy Tài | Phó Tổng Giám đốc Phụ trách hoạt động tín dụng và hoạt động kinh doanh khu vực Hà Nội | Không sở hữu |
| 7 | Bà Ngô Thị Vân | Kế toán trưởng Phụ trách công tác Kế toán | 0,000% |

2. TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Lý lịch tóm tắt thành viên Ban điều hành



Ông NGUYỄN VĂN LÊ

Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Văn Lê được bổ nhiệm Tổng Giám đốc SHB từ năm 2000 đến nay; Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Kinh tế Học viện ngân hàng; Ông có hơn 22 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- **Thành tích:**
 - + Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng;
 - + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN; Giải thưởng nhà lãnh đạo xuất sắc, nhà lãnh đạo giỏi; Có nhiều đóng góp lớn cho sự phát triển của SHB nói riêng và kinh tế xã hội đất nước nói chung.
 - + Tham gia nhiều hoạt động xã hội, từ thiện được xã hội ghi nhận.

2. TỔ CHỨC & NHÂN SỰ



Ông LÊ ĐĂNG KHOA

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc SHB từ tháng 3/2009 đến nay; Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế quốc dân; Ông có 22 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc kinh doanh nguồn vốn và ngoại hối ngân hàng VIB.



Bà NGÔ THU HÀ

Phó Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thu Hà được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc SHB từ 15/03/2011 đến nay; Bà tốt nghiệp Tiến sĩ kinh tế, ĐH Kinh tế quốc dân; Bà có 22 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

- Từ 15/03/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc SHB



Bà NINH THỊ LAN PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

Bà Ninh Thị Lan Phương được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc SHB từ 11/6/2012 đến nay kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác tài sản SHB (SHAMC) từ năm 2017 đến nay; Bà tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế Học viện Ngân hàng; Bà có 22 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

- Từ năm 2008 – 2012: Kế toán trưởng SHB

2. TỔ CHỨC & NHÂN SỰ



Bà ĐẶNG TỐ LOAN

Phó Tổng Giám đốc

Bà Đặng Tố Loan được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh SHB TP. Hồ Chí Minh từ 09/10/2012 đến nay; Bà tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng, ĐH Kinh tế quốc dân; Bà có 23 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

Từ 08/2007-10/2012: Giám đốc Chi nhánh SHB TP. Hồ Chí Minh



Ông NGUYỄN HUY TÀI

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Huy Tài được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc SHB kiêm Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội từ 02/2013 đến nay; Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Tài chính tín dụng Học viện Ngân hàng; Cử nhân Luật, ĐH Luật Hà Nội; Ông có 21 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

- Từ 03/2009-02/2013: Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội



Bà NGÔ THỊ VÂN

Kế toán trưởng

Bà Ngô Thị Vân được bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán SHB từ 2014 đến nay; Bà tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán Kiểm toán, Học viện Ngân hàng; Bà có 16 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Kế toán, tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

- Từ năm 2014 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán

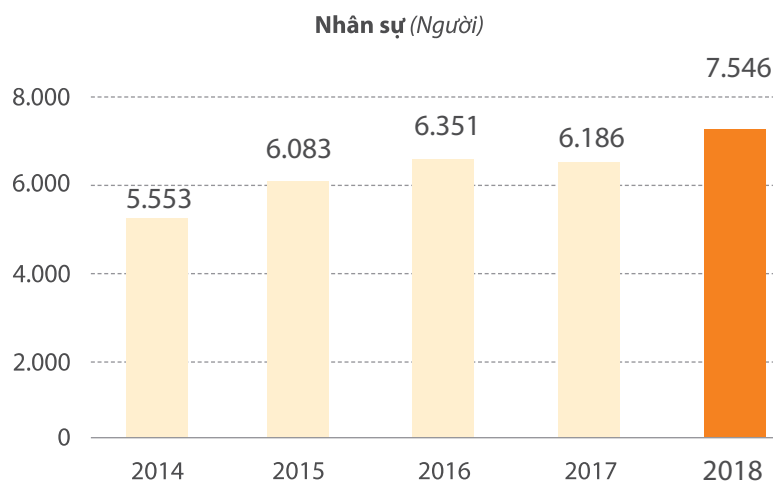
2. TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

Ngày 26/10/2018, SHB tuyển dụng và bổ nhiệm ông Trần Nhật Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Ngân hàng đầu tư. Tuy nhiên đến tháng 01/2019, vì lý do cá nhân, nhân sự đã xin thôi việc tại SHB.

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các Công ty con của SHB đến 31/12/2018 là 7.546 người, với trên 92% có trình độ Đại học và trên đại học.



2.4 Chính sách đối với người lao động

Với mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực có phẩm chất, kinh nghiệm và trình độ đáp ứng được những yêu cầu của một ngân hàng hiện đại, tâm huyết với sự phát triển của ngân hàng, SHB tiếp tục nhiều chính sách nhằm thu hút, tạo động lực phát triển và sự gắn bó lâu dài của người lao động với ngân hàng.

- **Chính sách tuyển dụng** công khai, minh bạch với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng của các ứng viên dựa trên các chuẩn mực về nghề nghiệp để làm căn cứ trong quá trình tuyển dụng.

Việc tuyển chọn nhân sự với tiêu chuẩn cao về trình độ, sức khỏe, đạo đức luôn được SHB chú trọng với việc duy trì website tuyển dụng trực tuyến, bản tin tuyển dụng nội bộ và chương trình “Thực tập sinh tài năng – SHB’s Talent Internship” đảm bảo tính chuyên nghiệp, minh bạch, công bằng, nâng cao hình ảnh, uy tín của thương hiệu SHB trên thị trường lao động.

- **Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên:** SHB luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất, lấy con người là trung tâm cho động lực phát triển của SHB với chính sách đào tạo, phát triển theo chiến lược kinh doanh của ngân hàng, được xây dựng theo từng nhóm đối tượng.

- Công tác đào tạo năm 2018 có nhiều chuyển biến với chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng chuẩn chức danh đối với các chức danh chính trong ngân hàng, trọng tâm là các khóa đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu và kỹ năng mềm.

Bên cạnh hàng trăm khóa đào tạo bên ngoài và nội bộ trực tiếp đào tạo, SHB phát triển đào tạo thông qua các ứng dụng công nghệ cao trong đào tạo như: Hệ thống quản lý học tập – thi trực tuyến SHB - LMS; Hệ thống khảo sát – đánh giá chất lượng sau khóa học trực tuyến SHB – Survey; Diễn đàn trao đổi học tập; Đào tạo qua cầu truyền hình;... nhằm tiết giảm tối đa các chi phí liên quan tới đào tạo cũng như nâng cao năng suất lao động của CBNV.

- **Chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ, chế độ phúc lợi** của SHB mang tính cạnh tranh với mục tiêu mang lại nguồn thu nhập ổn định để người lao động yên tâm gắn bó với ngân hàng.

Chi tiết các chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động, Quý vị vui lòng xem mục Phát triển bền vững - chính sách liên quan đến người lao động, trang 88.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1 Tình hình thực hiện đầu tư các dự án

Xác định mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng hiện đại hàng đầu Việt Nam, SHB đã xây dựng lộ trình chuyển đổi trở thành một ngân hàng số toàn diện, hiệu quả và năng động. Theo lộ trình này, trong vòng 05 năm, SHB sẽ tập trung vào triển khai các dự án theo các nhóm lĩnh vực Hướng tới khách hàng (Customer Centricity), Dữ liệu lớn (Big Data), Số hóa (Digital), Tối ưu hóa quy trình (Process Optimization), Hạ tầng công nghệ (Technology), Mô hình quản trị Công nghệ thông tin (IT Operating model). Để thực thi lộ trình chiến lược CNTT, ngay trong 2018, SHB đã bắt đầu khởi động các dự án trải đều ở các nhóm lĩnh vực. Một số dự án tiêu biểu như sau:

Dự án Dữ liệu lớn (Big Data):

Như chúng ta đều biết dữ liệu chính là nguồn nguyên liệu cực kỳ quan trọng của cách mạng công nghiệp 4.0. Chính vì vậy, SHB coi dữ liệu là tài sản quý giá và là một yếu tố cốt lõi trong hành trình chuyển đổi số. Do vậy, trong năm 2018 SHB bắt đầu tập trung nguồn lực vào triển khai dự án Big data, Data warehouse và Data analytic. Nguồn dữ liệu tốt, đáng tin cậy, hệ thống công cụ phân tích hiện đại sẽ giúp SHB: (i) Hiểu khách hàng để đưa ra sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhất với từng đối tượng khách hàng; (ii) Phân tích, dự báo các xu hướng kinh doanh; (iii) Phân tích, dự báo, nhận diện rủi ro dựa trên dữ liệu; (iv) Cung cấp các số liệu xác thực hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, điều hành; (v) Từng bước ứng dụng AI và Machine Learning vào các hoạt động kinh doanh cũng như quản trị; ... Một số hạng mục của dự án sẽ đưa vào vận hành cuối năm 2019 và hoàn thiện vào năm 2020.

Dự án Số hóa (Digital):

Một số dự án đầu tiên trong nhóm số hóa (Digital) đã bắt đầu khởi động như: (1) ứng dụng hệ thống văn phòng điện tử để số hóa hoạt động văn phòng, áp dụng chữ ký số thay thế ký tay, quản lý, lưu trữ công văn giấy tờ xuyên suốt trong toàn hệ thống; (2) Dự án tư vấn tái cấu trúc quy trình kinh doanh (Business re-engineering) giúp chuẩn hóa, đơn giản hóa, tối ưu hóa quy trình nhằm xác định quy trình thừa cần loại bỏ, quy trình nào có thể số hóa được; (3) Dự án tự động hóa các quy trình thông qua robot ảo (RPA – Robotic Process Automation). Dự án sẽ hoàn thành đưa vào vận hành cuối năm 2019, đầu năm 2020 theo kế hoạch.

Dự án Tối ưu hóa quy trình (Process Optimization):

Trong nhóm các dự án tối ưu hóa về quy trình, SHB tập trung mạnh vào triển khai các dự án liên quan đến Quản lý tài chính, Quản lý rủi ro và Kiểm toán nội bộ. Trong dự án về tài chính, SHB đã triển khai các giải pháp phần mềm như ERP, Planning & Budgeting, Profitability, ALM, FTP. Việc triển khai dự án Finance Transformation giúp SHB áp dụng những tiêu chuẩn, thông lệ tiên tiến nhất trong công tác Quản trị tài nhằm nâng cao và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Một số hạng mục của dự án đã hoàn thành và đưa vào vận hành cuối năm 2018 theo đúng kế hoạch, còn lại sẽ hoàn thiện vào quý 4 năm 2019.

Về dự án QLRR, SHB đã và đang hợp tác với KPMG xây dựng lộ trình triển khai Basel II. Song song với đó, SHB vừa lựa chọn liên danh nhà thầu EY-FPT-Oracle để triển khai hệ thống tính toán vốn theo Basel II (RWA). Hiện tại, SHB cũng đang xúc tiến lựa chọn đơn vị cung cấp giải pháp Quản lý kiểm toán nội bộ (Internal Audit).

Dự án Hướng tới khách hàng (Customer Centricity)

Xác định mục tiêu hướng đến khách hàng, mang lại những giá tốt nhất cho khách hàng, SHB đã đầu tư mạnh mẽ vào các dự án nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và đặt khách hàng vào trọng tâm của mọi hành động, suy nghĩ của ngân hàng. Dự án đầu tiên trong nhóm Customer centricity đang được khởi động là hệ thống CRM hiện đại.

Dự án mô hình tổ chức về Công nghệ thông tin (IT Operating Model)

Năm 2018, SHB đã bắt đầu xúc tiến làm việc với các đơn vị tư vấn hàng đầu thế giới để hỗ trợ xây dựng mô hình tổ chức về CNTT (IT Operating Model) và nguồn lực CNTT phù hợp để triển khai lộ trình nói trên. Đây là một trong những nền tảng quan trọng để SHB thực thành công chiến lược chuyển đổi thành ngân hàng số toàn diện.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.2 Công ty con



Công ty TNHH 1 thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC)

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHAMC) được cấp phép thành lập theo quyết định số 508/2009/QĐ-NHNN, ngày 11/03/2009 và chính thức hoạt động vào ngày 5/12/2009.

Sau 10 năm đi vào hoạt động, Công ty ngày càng đóng vai trò quan trọng nhằm hỗ trợ SHB trong các hoạt động xử lý nợ, thực hiện công tác quản lý tài sản của Ngân hàng và của khách hàng an toàn, hiệu quả. SHAMC tiếp tục tập trung vào các hoạt động chính là mua bán, quản lý và khai thác tài sản xử lý nợ và hoạt động dịch vụ bảo vệ để hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của SHB. Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ và quản lý tài sản của SHB, SHAMC còn cung ứng các hoạt động kinh doanh dịch vụ đối với các TCTD khác trong lĩnh vực xử lý tài sản và nợ tồn đọng theo quy định của pháp luật.

Đến nay, công ty đáp ứng được 100% nhu cầu công tác bảo vệ tại địa điểm kinh doanh của SHB trên toàn quốc, nâng tổng số địa điểm kinh doanh đã triển khai công tác bảo vệ đến 31/12/2018 là 246 mục tiêu đã được AMC tiếp quản và tổ chức triển khai lực lượng bảo vệ (53 trụ sở Chi nhánh và 179 Phòng giao dịch trên toàn quốc).

Đến cuối năm 2018, Công ty đang quản lý 42 kho hàng, hàng chục tài sản xử lý nợ trên phạm vi toàn quốc. Con số này sẽ còn được mở rộng nữa trong các năm tiếp theo để phục vụ cho công tác bảo vệ, kho bãi của công ty mẹ - SHB. Công tác kiểm tra kho hàng thực hiện theo đúng tần suất đã quy định nhằm đưa ra cảnh báo sớm cho các Chi nhánh SHB để có phương án giải quyết kịp thời. Ngoài ra, SHB cũng tăng cường công tác kiểm tra đêm/kiểm tra chéo giữa mục tiêu của các đội trưởng nhằm nâng cao chất lượng kiểm tra, đảm bảo nhân viên thực hiện theo quy định, chấn chỉnh kịp thời các vi phạm của nhân viên bảo vệ về nội quy, tác phong, nghiệp vụ và vị trí ca trực.

Tính đến 31/12/2018, tổng tài sản của công ty đạt 139 tỷ đồng; Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 73,35 tỷ đồng; tổng số lao động là 754 người, tăng 83 người so với năm 2017



Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội (SHB Lào)

Ngân hàng TNHH MTV 100% vốn tại Lào được thành lập với vốn điều lệ 50 triệu USD, trên cơ sở chuyển đổi mô hình từ SHB Chi nhánh Lào. SHB Lào hoạt động độc lập và có cơ cấu bộ máy tổ chức riêng, có một 2 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Champasak và chi nhánh Savannakhet, cung cấp các dịch vụ, sản phẩm tài chính ngân hàng, góp phần đa dạng hóa danh mục kinh doanh, hạn chế rủi ro, chủ động nâng cao khả năng phán quyết và thực hiện nhiều hơn nữa các nghiệp vụ kinh doanh theo quy định cũng như theo sự ủy quyền từ ngân hàng mẹ tại Việt Nam. SHB Lào ra đời sẽ mang tới cho SHB nhiều cơ hội trong việc khai thác, tận dụng hết tiềm năng rộng lớn và đầy hứa hẹn của thị trường Lào, thu hút đầu tư, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của SHB trên thị trường tài chính Việt Nam, Lào và quốc tế song hành với sứ mệnh phát triển tầm nhìn, thương hiệu SHB với quốc tế, góp phần thúc đẩy quan hệ láng giềng hữu nghị giữa Việt Nam và Lào.

Ngày 17/12/2018, SHB Lào đã khai trương thêm 01 chi nhánh nữa tại tỉnh Savannakhet, đưa tổng số hiện diện thương mại của ngân hàng SHB tại Lào lên 03 điểm (01 trụ sở chính tại Vientiane, 01 chi nhánh tại tỉnh Champasak, và 01 chi nhánh tại tỉnh Savannakhet) khẳng định sự phát triển không ngừng của SHB Lào nói riêng và SHB nói chung tại thị trường Lào.

Sau 7 năm đi vào hoạt động, đến 31/12/2018, tổng tài sản SHB Lào đạt 1.650 tỷ Kíp, tăng 30,23% so với 2017; dư nợ đạt 792 tỷ Kíp tăng 39,68%; lợi nhuận trước thuế đạt 27,6 tỷ Kíp, tương đương 80 tỷ đồng, tăng 61%.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Ngân hàng TNHH Sài Gòn – Hà Nội Campuchia (SHB Campuchia)

Với vốn điều lệ 75 triệu USD, SHB Campuchia là ngân hàng con 100% vốn thứ 2 của SHB tại thị trường Đông Dương sau SHB Lào. SHB Campuchia hoạt động độc lập, có cơ cấu bộ máy tổ chức riêng trên nền tảng mô hình chuyển đổi từ SHB chi nhánh Campuchia.

Sau 7 năm hoạt động, SHB Campuchia đã tạo được nền tảng cơ sở khách hàng đa dạng bao gồm cả các doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia và doanh nghiệp của nước sở tại, tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực kinh tế then chốt như cao su, ngành điện, cầu đường, khai thác khoáng sản. Trong thời gian tới, SHB Campuchia sẽ đẩy mạnh phát triển một cách toàn diện để khai thác hết tiềm năng và cung cấp được đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Để hoàn thành mục tiêu đó, năm 2018, SHB Campuchia đã tăng vốn điều lệ từ 50 triệu USD lên 75 triệu USD. Sau khi tăng vốn, ngân hàng có thêm tiềm lực tài chính để chủ động triển khai các hoạt động tài chính – ngân hàng theo quy định trên địa bàn, thực hiện nhiều hơn nữa các nghiệp vụ kinh doanh theo quy định cũng như theo sự ủy quyền từ Ngân hàng mẹ tại Việt Nam, mở rộng mạng lưới trên toàn lãnh thổ Campuchia, tuân thủ triệt để các quy định hiện hành về an toàn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng của cả hai quốc gia Việt Nam và Campuchia.

Tính đến hết 31/12/2018, SHB Campuchia có 5 điểm giao dịch gồm 1 trụ sở và 4 chi nhánh, 60 cán bộ nhân viên. Tổng tài sản đạt 288 triệu USD, tăng 17% so với 2017; dư nợ đạt 242 triệu USD, tăng 26,8%; lợi nhuận trước thuế đạt 3,4 triệu USD, tương đương 79 tỷ đồng.



Công ty Tài chính TNHH MTV SHB (SHBFC)

Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (viết tắt là Công ty tài chính tiêu dùng SHB) được thành lập ngày 12/12/2016, trên cơ sở Công ty tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel (VVF) sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), với số vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng.

Công ty tài chính tiêu dùng SHB (SHBFC) hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng với các sản phẩm đa dạng, tiện ích trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn của người dân Việt Nam. Việc SHB nhận sáp nhập VVF là tất yếu và phù hợp, góp phần vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh của thị trường tài chính Việt Nam trong việc tạo ra các ngân hàng có quy mô lớn tầm cỡ khu vực. Đây cũng là cơ hội tốt góp phần giúp SHB hiện thực hóa chiến lược trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, ngày càng nâng cao sức cạnh tranh, vị thế ở thị trường trong nước và khu vực.

Năm 2018, công ty đã triển khai bán hàng mạnh mẽ để tạo đột phá, nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường. Các kênh bán hàng đa dạng gồm kênh bán hàng trực tiếp với số lượng 134 nhóm bán hàng, với mạng lưới phủ khắp 30 tỉnh/thành phố; kênh bán hàng qua điện thoại; kênh bán hàng online thông qua website, Landing page, facebook fanpage, zalo... Thương hiệu SHB Finance đã được khách hàng, đối tác đón nhận và trở thành một điểm sáng trên thị trường tài chính tiêu dùng về chất lượng, độ phủ và tốc độ triển khai kinh doanh với trên 90.000 khách hàng, dư nợ cho vay trên 709 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 11,1 tỷ đồng. Nhân sự của SHBFC đến 31/12/2018 là 1.149 người, tăng 1.125 người so với năm 2017. Về cơ bản các chỉ số quản trị chủ yếu của công ty đang thể hiện hiệu quả kinh doanh tốt và nằm trong phạm vi kiểm soát của Kế hoạch kinh doanh.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2016 | 2018 | Tăng trưởng 2018/2016 |
|--|---------|---------|---------|---|
| 1. Quy mô | | | | |
| Tổng tài sản | Tỷ đồng | 286.010 | 323.276 | 13,03% |
| Vốn điều lệ | Tỷ đồng | 12.036 | 12.036 | - |
| Vốn tự có | Tỷ đồng | 17.829 | 22.011 | 23,46% |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Huy động từ TCKT và cá nhân | Tỷ đồng | 210.921 | 243.420 | 15,41% |
| Dư nợ cho vay TCKT và cá nhân | Tỷ đồng | 201.984 | 231.498 | 15,00% |
| Tổng thu nhập | Tỷ đồng | 20.989 | 24.758 | 17,96% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 1.925 | 2.094 | 8,75% |
| 3. An toàn | | | | |
| Tỷ lệ an toàn vốn | % | 11,30 | 11,79 | Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\geq 9\%$) |
| Tỷ lệ nợ xấu | % | 2,33 | 2,40 | Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 3\%$) |
| Tỷ lệ nợ quá hạn | % | 4,00 | 4,56 | Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 5\%$) |
| 4. Thanh khoản | | | | |
| Tỷ lệ dư nợ/ huy động (LDR) | % | 78,05 | 75,89 | Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 80\%$) |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn | % | 37,37 | 29,30 | Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 45\%$) |
| Tỷ lệ dự trữ thanh khoản | % | 15,00 | 13,86 | Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\geq 10\%$) |

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018)

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu : **1.203.616.110** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **1.203.119.926** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: **61.090.214** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: **1.142.525.896** cổ phiếu

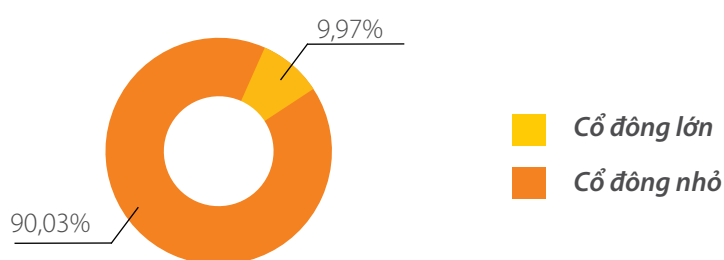
5.2 Cơ cấu cổ đông

- Theo tiêu chí Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

| STT | Loại cổ đông | Tổng số cổ đông | Tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông (%) |
|------------|--------------|-----------------|------------------------------------|
| 1 | Cổ đông lớn | 1 | 9,97 |
| 2 | Cổ đông nhỏ | 38.012 | 90,03 |
| Tổng cộng: | | 38.013 | 100 |

(Cổ đông lớn là cổ đông chiếm trên 5% tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ngân hàng. Cổ đông nhỏ là các cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần dưới 5%.)

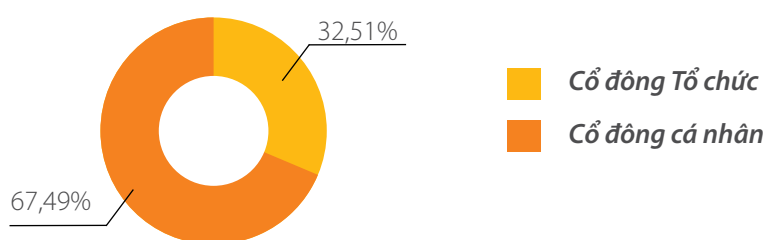
Tỷ lệ sở hữu cổ phần
theo cơ cấu cổ đông lớn, nhỏ



- Theo tiêu chí Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

| STT | Loại cổ đông | Tổng số cổ đông | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) |
|------------|--------------|-----------------|--------------------------|
| 1 | Tổ chức | 194 | 32,51 |
| 2 | Cá nhân | 37.819 | 67,49 |
| Tổng cộng: | | 38.013 | 100 |

Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu
cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân

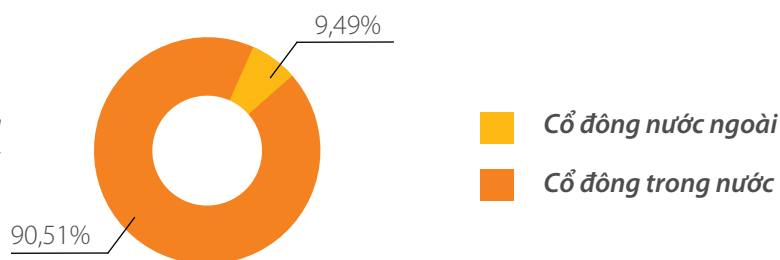


5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Cổ đông trong nước và nước ngoài

| STT | Loại cổ đông | Tổng số cổ đông | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) |
|------------|--------------------|-----------------|--------------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 37.709 | 90,51% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 304 | 9,49% |
| Tổng cộng: | | 38.013 | 100% |

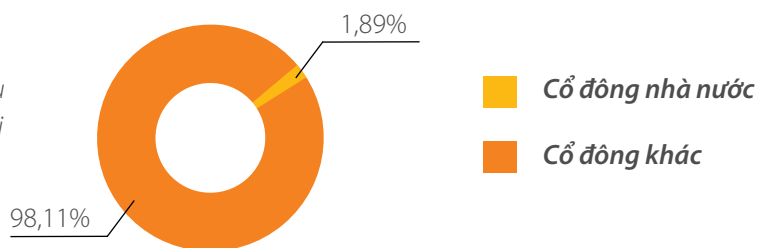
Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu cổ đông trong nước, nước ngoài



- Cổ đông nhà nước và cổ đông khác

| STT | Loại cổ đông | Tổng số cổ đông | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) |
|------------|------------------|-----------------|--------------------------|
| 1 | Cổ đông nhà nước | 8 | 1,89% |
| 2 | Cổ đông khác | 38.005 | 98,11% |
| Tổng cộng: | | 38.013 | 100% |

Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu cổ đông trong nước, nước ngoài



5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tính đến 31/12/2018, SHB không có sự thay đổi về vốn cổ đông (12.036 tỷ đồng).

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2018, SHB không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Chi tiết báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội, Quý vị xem tại mục Phát triển bền vững, trang 85





III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trải qua 25 năm phát triển, SHB tự hào là một trong 5 Ngân hàng Thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam, thực hiện tốt cùng lúc 2 nhiệm vụ lớn: hoạt động kinh doanh phát triển an toàn, hiệu quả, hướng tới chuẩn mực quốc tế đồng thời tích cực đi đầu triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Chính phủ và Nhà nước.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong 5 năm vừa qua, tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu chính trong hoạt động kinh doanh của SHB luôn ổn định, cao hơn so với tốc độ tăng bình quân toàn ngành, đạt từ 20% - 25%. Đặc biệt năm 2018, SHB đã đạt được nhiều thành công, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

Năm 2018, cùng với đà tăng trưởng của nền kinh tế và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong lĩnh vực ngân hàng, SHB vẫn tiếp tục đạt được những thành công quan trọng nhờ năng lực, quyết tâm của cả hệ thống trong và ngoài nước; sự hợp tác ủng hộ của các đối tác, khách hàng và niềm tin của các cổ đông. Các chỉ tiêu hoạt động đều tăng trưởng so với năm 2017 và đạt, vượt kế hoạch đề ra.



Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động từ khách hàng của SHB luôn ổn định qua các năm và cao hơn so với bình quân thị trường. Đến cuối năm 2018, tăng trưởng huy động vốn của khách hàng đạt 15,41% (bình quân toàn hệ thống TCTD tăng 13%). Dự nợ cấp tín dụng tăng trưởng 15,0%, đảm bảo hạn mức tín dụng được cấp bởi NHNN. Các hoạt động phi tín dụng tăng trưởng tốt đóng góp đáng kể vào cơ cấu lợi nhuận của ngân hàng. Thu nhập thuần từ ngoại hối tăng 13,8%, doanh số thanh toán quốc tế tăng 24%; doanh thu phí bảo hiểm tăng 16%. Các chỉ tiêu an toàn, thanh khoản luôn đáp ứng quy định của NHNN, minh bạch, góp phần ổn định thanh khoản chung của toàn hệ thống.

Mạng lưới và nhân sự tiếp tục được đầu tư, mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành bên cạnh việc tăng cường quy mô hoạt động, xây dựng được mạng lưới rộng lớn và kênh phân phối hiện đại. Năm 2018 cũng là năm thành công của SHB trong công tác đối ngoại, hợp tác với nhiều đối tác chiến lược, các tổ chức trong và ngoài nước.

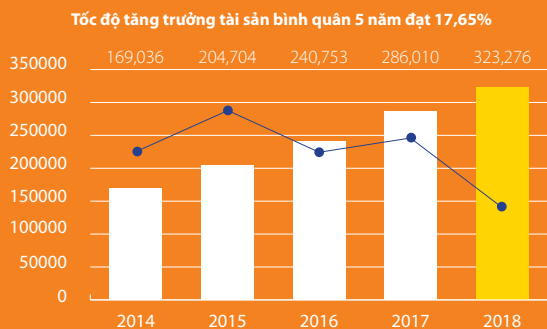
Nhờ sự đoàn kết nội bộ nhất trí cao giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBNV, sự chỉ đạo quyết liệt từ HĐQT nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch 2018 đã được ĐHCĐ giao, SHB đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc như:

- Hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch về tài sản, dự nợ, huy động vốn, lợi nhuận, .., nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị, giữ vững vị thế là một trong những NHTMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, đưa tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động duy trì ở mức thấp so với những năm trước đây.
- Hoàn thành kế hoạch ra mắt thị trường cho vay tài chính với các gói sản phẩm cho vay tiền mặt tín chấp bởi công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB FC) và đạt hàng nghìn khoản vay.
- Đảm bảo mức chi cổ tức cho các cổ đông lớn hơn kế hoạch đại hội cổ đông thông qua.

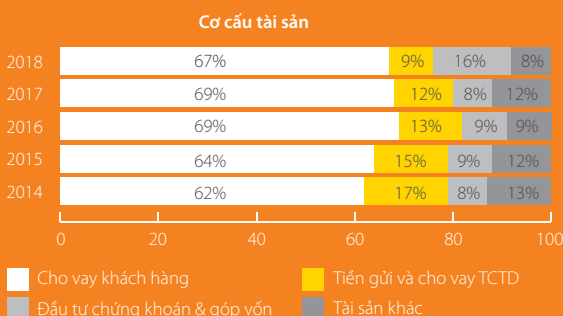
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2018 tăng 13,03% lên mức 323.276 tỷ đồng, tiếp tục duy trì SHB ở nhóm các ngân hàng cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng tài sản của SHB bình quân trong 5 năm qua đạt 17,65%, cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân toàn hệ thống là 12,5%.



Song song với việc tăng trưởng quy mô, SHB luôn chú ý nâng cao chất lượng tài sản với tỷ trọng các tài sản được cơ cấu ở mức hợp lý, đảm bảo sinh lời cao mà vẫn an toàn, thanh khoản tốt. Cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng cho vay khách hàng giai đoạn 2018 và tăng tỷ trọng các hoạt động phi tín dụng nhằm giảm sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng. Do đó, tỷ lệ cho vay/huy động ổn định ở mức 75,89%, (quy định của NHNN $\leq 80\%$). Tỷ lệ tài sản có sinh lời chiếm gần 90% quy mô tài sản. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn 29,30% (quy định của NHNN $\leq 45\%$). Các tỷ lệ an toàn vốn và nợ xấu đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN.

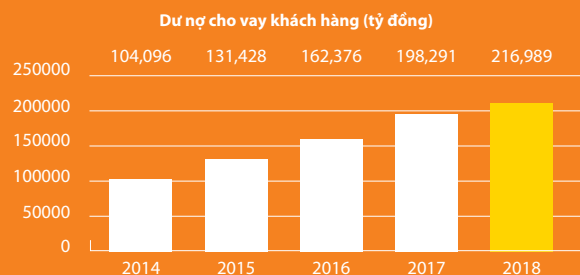


2.2 Hoạt động tín dụng

Nguồn vốn huy động dồi dào, ổn định là điều kiện quan trọng để SHB giải ngân cho vay nhiều lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế theo định hướng của Chính phủ và NHNN.

Đến 31/12/2018, tổng dư nợ cấp tín dụng của SHB đạt 231.498 tỷ đồng, tăng 15,0% so với 2017. Trong đó, dư nợ cho vay khách hàng đạt 216.989 tỷ đồng, tăng 9,43% so với 2017. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng trong 5 năm qua là 23,48%, cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành (tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành là 16,38%).

Trong năm 2018, SHB tiếp tục tập trung cơ cấu lại danh mục tín dụng theo ngành hàng, theo khách hàng đa dạng và tập trung vào một số ngành ít rủi ro, phù hợp theo định hướng phát triển tín dụng chung của SHB và của NHNN



Phát huy vai trò chủ lực là một trong 5 Ngân hàng TMCP tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam, SHB đã hưởng ứng tích cực chủ trương của Chính phủ và NHNN, tập trung tín dụng vào các ngành thuộc 3 khâu đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020, hướng dòng vốn đến các đối tượng khách hàng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh hàng xuất khẩu, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các doanh nghiệp khởi nghiệp,... Năm 2018, SHB đã triển khai 15 chương trình ưu đãi lãi suất với doanh số giải ngân hơn 100 ngàn tỷ đồng nhằm hỗ trợ hoạt động

sản xuất kinh doanh của cá nhân và doanh nghiệp. Việc xây dựng các gói tín dụng với nhiều ưu đãi, hỗ trợ cho từng lĩnh vực, ngành hàng, nhóm đối tượng khách hàng mà SHB đã và đang thực hiện được xem như một hành động cụ thể hóa cam kết luôn đồng hành, chia sẻ gánh nặng tài chính với các khách hàng trên nền tảng “lấy khách hàng làm trọng tâm” mà ngân hàng đề ra.

Để đạt được kết quả như trên, trong những năm qua, SHB đã tích cực duy trì, triển khai nhiều chương trình, sản phẩm tín dụng trọng điểm như: Cho vay thu mua tạm trữ thóc, gạo vụ Đông Xuân, Hè Thu của Hiệp hội Lương thực Việt Nam; cho vay nuôi trồng, chế biến thủy sản, xuất khẩu; cho vay sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, phát triển ngành nghề, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Các chương trình lớn điển hình là “Đồng hành phát triển cùng doanh nghiệp lớn”, “Gói tín dụng ưu đãi Bluechip”, “Cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp”, “Cho vay kinh doanh nông sản”, “Ưu đãi lãi suất – tiếp sức thành công”, “Cho vay bình ổn thị trường”, “Ưu đãi lãi vay – Đồng hành cùng doanh nghiệp”, “Kinh doanh đột phá”,... với những ưu đãi nổi trội như:

+ Mức lãi suất phổ biến thấp hơn từ 1,5 – 2% so với mức lãi suất cho vay thông thường và mức tài trợ lên đến 90% giá trị của phương án, dự án vay vốn.

+ Ban hành các sản phẩm tín dụng phù hợp với hoạt động sản xuất của nông dân như cho vay liên vụ, cho vay qua sổ tín dụng, xuống tận địa bàn để cho vay, thu nợ (gốc, lãi) thay vì người vay phải đến trụ sở ngân hàng; cho vay các mô hình sản xuất, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi liên kết ứng dụng công nghệ cao, giúp người dân và doanh nghiệp rút ngắn thời gian sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp ngân hàng tiết kiệm chi phí giao dịch và quản lý dòng tiền hoàn hảo,...

+ Chính sách trả nợ linh hoạt, phù hợp với dòng tiền nguồn thu của khách hàng; Cải cách các thủ tục cấp tín dụng theo hướng thuận tiện cho khách hàng tiếp cận vốn, dịch vụ ngân hàng; rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục như xác nhận, công chứng,...

+ Xây dựng các chương trình “Khách hàng giới thiệu khách hàng” cho phép các khách hàng doanh nghiệp trong cùng một chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất kinh doanh được hưởng các gói chính sách tổng thể với lợi ích tối ưu và thủ tục đơn giản; xem xét cho vay các thành viên tham gia liên kết không có bảo đảm bằng tài sản nếu kiểm soát được dòng tiền của chuỗi liên kết,...

Trong mỗi chương trình, SHB không những hỗ trợ nguồn tài chính mà còn đồng hành với khách hàng từ khâu xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh đến cung ứng các gói sản phẩm toàn diện gồm tiền gửi, thanh toán, tài trợ thương mại, ngân hàng điện tử, chuyển tiền... trên nền tảng công nghệ hiện đại, giúp khách hàng chủ động quản lý tài chính một cách hiệu quả nhất. Đó là lý do các sản phẩm, dịch vụ của SHB được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao và nhiều năm liền trao tặng các giải thưởng như: Ngân hàng giải ngân nhanh nhất dự án tài chính nông thôn III, Ngân hàng SME tốt nhất, Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất, Ngân hàng tài trợ dự án tốt nhất,...

Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng mảng ngân hàng bán lẻ với nhiều sản phẩm đa dạng, cạnh tranh, phù hợp với thu nhập của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau luôn là mục tiêu, chiến lược xuyên suốt của SHB. Các sản phẩm cho vay mua ô tô, mua bất động sản, hỗ trợ kinh doanh, thấu chi tài khoản, hỗ trợ du học, kinh doanh chứng khoán... được phát triển mạnh với sự hợp tác, liên kết của SHB với nhiều đối tác, luôn mang tới khách hàng những giá trị vượt trội. Trong năm qua, nhiều chương trình ưu đãi cho khách hàng cá nhân, đặc biệt, khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi lãi suất chỉ từ 9,2%/năm, biên độ sau ưu đãi chỉ từ 2,9%/năm, miễn phí phát hành thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử; giảm thêm 0,1%/năm lãi suất ưu đãi khi khách hàng mở thêm thẻ tín dụng, miễn phí phát hành và phí thường niên thẻ tín dụng.

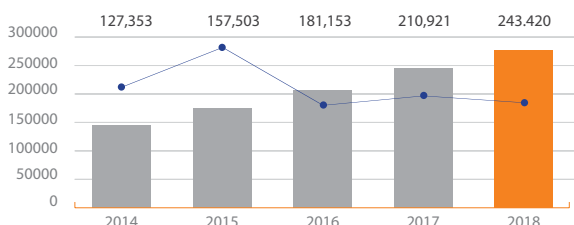
2.3 Hoạt động huy động vốn

Nguồn vốn huy động luôn tăng trưởng tốt nhờ sự nỗ lực của toàn hệ thống khi hầu hết các Chi nhánh SHB đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch về huy động vốn.

Năm 2018, lãi suất trên thị trường 1 tiếp tục ổn định kể từ năm 2015. Vì vậy, hoạt động huy động vốn của SHB vẫn tăng trưởng liên tục và ổn định, đảm bảo nhu cầu vốn và thanh khoản cho ngân hàng.

Tính đến thời điểm 31/12/2018, tổng nguồn vốn huy động của toàn hệ thống đạt 300.565 tỷ đồng. Trong đó, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng 15,41% so với năm 2017 lên mức 243.420 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn từ khách hàng bình quân 5 năm qua đạt 17,66%, cao hơn so với tăng trưởng bình quân toàn ngành (bình quân toàn hệ thống TCTD tăng 16%).

Tốc độ tăng trưởng huy động TCKT và cá nhân bình quân 5 năm đạt 17,66%



Không chỉ đạt tốc độ tăng trưởng cao, giá trị tuyệt đối lớn, cơ cấu huy động vốn của SHB cũng cho thấy sự tăng trưởng hiệu quả, bền vững. Trong đó, vốn huy động từ tiền gửi tiết kiệm của dân cư tăng 20% so với năm 2017 và luôn chiếm tỷ trọng cao với 60% trong tổng tiền gửi của khách hàng. Bên cạnh đó, SHB không ngừng tìm kiếm các nguồn vốn giá rẻ từ các định chế tài chính trong và ngoài nước. Năm 2018, nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước (gồm Ngân hàng thế giới - WB, Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản - JICA, Ngân hàng tái thiết Đức - KfW,...) mà SHB được lựa chọn là Ngân hàng cho vay lại và Ngân hàng phục vụ là 2,54 tỷ USD với 25 dự án được triển khai trên toàn hệ thống. Đây là nguồn vốn trung dài hạn với lãi suất thấp mà SHB đang sử dụng để cho vay trung dài hạn tới các tiểu dự án đáp ứng được các quy định của nhà tài trợ. Việc huy động được nguồn vốn này sẽ giúp SHB có được nguồn vốn giá rẻ kỳ trung dài hạn, nâng cao năng lực quản trị và xếp hạng tín dụng.

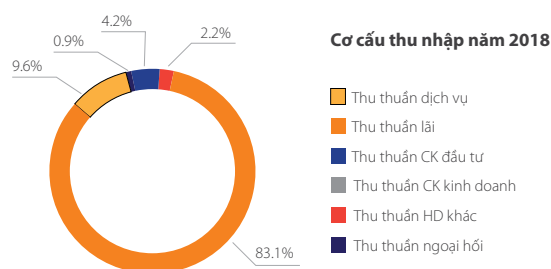
Để đạt được kết quả này, SHB không ngừng cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm linh hoạt, hiện đại, phù hợp với mọi phân khúc khách hàng. Công tác giữ chân khách hàng cũ và mở rộng khách hàng mới được chú trọng. Trong đó, công tác tiếp thị và chăm sóc khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu, thể hiện qua phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tư vấn hợp lý các sản phẩm nhằm tạo niềm tin cho khách hàng gửi tiền. Mạng lưới liên tục được mở rộng và công nghệ được cải tiến nhằm đưa dịch vụ ngân hàng đến gần hơn với người dân.

2.4 Hoạt động đầu tư

Danh mục đầu tư tiếp tục được SHB cơ cấu với tỷ trọng hợp lý nhằm sử dụng vốn hiệu quả. Tính đến 31/12/2018, quy mô hoạt động đầu tư GTCC của SHB là 49.958 tỷ đồng, tăng 117,6% so với năm 2017. Số dư các khoản góp vốn đầu tư dài hạn là 4.070 tỷ đồng, tăng 17,9% so với 2017.

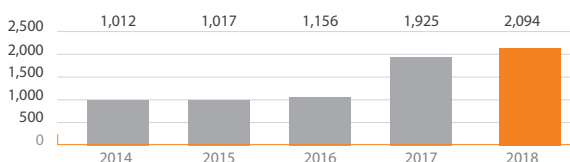
2.5 Thu nhập

Tổng thu nhập của SHB năm 2018 đạt 24.758 tỷ đồng, tăng 18,0% so với năm 2017. Tổng thu nhập hoạt động thuần đạt 6.742 tỷ đồng. Trong đó, thu nhập lãi thuần tăng 15,8%, đạt 5.556 tỷ đồng. Thu nhập thuần từ ngoại hối đạt 62 tỷ đồng, tăng 13,8%. Tổng chi phí năm 2017 là 22.664 tỷ đồng. Trong đó, chi phí hoạt động tăng 593 tỷ đồng lên mức 3.223 tỷ đồng do hoạt động mở rộng mạng lưới và tuyển dụng nhân sự, tuy nhiên, bám sát kế hoạch chi phí đã được ngân hàng đề ra. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng là 1.425 tỷ đồng.

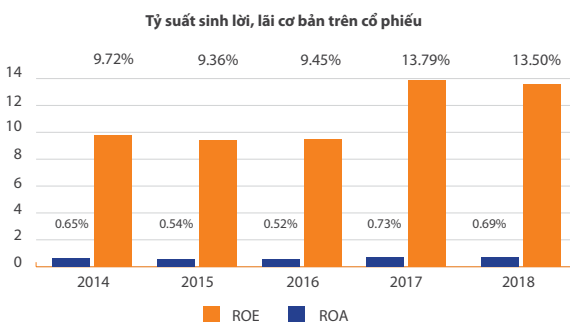


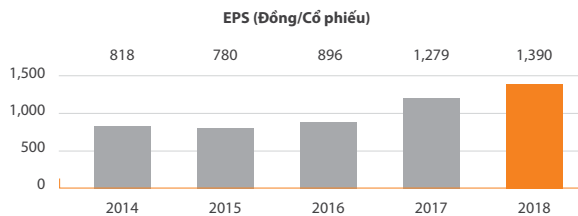
Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 2.094 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân 5 năm gần đây của SHB đạt 18,1%.

Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân 5 năm đạt 18,1%



2.6 Tỷ suất sinh lời, lãi cơ bản trên cổ phiếu



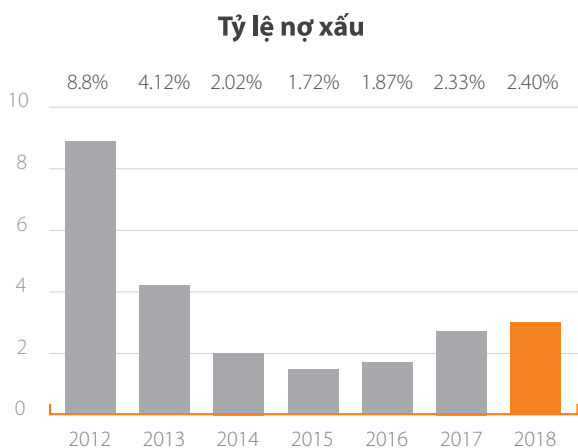


2.7 Chất lượng tài sản

Phát triển quy mô nhưng luôn chú trọng về chất lượng tài sản đã tạo nên một trong những thành công của SHB khi tiếp tục quản lý tỷ lệ nợ xấu dưới mức trung bình của toàn hệ thống.

Năm 2018, SHB đã xử lý dứt điểm và thu nợ một số khách hàng nợ xấu có dư nợ lớn, có tính chất phức tạp tồn đọng từ sau khi nhận sáp nhập Habubank với khoảng 3000 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch thu nợ xấu của năm 2018. Ngoài kết quả thu hồi nợ bằng tiền, SHB còn thực hiện một số phương pháp xử lý nợ khác như nhận bàn giao và thu tài sản. Bên

Bên cạnh đó, SHB luôn tăng cường trích lập dự phòng nhằm nâng cao chất lượng tài sản. Đến cuối năm 2018, tổng quỹ dự phòng của SHB đạt 5.592 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm trước. Ngoài việc thực hiện trích lập dự phòng theo quy định, năm 2018 SHB tiếp tục thực hiện lộ trình xử lý nợ từ Habubank. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu của SHB giảm từ 8,8% sau nhận sáp nhập Habubank xuống quanh ngưỡng 2% giai đoạn 2018 (trong giới hạn quy định của NHNN < 3%).



2.8 An toàn vốn và thanh khoản

Luôn tuân thủ chặt chẽ mọi quy định của NHNN về các tỷ lệ an toàn hoạt động

Ngoài những chỉ số ấn tượng về hoạt động kinh

doanh, SHB luôn tuân thủ sự an toàn, bền vững với tỷ lệ an toàn vốn luôn đảm bảo cao hơn mức 9% theo quy định của nhà nước; tỷ lệ dự trữ thanh khoản năm 2018 đạt 13,86% (quy định của NHNN $\geq 10\%$); tỷ lệ sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn 29,30% (quy định của NHNN $\leq 45\%$); tỷ lệ khả năng chi trả của các loại đồng tiền luôn đảm bảo trong ngưỡng quy định của NHNN.

| | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 |
|-------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| An toàn vốn | 11,30% | 11,40% | 13,00% | 11,30% | 11,79% |

Để đạt được kết quả trên, bộ máy SHB đã được thiết kế đảm bảo sự quản lý chặt chẽ theo ngành dọc, thống nhất từ các khối kinh doanh tới các đơn vị kinh doanh, từ các khối/ban hỗ trợ tại Trụ sở chính tới các phòng/bộ phận hỗ trợ tại các chi nhánh/phòng giao dịch trong hệ thống. Sự thống nhất về quản lý theo ngành dọc đảm bảo sự vận hành xuyên suốt từ các cấp lãnh đạo cao nhất tới từng đơn vị kinh doanh, hạn chế rủi ro cho ngân hàng.

Các chính sách, quy định, quy trình quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động,...được rà soát, chỉnh sửa liên tục nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động của SHB như: Số dư tín dụng được kiểm soát trong phạm vi khẩu vị rủi ro và biên độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng; Rà soát, đánh giá chặt chẽ hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh; Phân tích các khoản nợ có vấn đề, các khoản vay tiềm ẩn rủi ro cao, gửi thông tin cảnh báo đến các đơn vị kinh doanh để có biện pháp thu hồi nợ kịp thời;

Công tác kiểm toán nội bộ liên tục được tăng cường, bao gồm cả kiểm toán toàn diện và kiểm toán theo chuyên đề với việc tập trung kiểm toán các nghiệp vụ chính như tín dụng, đầu tư, ủy thác, huy động vốn, kế toán, đồng thời duy trì triển khai kiểm toán một số nội dung mới như kiểm toán mạng lưới,... nhằm góp phần cảnh báo và phát hiện kịp thời những sai sót trong hoạt động của hệ thống, để xuất biện pháp chỉnh sửa kịp thời và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Việc kiểm tra, kiểm soát và phòng chống rửa tiền, theo dõi và đôn đốc chấn chỉnh sau kiểm tra, thực hiện các kiến nghị của Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng, của Kiểm toán nội bộ tại các đơn vị luôn được SHB chú trọng và hành động kịp thời.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và quản lý

Năm 2018, nhằm tối ưu hóa bộ máy, tập trung nguồn lực để phát triển kinh doanh, SHB đã tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các khối/phòng/ban theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, có chiều sâu trên toàn hệ thống để phù hợp với chiến lược phát triển theo hướng Ngân hàng bán lẻ. Nhiều khối/phòng/ban nghiệp vụ được sáp nhập/chia tách, thành lập mới. Điển hình như, SHB thành lập Khối Ngân hàng Đầu tư nhằm mở rộng, đa dạng lĩnh vực hoạt động; Ban Tài chính kế hoạch được chia tách thành các ban Kế hoạch, ban Tài chính quản trị, ban Quản trị dữ liệu và Hệ thống thông tin;

Hệ thống mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch trong và ngoài nước liên tục được mở rộng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam. Công tác mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành. Hệ thống mạng lưới tiếp tục được mở rộng với 05 chi nhánh tại các tỉnh/thành phố Nam Định, Hải Dương, Bình Thuận, Vinh Long, đặc biệt, mở thêm chi nhánh Sơn La nhằm tăng cường sự hiện diện tại vùng Tây Bắc xa xôi; mở thêm 1 chi nhánh Savannakhet trực thuộc ngân hàng con 100% vốn tại Lào; hoàn thành xin phép mở mới các PGD và chi nhánh tại một số tỉnh. Năm 2018 cũng là năm đánh dấu nỗ lực của SHB trong việc hoàn thành xây dựng mô hình tổ chức, quy trình, quy chế của Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHBFC), đẩy mạnh khai thác sản phẩm dịch vụ; mở văn phòng đại diện tại Myanmar; làm thủ tục xin giấy phép mở văn phòng đại diện tại Úc, mở rộng lộ trình phát triển quy mô và hệ thống mạng lưới vươn ra quốc tế.

Cải tiến trong chính sách nhân sự

Năm 2018, SHB thực hiện sắp xếp lại chức danh và chế độ lương của 100% lao động; tăng lương toàn hệ thống và đây cũng là năm SHB sử dụng chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) để đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ một cách thống nhất trên toàn hệ thống. Việc tăng lương và áp dụng một chính sách KPI đúng cách và hợp lý đã giúp người lao động nâng cao trách nhiệm cá nhân, cải thiện hiệu quả và tăng năng lực quản lý – từ đó hướng đến hình thành văn hóa làm việc, bán hàng chuyên nghiệp trong tổ chức. Vì vậy, hiệu suất làm việc của nhân viên tăng khoảng 20%, các lỗi nghiệp vụ được giảm thiểu tối đa.

Cải tiến mạnh mẽ công nghệ và sản phẩm

Năm 2018, SHB hoàn thiện và triển khai nhiều dự án công nghệ trọng điểm nhằm hỗ trợ cho công tác quản trị ngân hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng như đảm bảo công tác quản lý rủi ro. Đặc biệt, trong năm, SHB khởi động dự án “Hiện đại hóa ngân hàng” thông qua chiến lược công nghệ thông tin tổng thể 5 năm do Tập đoàn IBM tư vấn, đón đầu xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Một số dự án/giải pháp lớn như: Hướng tới khách hàng (Customer Centricity), Dữ liệu lớn (Big Data), Số hóa (Digital), Tối ưu hóa quy trình (Process Optimization), Hạ tầng công nghệ (Technology), Mô hình quản trị Công nghệ thông tin (IT Operating model).

Trong năm, SHB cũng đã chính thức khai trương và ra mắt thị trường cho vay tài chính với các gói sản phẩm cho vay tiền mặt tín chấp phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân. Trong tháng đầu ra mắt dịch vụ, công ty tài chính TNHH MTV TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance) đã đạt trên 1.000 khoản vay. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm đa dạng được SHB ký kết hợp tác chiến lược toàn diện với Bảo hiểm Hàng Không (VNI), Bảo hiểm PVI và Bảo hiểm Bảo Việt đem đến sự lựa chọn đa dạng, tiện ích nhất cho khách hàng.

Công tác đối ngoại, hợp tác trong nước và quốc tế phát triển mạnh mẽ

Với những kết quả đạt được trong năm 2018, SHB vinh dự được đón tiếp các vị lãnh đạo cấp cao đến thăm và động viên, khích lệ tinh thần.

Bên cạnh đó, năm 2018, SHB tiếp tục ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với nhiều Tập đoàn quốc tế lớn như: Câu lạc bộ bóng đá hàng đầu thế giới Manchester City, Barcelona. Hoạt động hợp tác quốc tế được đẩy mạnh nhằm quảng bá hình ảnh,

gia tăng vị thế của SHB, tìm kiếm cơ hội hợp tác trong phạm vi khu vực và thế giới. Đến nay, SHB đã có quan hệ hợp tác với 400 tổ chức định chế tài chính quốc tế.

Hoạt động hợp tác trong nước, SHB tiếp tục ký kết với nhiều Doanh nghiệp, Tập đoàn, Tổng công ty thuộc lĩnh vực dầu khí, xăng dầu, điện lực, viễn thông,... Đặc biệt, trong năm, SHB thực hiện lễ thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa SHB với 2 định chế tài chính quốc tế lớn tại Nga là ngân hàng Đầu tư Quốc tế (IIB) và ngân hàng Hợp tác Kinh tế Quốc tế (IBEC) và tọa đàm về đầu tư hợp tác song phương giữa Việt Nam với các nước lớn, mở ra cơ hội phát triển với các quốc gia thuộc Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ và các châu lục khác.

SHB tiếp tục được chỉ định làm ngân hàng phục vụ, ngân hàng cho vay lại cho nhiều dự án ODA

Là một trong những ngân hàng thương mại có kinh nghiệm thực hiện sớm nhất công tác phục vụ các dự án ODA (từ năm 2004), SHB luôn được các Bộ ngành và các tổ chức quốc tế uy tín như Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng tái thiết Đức (KfW),... đánh giá cao và được chỉ định làm ngân hàng phục vụ, ngân hàng cho vay lại cho nhiều dự án ODA lớn như: Dự án "Phát triển năng lượng tái tạo", Dự án "Xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Thái Bình Dương", "Tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa", Dự án đầu tư lưới điện truyền tải 3; Dự án lưới điện hiệu quả tại các thành phố nhỏ và vừa; Dự án "Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2"; Chương trình phát triển ngành nước Việt Nam - Khoản vay 3;..... Đây là những dự án tài trợ vốn giúp doanh nghiệp đầu tư mới và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, được áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi, tạo công ăn việc làm ổn định, cải thiện điều kiện sống và môi trường làm việc cho người lao động...;

Đến nay, tổng nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước mà SHB được lựa chọn là Ngân hàng cho vay lại và Ngân hàng phục vụ lên đến 2,5 tỷ USD với 25 dự án được triển khai trên toàn hệ thống. Tham gia triển khai các dự án ODA, SHB nhận được nguồn vốn trung dài hạn ổn định với mức lãi suất thấp; có được 1 lượng lớn nguồn ngoại tệ duy trì KKH, chủ động trong việc xác định tỷ giá mua bán ngoại tệ; có cơ hội phát triển thêm 1 lượng lớn khách hàng. ... ngoài việc nâng cao hiệu quả kinh doanh SHB đã khẳng định được vị thế so với các ngân hàng trên thị trường, đồng thời nâng cao uy tín trong xã hội.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai (2019-2022)

Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2018 và định hướng đạt Top 03 NHTMCP tư nhân lớn nhất tại Việt Nam, SHB xác định các mục tiêu chính của toàn hệ thống cho giai đoạn 2019 - 2022 như sau:

***Nhóm mục tiêu phát triển kinh doanh.**

1. Quy mô tổng tài sản đạt tiếp tục trong top 5 NHTMCP tư nhân lớn nhất VN với mức tăng bình quân từ 15% - 20%/năm.
2. Quy mô huy động vốn Thị trường 1 (TCKT và dân cư) xếp thứ 4 trong nhóm các NHTMCP tư nhân lớn nhất VN.
3. Năm 2019 thị phần cấp tín dụng xếp top 5 trong hệ thống NHTMCP tư nhân lớn nhất VN (không tính 4 NHTMCP NN), tăng 0,4% so với năm 2018.
4. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng/ tổng dư nợ < 3%, tỷ lệ nợ quá hạn (nợ nhóm 2 đến nhóm 5)/tổng dư nợ < 5%.
5. Tích cực đôn đốc thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn và kế hoạch năm 2019 dự kiến sẽ thu hồi nợ xấu đạt 3.500 tỷ đồng; Đồng thời sẽ thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ theo qui định của NHNN.VN, trong đó trích dự phòng rủi ro các khoản nợ đã bán VAMC năm 2019 dự kiến: 2.164 tỷ đồng
6. Kế hoạch năm 2019 mục tiêu: Tỷ lệ thu dịch vụ/ tổng thu nhập thuần dự kiến đạt từ 10%-12%
7. Phát hành thêm vốn điều lệ và vốn tự có cấp 2 để đảm bảo hệ số an toàn vốn (CAR) đảm bảo tuân thủ theo chuẩn Basel (theo Thông tư 41/2015/TT-NHNN và Thông tư 13/TT-NHNN). Việc phát hành thêm vốn điều lệ là điều kiện để SHB tiếp tục duy trì tốc độ phát triển quy mô kinh doanh song song với việc tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh theo qui định của NHNN.VN tại Thông tư 41/2015/TT-NHNN và Thông tư 13/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 01.01.2020.

*** Nhóm mục tiêu hoạt động.**

8. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, cải cách, đổi mới công tác phát triển nguồn nhân lực nhằm tạo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao.

9. Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro từng nghiệp vụ kinh doanh nhằm nâng cao khả năng cảnh báo phát hiện sớm rủi ro đối với các hoạt động của SHB.

10. Tăng cường quản lý, giám sát đôn đốc thu hồi nợ xấu, nợ có vấn đề, thiết lập quy trình quản lý nợ chặt chẽ đi đôi với chỉ tiêu kinh doanh, nhằm đảm bảo hoạt động tăng trưởng tín dụng đi đôi với chất lượng tín dụng.

11. Tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, cải cách, đổi mới công tác phát triển nguồn nhân lực nhằm tạo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao; Hạn chế rủi ro, đồng thời phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng đồng bộ, tiện ích và cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động của nhân viên.

12. Tập trung đẩy mạnh công tác là Ngân hàng phục vụ các nguồn vốn ODA của các tổ chức tài chính quốc tế; Đẩy mạnh huy động vốn từ các định chế tài chính trong nước và quốc tế cùng đặc biệt nguồn vốn có kỳ hạn dài, chi phí hợp lý.

13. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quan hệ quốc tế nhằm quảng bá thương hiệu và nâng cao vị thế của SHB trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

14. Đẩy mạnh hoạt động của Đảng bộ, Đoàn thanh niên, Công đoàn nhằm giáo dục đạo đức tư tưởng, nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động, giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB, từ đó, tạo ra sức mạnh tập thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngân hàng.

*** Kế hoạch kinh doanh đến cuối năm 2019****Các chỉ tiêu tài chính cơ bản dự kiến năm 2019**

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2019 | Tăng trưởng so với năm 2018 | |
|-----|--|---------------|-----------------------------|--------|
| | | | +/- | % |
| 1 | Tổng tài sản | 372.917 | 49.641 | 15,36% |
| 2 | Vốn điều lệ (*) | 17.571 | 5.534 | 45,97% |
| 3 | Huy động vốn từ TCKT và CN | 283.922 | 40.502 | 16,64% |
| 4 | Số dư cấp tín dụng | 261.592 | 30.094 | 13,00% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 3.068 | 974 | 46,51% |
| 6 | Tỷ lệ nợ xấu (%) | <3% | | |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức (%) | 11% VDL | | |
| 8 | Tỷ lệ an toàn vốn | >9% | | |
| 9 | Tỷ lệ dư nợ trên nguồn vốn huy động (LDR) | <80% | | |
| 10 | Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn | <40% | | |
| 11 | Tỷ lệ dự trữ thanh khoản | >10% | | |
| 12 | ROA | 0,87% | | |
| 13 | ROE | 16,05% | | |

(*) Để đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN của NHNN, năm 2019 SHB dự kiến tăng thêm 5.534 tỷ đồng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, nhà đầu tư.

5. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm về môi trường và xã hội

Thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, SHB đã đẩy mạnh chính sách tín dụng xanh, hướng dòng vốn phục vụ cho các dự án, công trình “xanh” như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, thủy điện, nhiệt điện, xử lý rác thải, nước sạch,... nhằm thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp. SHB kiên quyết không tài trợ các dự án vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Hoạt động đào tạo, tuyên truyền được chú trọng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường nơi làm việc, nâng cao ý thức sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Bên cạnh đó, SHB luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ việc làm, tiền lương, bảo hiểm và chế độ khác cho người lao động. Môi trường và điều kiện làm việc luôn được cải thiện, tạo thuận lợi để người lao động có thể phát huy tối đa năng lực của bản thân. Công tác công đoàn, đảng được đẩy mạnh, giải quyết kịp thời các quyền và nghĩa vụ cũng như nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

SHB cũng luôn ý thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết trong việc đóng góp vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng của cộng đồng. Tổng số tiền SHB đã tham gia ủng hộ cho công tác an sinh xã hội trong giai đoạn 5 năm qua hàng trăm tỷ đồng, trong đó, gần gần 20 tỷ đồng được thực hiện trong năm 2018, chưa bao gồm các chương trình đóng góp từ ngày lương, ngày công lao động với các chương trình ủng hộ Quỹ, đồng bào lũ lụt, thiên tai, hộ nghèo, gia đình chính sách các địa bàn trong cả nước. Trong tương lai, SHB sẽ tiếp tục gắn bó với công tác an sinh xã hội, tham gia đóng góp vào sự phát triển cộng đồng với tư cách là một doanh nghiệp lớn.

Chi tiết báo cáo liên quan tới trách nhiệm môi trường và xã hội, Quý vị xem tại mục Phát triển bền vững, trang 85.







IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Phát huy các thế mạnh sẵn có, quyết tâm thực hiện các mục tiêu nhằm đưa SHB phát triển bền vững, gia tăng hiệu quả, vị thế trên thị trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ngân hàng

Tiếp nối những thành công đạt được, đúc rút kinh nghiệm các mặt còn hạn chế, Hội đồng quản trị xây dựng định hướng chính sách phù hợp với các giải pháp thực thi quyết liệt. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của SHB đã có bước tăng trưởng nhanh, bền vững, an toàn và đạt được những kết quả tốt trong năm 2018.

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tổng tài sản đạt 323.276 tỷ đồng, tăng 13,03%
- Huy động vốn khách hàng TCKT và cá nhân đạt 243.420 tỷ đồng, tăng 15,41%
- Dư nợ cấp tín dụng đạt 231.498 tỷ đồng, tăng 15,0%
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2.094 tỷ đồng,
- Hoạt động xử lý, thu hồi nợ xấu được thực hiện quyết liệt, giúp ngân hàng kiểm soát tỷ lệ nợ xấu 2,4%, trong giới hạn quy định của NHNN.
- Nguồn vốn huy động đặc biệt là huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng mạnh giúp đảm bảo an toàn thanh khoản.
- Quản trị hợp lý chi phí hoạt động góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng với tốc độ tăng chi phí thấp.
- Tham gia tài trợ vốn cho nhiều dự án, ngành nghề trọng điểm quốc gia theo đúng định hướng, chiến lược của nhà nước.
- Mạng lưới được cơ cấu, mở rộng theo đúng tiến độ tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước và ở nước ngoài.
- Tái cấu trúc thành công tổ chức bộ máy và hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các Phòng/Ban/Trung tâm, Chi nhánh, Phòng giao dịch theo định hướng phát triển kinh doanh của Hội đồng quản trị.
- Công tác tái cấu trúc các doanh nghiệp sau khi nhận sáp nhập ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội đến nay đều hoạt động ổn định, kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho hàng ngàn lao động, là cơ sở hình thành nguồn vốn trả nợ cho SHB.
- Chính thức đưa sản phẩm, dịch vụ của Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC) tới khách hàng, tiến gần hơn tới hiện thực hóa chiến lược trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam.
- Đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện tốt trách nhiệm về môi trường và xã hội, trong đó phát triển tín dụng xanh tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; chia sẻ với cộng đồng qua các chương trình để ơn đáp nghĩa với người có công với cách mạng, ủng hộ người nghèo, đồng bào thiên tai lũ lụt để chia sẻ bớt những gánh nặng, khó khăn của cộng đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2018 là một năm tiếp tục có những điểm sáng trong hoạt động kinh doanh của SHB tiếp nối thành công vững chắc đã đạt được trong những năm qua. Có được những thành công ấy trong bối cảnh cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng khốc liệt, Hội đồng quản trị SHB đã luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động kinh doanh của ngân hàng, đôn đốc, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chủ trương chính sách đã được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình với tinh thần trách nhiệm cao, điều hành hoạt động linh hoạt và chỉ đạo sát sao các đơn vị, có những giải pháp, đề xuất kịp thời lên HĐQT giúp đảm bảo mọi hoạt động tại từng đơn vị trong toàn hệ thống được kiểm tra, kiểm soát đầy đủ, kịp thời, an toàn, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với mục tiêu đưa SHB trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng hàng đầu tại Việt Nam và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế đến năm 2023, Hội đồng quản trị luôn xác định chiến lược phù hợp trong từng giai đoạn với chiến lược cạnh tranh, luôn tạo sự khác biệt trên cơ sở định hướng giai đoạn 2019 - 2022 như sau:

- *Tiếp tục giữ vững vị thế nằm trong top 05 ngân hàng TMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam.*

Đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh với các chỉ tiêu tài chính tăng trưởng trung bình từ 15- 20%; Tăng trưởng thị phần trong tất cả các hoạt động kinh doanh chính của ngân hàng như huy động thị trường I, tín dụng và các sản phẩm dịch vụ tiện ích mang tính cạnh tranh cao; Nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nhằm đa dạng hóa các kênh sinh lời cho ngân hàng; Tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ, phần đầu đạt 35 -40% thu nhập thuần; Quản lý chi phí hiệu quả; Nâng cao năng lực tài chính, phát triển an toàn, bền vững theo các chuẩn mực quốc tế.

- *Phát triển và cơ cấu lại mạng lưới hoạt động*

Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh, đi đôi với công tác kiểm soát, giám sát chặt chẽ, nhằm phát huy tối đa hoạt động của các đơn vị mạng lưới. Hoàn thành thủ tục cấp phép và khai trương các PGD được NHNN phê duyệt; Phát triển mạnh mẽ hoạt động kinh doanh Công ty tài chính tiêu dùng SHB.

- *Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách*

Thường xuyên hoàn thiện hệ thống thể chế, quy chế, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình hoạt động thực tế của ngân hàng.

- *Nâng cao năng lực quản trị*

Không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị và điều hành trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh; Luôn theo sát diễn biến của thị trường trong và ngoài nước nhằm điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn và mang tính chất lâu dài; Đề ra định hướng kinh doanh với các giải pháp linh hoạt đem đến sự phát triển ổn định, bền vững.

- *Tăng cường quản trị rủi ro*

Từng bước xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp theo Basel II; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu thức nhận diện và đánh giá rủi ro làm cơ sở phát hiện và hạn chế rủi ro; kiện toàn hệ thống bộ máy quản trị rủi ro của ngân hàng đồng thời khẩn trương triển khai các giải pháp quản trị rủi ro và phòng chống rửa tiền theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước phù hợp với các quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

- *Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ*

Đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm, dịch vụ; tăng cường nghiên cứu, đánh giá tác động của thị trường tới các sản phẩm hiện có của SHB; khảo sát, đánh giá nhu cầu của khách hàng để phát triển các sản phẩm, dịch vụ đặc thù.

- *Tích cực xử lý nợ xấu*

Thúc đẩy nhanh quá trình giải quyết dứt điểm các khoản nợ xấu; trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro theo quy định; đảm bảo duy trì tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn dưới 3%.

- *Thu hút, đào tạo nhân lực chất lượng cao*

Hoàn thiện chính sách nhân sự công bằng, môi trường lành mạnh; Chú trọng công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng đào tạo về năng lực quản trị, điều hành đối với cấp quản lý từ trưởng/phó phòng trở lên; Thường xuyên cập nhật, đào tạo nghiệp vụ đối với toàn thể CBNV với chú trọng mỗi CBNV là một giảng viên kiêm chức hướng dẫn, đào tạo cho đồng nghiệp và CBNV khác trong phạm vi công việc, lĩnh vực hoạt động của mình.

- *Văn hóa doanh nghiệp là cốt lõi*

Giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB; nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động tạo ra sức mạnh tập thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngân hàng.



V. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Với tôn chỉ hoạt động “Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp” và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới, SHB cam kết sẽ mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SHB

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

| STT | Họ tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) |
|-----|---------------------|--------------------------|---------------|--------------------------|
| 1 | Ông Đỗ Quang Hiển | Chủ tịch HĐQT | 23/4/2018 | 2,742% |
| 2 | Ông Võ Đức Tiến | Phó Chủ tịch HĐQT | 23/4/2018 | 0,004% |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Lê | Thành viên HĐQT kiêm TGD | 23/4/2018 | 0,226% |
| 4 | Ông Trịnh Thanh Hải | Thành viên HĐQT độc lập | 23/4/2018 | - |
| 5 | Ông Đỗ Quang Huy | Thành viên HĐQT | 23/4/2018 | - |
| 6 | Ông Phạm Công Đoàn | Thành viên HĐQT | 23/4/2018 | - |
| 7 | Thái Quốc Minh | Thành viên HĐQT | 23/4/2018 | - |

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐỖ QUANG HIẾN

Chủ tịch HĐQT SHB

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn T & T
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH)
- Chủ tịch Hiệp hội các Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa Thành phố Hà Nội
- Ủy viên UBTTMTQ VN

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư vật lý vô tuyến
- 35 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.

Thành tích:

Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng “Doanh nhân châu Á 2018” do tạp chí Enterprise Asia vinh danh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **VÕ ĐỨC TIẾN**

Phó Chủ tịch HĐQT SHB

Chức vụ đang đảm nhiệm: Phó Chủ tịch HĐQT SHB

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Học viện Ngân hàng

Kinh nghiệm: 35 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.



Ông **NGUYỄN VĂN LÊ**

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc từ năm 2000 đến nay

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế, Học viện ngân hàng

Kinh nghiệm: 22 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.



ÔNG **TRỊNH THANH HẢI**

Thành viên HĐQT SHB độc lập

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT SHB độc lập

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Trường Đại học George Washington - Mỹ

Kinh nghiệm: 33 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐỖ QUANG HUY

Thành viên HĐQT SHB

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT SHB

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Kinh nghiệm: 40 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.



Ông THÁI QUỐC MINH

Thành viên HĐQT SHB

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT SHB

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm: 39 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.



ÔNG PHẠM CÔNG ĐOÀN

Thành viên HĐQT SHB

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên HĐQT SHB

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm: 35 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 23/4/2018, HĐQT đã miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Trần Ngọc Linh.

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Các Ủy ban và Hội đồng nghiệp vụ là cơ quan được HĐQT thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp của HĐQT, gồm:

- + Ủy ban Nhân sự
- + Ủy ban Quản lý rủi ro
- + Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO)
- + Hội đồng Tín dụng
- + Hội đồng Đầu tư
- + Hội đồng Quản lý và xử lý nợ có vấn đề

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, HĐQT thực hiện 4 cuộc họp với tỷ lệ thành viên tham gia đạt 100%. Bên cạnh đó, HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc, Các đơn vị kinh doanh trong hệ thống nhằm nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị, kịp thời tháo gỡ khó khăn tạo động lực phát triển kinh doanh. Mặt khác, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị cũng thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của Ủy ban nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị đầy đủ và toàn diện nhất về tình hình hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|--------------------------|--|--------------------------|-------------------|--|
| 1 | Ông Đỗ Quang Hiến | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm kể từ ngày 27/04/2017 | 4/4 | 100% | |
| 2 | Ông Võ Đức Tiến | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm kể từ ngày 27/04/2017 | 4/4 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Lê | Thành viên HĐQT kiêm TGD | Bổ nhiệm kể từ ngày 27/04/2017 | 4/4 | 100% | |
| 4 | Ông Trần Ngọc Linh | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm kể từ ngày 23/04/2018 | 1/4 | 50% | Đã miễn nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 23/04/2018 |
| 5 | Ông Đỗ Quang Huy | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm kể từ ngày 27/04/2017 | 4/4 | 100% | |
| 6 | Ông Phạm Công Đoàn | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm kể từ ngày 27/04/2017 | 4/4 | 100% | |
| 7 | Thái Quốc Minh | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm kể từ ngày 27/04/2017 | 4/4 | 100% | |
| 8 | Trịnh Thanh Hải | Thành viên HĐQT độc lập | Bổ nhiệm kể từ ngày 23/04/2018 | 3/4 | 50% | Bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị độc lập từ ngày 23/04/2018 |

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động kinh doanh của ngân hàng; đôn đốc, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chủ trương, chính sách đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua. Theo đó, toàn hệ thống tập trung đẩy mạnh phát triển thị phần đối với các mảng kinh doanh chính của ngân hàng, chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ rủi ro trên tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị khẩn trương xử lý thu hồi nợ xấu, nợ quá hạn, tăng cường công tác kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay nhằm hạn chế nợ xấu mới phát sinh, nâng cao chất lượng tín dụng trên toàn hệ thống nhằm đảm bảo sự ổn định, phát triển bền vững và hoàn thành các kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao.

Hội đồng Quản trị đã phân công công việc cụ thể đối với từng Thành viên HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT được giao thực hiện công tác giám sát, quản trị theo từng lĩnh vực hoạt động trọng yếu của Ngân hàng để kịp thời có ý kiến chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh phù hợp theo từng giai đoạn, thời điểm để đảm bảo hoàn thành các kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

Thông qua các cuộc họp trong năm 2018, HĐQT ban hành 32 nghị quyết liên quan đến hoạt động cơ cấu mạng lưới, tổ chức bộ máy, nhân sự, cấp tín dụng,...

Các Nghị quyết được ban hành của Hội đồng quản trị năm 2018

| STT | Số Nghị quyết | Thời gian | Nội dung |
|-----|---------------|------------|--|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 03/01/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh SHB Thanh Hóa |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 05/01/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh SHB Nghệ An |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 08/01/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh SHB Hưng Yên |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 08/01/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Phòng Giao dịch SHB Phố Yên trực thuộc Chi nhánh SHB Thái Nguyên |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 06/02/2018 | Xác định loại chứng khoán lưu ký |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 08/02/2018 | Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ năm 2017 của SHB |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 08/02/2018 | Lập danh sách cổ đông và tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 08/03/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Phòng Giao dịch SHB Xuân Khánh trực thuộc Chi nhánh SHB Cần Thơ |
| 9 | 08A/NQ-HĐQT | 29/03/2018 | Sử dụng lợi nhuận năm 2017 của Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia để tăng Vốn Điều lệ của Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia |
| 10 | 09/NQ-HĐQT | 02/04/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Phòng Giao dịch SHB Cách Mạng Tháng 8 trực thuộc Chi nhánh SHB Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11 | 10/NQ-HĐQT | 02/04/2018 | Thống nhất điều chỉnh chức danh và giới thiệu nhân sự để bầu bổ sung thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị SHB nhiệm kỳ 2017-2022 |

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Số Nghị quyết | Thời gian | Nội dung |
|-----|---------------|------------|--|
| 12 | 11/NQ-HĐQT | 04/04/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Phòng Giao dịch SHB Diễn Châu trực thuộc Chi nhánh SHB Nghệ An |
| 13 | 12/NQ-HĐQT | 09/04/2018 | Thay đổi đơn vị quản lý 03 Phòng Giao dịch trực thuộc Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh sang trực thuộc Chi nhánh SHB Phú Nhuận |
| 14 | 13/NQ-HĐQT | 26/04/2018 | Phân công nhiệm vụ đối với thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 |
| 15 | 14/NQ-HĐQT | 26/04/2018 | Điều chỉnh thủ lao đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 |
| 16 | 15/NQ-HĐQT | 10/05/2018 | Thông qua phương án đầu tư 1.000 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu chính phủ qua hình thức đặt cọc cho Công ty Chứng khoán |
| 17 | 16/NQ-HĐQT | 22/05/2018 | Thông qua danh sách nhân sự dự kiến bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Thành viên nhiệm kỳ 2016-2021 và Tổng Giám đốc của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội |
| 18 | 17/NQ-HĐQT | 22/05/2018 | Thông qua miễn nhiệm 03 thành viên Hội đồng Thành viên nhiệm kỳ 2016-2021 và Tổng Giám đốc Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội |
| 19 | 18/NQ-HĐQT | 25/06/2018 | Thông qua việc SHB giao dịch trái phiếu của Công ty CP Xăng dầu Đức Khải |
| 20 | 19/NQ-HĐQT | 02/07/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh SHB Bình Thuận |
| 21 | 20/NQ-HĐQT | 02/07/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh SHB Nam Định |
| 22 | 21/NQ-HĐQT | 02/07/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh SHB Sơn La |
| 23 | 22/NQ-HĐQT | 02/07/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh SHB Vĩnh Long |
| 24 | 23/NQ-HĐQT | 17/07/2018 | Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội |
| 25 | 24/NQ-HĐQT | 11/07/2018 | Thông qua phương án phát hành trái phiếu năm 2018 của SHB |
| 26 | 25/NQ-HĐQT | 27/07/2018 | Cấp hạn mức mở L/C trả chậm, L/C UPAS cho khách hàng |

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Số Nghị quyết | Thời gian | Nội dung |
|-----|---------------|------------|---|
| 27 | 26/NQ-HĐQT | 14/08/2018 | Bổ sung một số hoạt động nghiệp vụ vào Giấy phép hoạt động của SHB |
| 28 | 27/NQ-HĐQT | 15/08/2018 | Thông qua phương án phát hành trái phiếu năm 2018 của SHB |
| 29 | 28/NQ-HĐQT | 17/09/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh SHB Hải Dương |
| 30 | 29/NQ-HĐQT | 17/09/2018 | Thay đổi địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh SHB Bình Dương |
| 31 | 30/NQ-HĐQT | 19/11/2018 | Bổ sung hoạt động nghiệp vụ vào Giấy phép hoạt động của SHB |
| 32 | 31/NQ-HĐQT | 20/11/2018 | Cấp hạn mức tín dụng có tài sản bảo đảm cho Công ty tài chính TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội |

1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự được tổ chức và hoạt động nhằm thực thi một số chức năng về nhân sự và lương thưởng do HĐQT phân quyền thực hiện.

Ủy ban Nhân sự gồm 6 thành viên, trong đó, chủ nhiệm ủy ban là Ông Đỗ Quang Hiển, Chủ tịch HĐQT. Năm 2018, Ủy ban Nhân sự đã tham mưu cho HĐQT ban hành nhiều quyết định quan trọng như ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến vấn đề nhân sự; các vấn đề trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ SHB; Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác với người điều hành, cán bộ, nhân viên ngân hàng; Triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy trình, quy chế trong công tác nhân sự. Trên cơ sở đó, tham mưu cho HĐQT sửa đổi các quy định hiện hành và ban hành các quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược phát triển của SHB.

Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro là cơ quan được thiết lập nhằm thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Ủy ban QLRR gồm 5 thành viên, trong đó, chủ nhiệm ủy ban là ông Đỗ Quang Hiển, Chủ tịch HĐQT. Năm 2018, để đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước về quy định hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ chính thức có hiệu lực từ 01/01/2019. Ủy ban Quản lý rủi ro đã phối hợp cùng Khối Quản trị rủi ro trực thuộc ban Tổng Giám đốc Ngân hàng thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hoàn thiện cơ cấu hệ thống QTRR SHB với 3 tuyến phòng thủ (Tuyến phòng thủ thứ 1 có chức năng nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro thuộc các bộ phận có chức năng kinh doanh hay tạo doanh thu...; Tuyến phòng thủ thứ 2 gồm các bộ phận có chức năng Giám sát tuân thủ và Quản trị rủi ro; Tuyến phòng thủ thứ 3 thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ);

- Thiết kế và xây dựng lại Khung Quản trị rủi ro SHB đồng thời hoàn thành đánh giá các rủi ro trọng yếu làm cơ sở xây dựng Tuyên bố khẩu vị rủi ro và quản trị hồ sơ rủi ro SHB phù hợp với các tiêu chuẩn của Hiệp ước Basel II về QTRR và các yêu cầu về quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- rà soát và kiện toàn hệ thống văn bản chính sách quản trị đối với từng rủi ro trọng yếu gồm rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh tại SHB và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của công tác QTRR SHB trong các năm tiếp theo;
- Xây dựng và ban hành quy định về hạn mức rủi ro và các ngưỡng kiểm soát rủi ro làm cơ sở để thực hiện quản trị và báo cáo rủi ro tại SHB.
- Hoàn thiện tổ chức, hoạt động của Hội đồng tín dụng, Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý vốn, Hội đồng ALCO trực thuộc Tổng Giám đốc để SHB có thể vận hành ngay từ đầu năm 2019;
- Hoàn thiện tổ chức, hoạt động của bộ phận tuân thủ thuộc Ban điều hành để giúp TGD giám sát tuân thủ quy định pháp luật, tuân thủ quy định nội bộ và các chỉ đạo của HĐQT, TGD, đặc biệt là chú trọng kiểm soát các giới hạn và tỷ lệ an toàn trong hoạt động của SHB theo đúng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Đảm bảo chất lượng các báo cáo liên quan đến công tác QTRR theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các yêu cầu về minh bạch và công bố thông tin theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán nhà nước và các Sở giao dịch chứng khoán.
- Giám sát các đơn vị trong toàn hệ thống trong việc thực thi các chính sách về phòng ngừa và quản trị rủi ro, từ đó tham mưu, đề xuất Hội đồng Quản trị sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy định phù hợp với tình hình thực tế và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Ban Nghiên cứu phát triển

Là cơ quan do HĐQT phân quyền nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoạch định chiến lược kinh doanh, phát triển sản phẩm, thị trường, khách hàng,...

Ban Nghiên cứu phát triển gồm 5 thành viên, trong đó, Giám đốc ban là Ông Trần Khắc Chiến. Trong năm 2018, Ban Nghiên cứu phát triển đã chỉ đạo và triển khai các dự án sản phẩm mới với các đối tượng khách hàng mục tiêu khác nhau trên cơ sở nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, môi trường vĩ mô, đảm bảo phù hợp với đặc thù phát triển của từng vùng miền.

Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có

Là cơ quan thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan tới công tác hoạch định chiến lược, chính sách quản trị rủi ro đối với hạng mục Tài sản Nợ - Có.

Năm 2018, Hội đồng ALCO đã hoàn thành tốt nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tài sản nợ, tài sản có của SHB phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của SHB trong từng thời kỳ, dự báo và phản ứng kịp thời với các thay đổi của thị trường. Rà soát đảm bảo các tỷ lệ và giới hạn an toàn trong hoạt động kinh doanh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của SHB; Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng chiến lược phát triển thị trường, chính sách phát triển vốn, quản trị rủi ro thanh khoản, quản trị rủi ro thị trường.....

Hội đồng Tín dụng

Là cơ quan thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan tới chính sách tín dụng.

Năm 2018, Hội đồng tín dụng đã thực hiện tham mưu cho HĐQT định hướng và cơ cấu dư nợ trên toàn hệ thống theo mặt hàng, lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn kinh doanh; Phê duyệt chính sách tín dụng gồm lãi suất, phí, các điều kiện tín dụng, các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng đối với từng đối tượng khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan; Phê duyệt các khoản tín dụng vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc như các khoản tín dụng vượt trên 10% vốn tự có của SHB và các khoản vay vượt giới hạn tín dụng.

Hội đồng Đầu tư

Là cơ quan thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan tới hoạt động đầu tư

Năm 2018, Hội đồng Đầu tư đã tổ chức thẩm định một số phương án, dự án đầu tư lớn và triển khai hoạt động đầu tư thuộc các lĩnh vực được phép để tăng doanh thu và lợi nhuận cho SHB. Trong đó, một số dự án lớn được thông qua như phương án đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; phát hành trái phiếu SHB,...

Hội đồng Quản lý và Xử lý nợ có vấn đề

Là cơ quan được HĐQT thiết lập nhằm thực hiện xử lý các khoản nợ có vấn đề

Năm 2018, Hội đồng Quản lý và Xử lý nợ có vấn đề đã hoàn thành tốt chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc đề ra các biện pháp phòng ngừa hạn chế và giảm thấp nợ quá hạn, nợ xấu nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả hoạt động tín dụng, nâng cao chất lượng và phát triển bền vững đối với hoạt động của SHB; chỉ đạo điều hành công tác quản lý và xử lý nợ trong toàn hệ thống, phê duyệt các biện pháp xử lý nợ, tổ chức xây dựng chiến lược phòng ngừa xử lý nợ có vấn đề trong toàn hệ thống SHB.



2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| STT | Họ tên | Chức vụ nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu(%) |
|-----|-----------------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Ông Phạm Hòa Bình | Trưởng Ban | 0,007% |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Hoạt | Phó Trưởng Ban | - |
| 3 | Bà Nguyễn Hữu Đức | Thành viên | - |
| 4 | Bà Lê Thanh Cẩm | Thành viên | - |
| 5 | Bà Phạm Thị Bích Hồng | Thành viên | - |

Tóm tắt lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát



Bà NGUYỄN THỊ HOẠT

Phó Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hoạt tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế, Học viện Tài chính. Bà có 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

Công tác tại SHB từ năm 2015 đến nay.



Ông LÊ THANH CẨM

Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát kiêm Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ

Bà Lê Thanh Cẩm tốt nghiệp Thạc sĩ QTKD - Pacific Western University US; Cử nhân Tài chính Ngân hàng – ĐH Kinh tế quốc dân; Bà có 30 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

Bà công tác tại SHB từ năm 2013 đến nay.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông PHẠM HOÀ BÌNH

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Phạm Hòa Bình tốt nghiệp Cử nhân kinh tế, Học viện Ngân hàng; Ông có 35 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

Ông công tác tại SHB từ năm 2006 đến nay



Ông NGUYỄN HỮU ĐỨC

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Đức tốt nghiệp Tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính Mátxcova – Liên bang Nga; Ông có 45 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

Chức vụ công tác đã qua:

Ông công tác tại SHB từ năm 2008 đến nay.



Ông PHẠM THỊ BÍCH HỒNG

Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Bích Hồng tốt nghiệp Cử nhân kinh tế, Trường ĐH Thương Mại Hà Nội; Bà có 30 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Chức vụ công tác đã qua:

Bà công tác tại SHB từ năm 2017 đến nay.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Hoạt động của BKS SHB trong năm 2018 đã bám sát vào chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, của Điều lệ và các quy định nội bộ của SHB. Thông qua 4 cuộc họp với 100% thành viên tham dự trong năm 2018, hoạt động của Ban kiểm soát đã được thông qua với những nội dung sau:

Họp BKS ngày 30/01/2018: Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý IV/2017 căn cứ Phương hướng công tác BKS Quý IV/2017 và thực hiện các công tác khác phát sinh trong Quý; Đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý I/2018;

Họp BKS ngày 17/4/2018: Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý I/2018 căn cứ Phương hướng công tác của BKS trong Quý I/2018 và thực hiện các công tác khác phát sinh trong Quý; Đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý II/2018;

Họp BKS ngày 30/6/2018: Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS Quý II/2018 căn cứ Phương hướng công tác của BKS trong Quý I/2018 và thực hiện các công tác khác phát sinh trong Quý; Đề ra phương hướng, nhiệm vụ của BKS Quý III/2018;

Họp BKS ngày 31/10/2018: Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý III/2018 căn cứ Phương hướng công tác BKS Quý III/2018 và thực hiện các công tác khác phát sinh trong Quý; Đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý IV/2018;

Trên tinh thần thống nhất nội dung trong các cuộc họp, Ban Kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ công tác đề ra trong năm và trong từng Quý. Cụ thể các hoạt động chính đã hoàn thành tốt như sau:

- Giám sát đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SHB trong việc quản trị, điều hành hệ thống SHB.
- Ban hành, xem xét lại các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Khối Kiểm toán nội bộ trực thuộc để đảm bảo phù hợp quy định tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD,

số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và phù hợp các điều lệ sửa đổi, bổ sung của SHB.

- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng kiểm toán nội bộ của Ban Kiểm soát :

Thông qua khối Kiểm toán nội bộ (KTNB) trực thuộc Ban Kiểm soát với hệ thống các phòng KTNB tại các đơn vị kinh doanh, công tác kiểm toán, kiểm soát của BKS đã được thực hiện một cách độc lập, thường xuyên, toàn diện các hoạt động tại từng ĐVKD.

BKS theo dõi thường xuyên hoạt động của Khối KTNB, chỉ đạo kịp thời, soát xét nội dung các văn bản, báo cáo đảm bảo đúng yêu cầu, nội dung đối với từng công việc liên quan. **Trong năm 2018, BKS đã chỉ đạo thực hiện 28 cuộc kiểm toán tại chỗ**, đạt 187% kế hoạch năm 2018; thực hiện công tác xử lý các sai sót được phát hiện qua quá trình kiểm toán, chấn chỉnh sau thanh tra, kiểm toán; thực hiện công tác giám sát từ xa các chỉ tiêu an toàn hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN; phối hợp xây dựng các phương pháp, biện pháp, kỹ thuật, công cụ giám sát; thực hiện giám sát các chỉ tiêu nội bộ của SHB; chỉ đạo Khối KTNB tham gia công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (TTGSNH) – NHNN, các Báo cáo định kỳ của Khối KTNB theo quy định.

Thực hiện kịp thời các báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán, Báo cáo kết quả chấn chỉnh sau kiểm toán của các ĐVKD; Báo cáo kết quả giám sát hoạt động cho vay toàn hàng, ...

- Đảm bảo chính xác công tác thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 của SHB.
- Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB đảm bảo có sự thống nhất của TGD và HĐQT.
- Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện vi phạm của người quản lý ngân hàng
- Cập nhật kịp thời danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.

2. BAN KIỂM SOÁT

- Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ và NHNN khi có các đơn vị này vào làm việc tại SHB.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Năm 2018, chi thù lao HĐQT và BKS là 24,4 tỷ đồng.
- Chi lương Ban TGD năm 2018 là 17,5 tỷ đồng

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Năm 2018, SHB không có giao dịch cổ phiếu nào của cổ đông nội bộ

3.3 Thực hiện các quy định về quản trị công ty

SHB báo cáo quản trị công ty định kỳ 6 tháng theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015. Trong đó:

- Ngân hàng đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
- Tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên theo đúng quy định. Công bố đầy đủ tài liệu họp trên website làm cơ sở để cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua tại đại hội. Tổ chức Đại hội cổ đông chu đáo, tích cực, thể hiện uy tín của ngân hàng.
- HĐQT và BKS có báo cáo đầy đủ tại Đại hội đồng cổ đông.
- Việc ứng cử, đề cử, thành phần, tiêu chuẩn của thành viên HĐQT, BKS đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC. HĐQT và BKS hoạt động đúng trách nhiệm và nghĩa vụ.
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các TCTD và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, cán bộ quản lý khác công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- Ngân hàng tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo và công bố thông tin và được đánh giá là một trong những doanh nghiệp minh bạch nhất trên thị trường.



VI. CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2018

SHB cam kết đồng hành cùng sự phồn vinh của đất nước, sự thịnh vượng của Quý cổ đông, đối tác và Khách hàng.

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2018



SHB long trọng đón Thống đốc Ngân hàng Trung ương Lào Sonexay Sitphaxay tới thăm và làm việc. Tại buổi làm việc, Thống đốc đã khẳng định SHB đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế – xã hội 2 nước Việt Nam – Lào”



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin đã chứng kiến Lễ trao thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa SHB với 2 định chế tài chính quốc tế lớn tại Nga là Ngân hàng Đầu tư Quốc tế (IIB) và Ngân hàng Hợp tác Kinh tế Quốc tế (IBEC). Sự kiện này mở ra cơ hội phát triển, thúc đẩy hợp tác thương mại song phương giữa các nước Đông Âu và Việt Nam



Kỷ niệm 25 năm thành lập, SHB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì lần thứ hai của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam và nhiều danh hiệu cao quý khác. Đây là sự khẳng định những bước tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững trong suốt quá trình phát triển của ngân hàng.



SHB ký kết hợp tác toàn diện với Tổng Công ty Bảo hiểm PVI (Bảo hiểm PVI), Bảo hiểm Hàng Không (VNI), góp phần đa dạng hóa sản phẩm và đem tới tiện ích nhất cho khách hàng, phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.



SHB khai trương chi nhánh Savannakhet. Đây là chi nhánh thứ 2 của SHB Lào. Sự kiện đánh dấu những thành tựu ấn tượng của SHB tại xứ sở Triệu Voi. Việc khai trương 01 chi nhánh mới tại nước ngoài cùng 05 chi nhánh SHB trong nước tại Sơn La, Hải Dương, Nam Định, Vĩnh Long, Bình Thuận... trong năm 2018 đã góp phần nâng cao vị thế, uy tín của SHB tại thị trường quốc tế, tăng cường sự hiện diện tại các địa phương trong nước nhằm tiếp tục chiến lược mở rộng mạng lưới, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2018

SHB không ngừng góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội, đất nước. SHB luôn luôn đồng hành cùng nhiều hội nghị xúc tiến thương mại lớn góp phần thúc đẩy tiềm năng phát triển và cơ hội đầu tư tại tỉnh Nghệ An, Thái Nguyên, An Giang, Quảng Bình..., hiện thực hóa cam kết luôn đồng hành cùng doanh nghiệp của SHB trong công cuộc phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.



SHB đồng hành với CLB Manchester City đưa Cúp Ngoại hạng Anh và Cúp Liên đoàn Anh đến Việt Nam sự kiện đã góp phần tiếp lửa đam mê, lan tỏa niềm tin chiến thắng tới cộng đồng nói chung, người yêu bóng đá cả nước nói riêng, quảng bá hình ảnh đất nước con người Việt Nam ra thế giới.



SHB tổ chức thành công Đại hội cổ đông lần thứ 26 với nhiều nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua và cam kết sẽ nỗ lực hết mình để hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra.



SHB khởi động dự án "Hiện đại hóa ngân hàng" thông qua chiến lược CNTT tổng thể 5 năm do Tập đoàn IBM tư vấn, đón đầu xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhằm tăng trưởng bền vững, hiệu quả với những sản phẩm và dịch vụ ngân hàng trọn gói, tiện lợi, tiết kiệm chi phí và chất lượng cao.



SHB khởi động dự án "Đánh giá mức độ chênh lệch và xây dựng lộ trình triển khai tổng thể chương trình tuân thủ Basel II", tiến gần hơn tới hiện thực hóa mục tiêu trở thành tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế.





VII. THÀNH TÍCH VÀ SỰ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI

Trong suốt chặng đường 25 năm phát triển, SHB luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững, xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng của khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư. Sự thành công và uy tín của SHB được ghi nhận bằng nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, nhiều giải thưởng danh giá của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế

THÀNH TÍCH VÀ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI



Danh hiệu tiêu biểu do Nhà nước trao tặng:

- Huân chương Lao động hạng Nhì lần thứ 2, hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng SHB;
- Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng Chủ tịch HĐQT SHB;
- Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng Tổng Giám đốc SHB;
- Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng Tổng Giám đốc SHB;
- Danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú" do UBND TP Hà Nội trao tặng Chủ tịch HĐQT
- Cúp Thăng Long của UBND Thành phố Hà Nội vinh danh SHB
- Bằng khen SHB – tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính năm 2017 do Thống đốc NHNN trao tặng.
- Bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố có trụ sở SHB;...

THÀNH TÍCH VÀ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI



Giải thưởng trong nước tiêu biểu do các Ban/ngành/tổ chức trao tặng/ bình chọn:

- 3 năm liên tiếp TOP 10 Ngân hàng Việt Nam uy tín do Vietnam Report bình chọn
- TOP 100 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt
- TOP 10 sản phẩm chất lượng cao năm 2018 do Hội Bảo vệ Người tiêu dùng Việt Nam kết hợp với Viện Kinh tế và Văn hóa bình chọn
- Top 50 Doanh nghiệp thịnh vượng xuất sắc Việt Nam do Vietnam Report bình chọn.
- Top 30 "Doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất" do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) bình chọn
- Top 10 "Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích" do Sở Công thương Hiệp hội DN nhỏ và vừa bình chọn;
- Giải thưởng Thương hiệu mạnh, Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam nhiều năm liên tiếp;
- Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam với xếp hạng liên tục tăng lên qua các năm;
- Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Báo Đầu tư và Công ty Dragon Capital bình chọn
- Top 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX nhiều năm liền;
- Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế do Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chứng nhận.
- Top các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam nhiều năm liền;



Giải thưởng quốc tế tiêu biểu do các Quốc gia/Tập đoàn/Tổ chức/Tạp chí danh tiếng trao tặng/bình chọn:



Top 50 Ngân hàng mạnh nhất châu Á do The Asian Banker bình chọn



Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí tài chính hàng đầu thế giới Global Finance vinh danh.



Giải thưởng “Ngân hàng Hỗ trợ Đầu tư Công nghệ cao cho Nông nghiệp sạch 2018” do Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG vinh danh.



Giải thưởng “Ngân hàng Tài trợ dự án tốt nhất 2018” và giải thưởng “Ngân hàng có sáng kiến bao trùm tài chính tốt nhất 2018” do Tạp chí hàng đầu Châu Á Asian Banking and Finance (ABF) trao tặng.



Giải thưởng Ngân hàng bán lẻ tốt nhất và Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha Southeast Asia (AlphaSea) vinh danh.



BEST RETAIL BANK VIETNAM

Giải thưởng Ngân hàng Hỗ trợ Đầu tư Công nghệ cao cho Nông nghiệp sạch do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG trao tặng.



Giải thưởng Ngân hàng có trách nhiệm xã hội tốt nhất Việt Nam do Tạp chí Asiamoney vinh danh



Giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc do Tổ chức Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới (World Cob) vinh danh

Giải thưởng quốc tế tiêu biểu do các Quốc gia/Tập đoàn/Tổ chức/Tạp chí danh tiếng trao tặng/bình chọn:

THE ASIAN BANKER
VIETNAM COUNTRY AWARDS 2018
AUTO LOAN PRODUCT OF THE YEAR



- Giải thưởng: “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam”; “Sản phẩm cho vay mua ô tô tốt nhất”; “Sản phẩm cho vay mua nhà tốt nhất”; “Sáng kiến thẻ tín dụng tốt nhất” do Tạp chí The Asian Banking and Finance (ABF) trao tặng.

- Giải thưởng “Ngân hàng SME Tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng Cho vay Mua nhà Tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn.

- Ngân hàng nước ngoài tiêu biểu tại Campuchia nhiều năm liên tiếp với 2 hạng mục giải thưởng “Ngân hàng SME tiêu biểu” và “Ngân hàng có Sản phẩm – Dịch vụ sáng tạo tiêu biểu năm” do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG kết hợp với Ngân hàng Quốc gia Campuchia trao tặng.

- Giải thưởng “Sản phẩm tiền gửi tốt nhất Việt Nam” và “Sáng kiến thương hiệu tốt nhất ” do The Asian Banker trao tặng.

- Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ tiền gửi tốt nhất” và “Ngân hàng có dịch vụ Internet Banking tốt nhất” Việt Nam Global Banking and Finance Review trao tặng.

- Giải thưởng “Ngân hàng An ninh thông tin tiêu biểu” do tập đoàn IDG vinh danh nhiều năm liên tiếp

- 8 năm liên tiếp SHB được vinh danh ngân hàng có dịch vụ thanh toán quốc tế xuất sắc do Bank of New York (BNY) Mellon trao tặng

Và nhiều giải thưởng uy tín khác...



VIII. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với những nền tảng được đầu tư vững chắc, SHB đang hội tụ đầy đủ các yếu tố cần thiết cho việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, đem lại lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

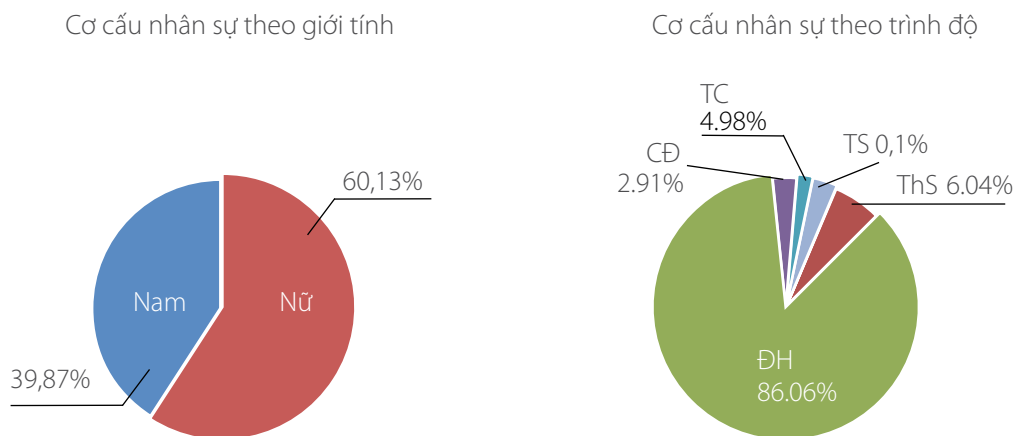
1. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SHB có nguồn nhân lực trẻ với độ tuổi bình quân dao động trong khoảng 29 – 31 tuổi, là độ tuổi giàu nhiệt huyết, đam mê cống hiến phát triển với hơn 92% có trình độ đại học và trên đại học.

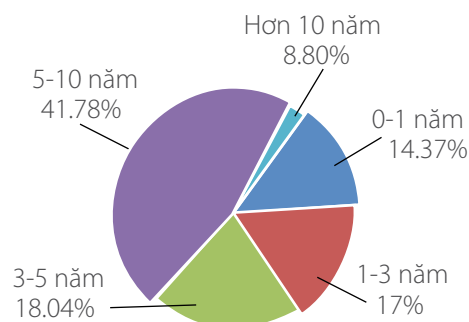
1.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số cán bộ nhân viên của SHB đến 31/12/2018 là 7.546 người, tăng 22,0% so với 2017. Năm 2018 là năm SHB cơ cấu lại chế độ tiền lương, nâng mức thu nhập trung bình của người lao động đạt 18 triệu đồng/người/tháng.

Cơ cấu nhân sự năm 2018



Cơ cấu nhân sự theo thâm niên công tác



1.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Với mục tiêu xây dựng lực lượng lao động có kinh nghiệm, tâm huyết và trình độ đáp ứng được những yêu cầu của một ngân hàng hiện đại, SHB tiếp tục nhiều chính sách nhằm thu hút và giữ chân nhân tài.

Chế độ lương và khen thưởng

“Sống nhờ lương, giàu nhờ thưởng” là phương châm SHB luôn nỗ lực thực hiện để người lao động yên tâm gắn bó với ngân hàng.

Năm 2018, SHB sắp xếp lại toàn bộ chức danh và mức lương theo chức danh cho người lao động. Đồng thời, ngân hàng áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc (KPIs)

1. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

nhằm chi trả thu nhập hàng tháng công bằng, chính xác theo năng lực cống hiến của người lao động trên cơ sở đảm bảo lợi ích của ngân hàng, của người lao động và theo quy định của pháp luật hiện hành. Chính sách tiền lương được gắn với kết quả đánh giá thực hiện công việc định kỳ, tạo động lực làm việc, thúc đẩy CBNV hoàn thành mục tiêu kế hoạch đặt ra. Việc nâng bậc lương định kỳ hàng năm được đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch, thể hiện được chính sách phát triển của SHB.

Chế độ thưởng được thực hiện đầy đủ với tất cả cán bộ, nhân viên vào các dịp lễ, tết của quốc gia và kỷ niệm ngày thành lập ngân hàng. Đặc biệt, chính sách khen thưởng được SHB ghi nhận kịp thời với Bằng khen/Giấy khen hàng quý/năm do Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trao tặng và các chuyến du lịch nước ngoài (Châu Âu, Châu Á,...) nhằm động viên, khuyến khích dành cho tập thể/cá nhân người lao động có sáng kiến mới, vượt chỉ tiêu kế hoạch, đạt thành tích xuất sắc...

Chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, an toàn và phúc lợi

Sự khác biệt giữa SHB và các ngân hàng khác là hiện SHB đang chi trả thay người lao động các khoản trích nộp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và công đoàn phí. Đây là một trong những chính sách nổi bật, không chỉ giúp đảm bảo và cải thiện thu nhập cho người lao động mà còn là một trong những chính sách để thu hút nhân sự về làm việc tại ngân hàng.

Chế độ chăm sóc sức khỏe cho người lao động được SHB chú trọng với mức chi phí khá cao. SHB đã liên kết với các bệnh viện hàng đầu tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên định kỳ 1 năm/lần, với chi phí trung bình 1 triệu đồng/người. Đồng thời, người lao động được thụ hưởng bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện theo chương trình SHB Care liên kết với bảo hiểm BSH (với các chức danh lãnh đạo, giá trị bảo hiểm gần 1 tỷ đồng/người. Các chức danh khác, mức bảo hiểm trung bình 200 triệu đồng/người). Năm 2018, SHB tặng toàn thể người lao động 1 năm phí bảo hiểm liên kết với bảo hiểm Daiichi Life với mức phí 14,5 triệu đồng/người.

Bên cạnh đó, ngân hàng luôn đảm bảo các chế độ phụ cấp đặc thù như phụ cấp độc hại, phụ cấp trang điểm đối với bộ phận ngân quỹ, kiểm đếm tiền, giao dịch trực tiếp với khách hàng; phụ cấp kiểm nhiệm, thu hút đối với lao động có năng lực

tốt; phụ cấp xăng xe và gửi xe hàng tháng cho 100% người lao động. Ban lãnh đạo tại trụ sở chính cũng như tại các chi nhánh được bố trí xe ô tô riêng đưa đón đi làm việc và công tác bên ngoài, đảm bảo chi phí hợp lý.

Ngoài việc thực hiện chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, SHB còn áp dụng nhiều chương trình phúc lợi hữu ích cho nhân viên hàng năm như: cấp phát đồng phục làm việc, trang bị đầy đủ các công cụ làm việc hiện đại phù hợp với nghiệp vụ công tác; tổ chức nghỉ mát hàng năm cho toàn thể cán bộ nhân viên; chính sách cho nhân viên vay ưu đãi mua nhà, ô tô, cho vay tiêu dùng với lãi suất thấp,...

Các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, tổ chức hội thao bóng đá và hội diễn văn nghệ quần chúng thường xuyên được tổ chức trên toàn hệ thống nhằm tạo sự đoàn kết, gắn kết người lao động với Ngân hàng, tạo không khí vui vẻ đầm ấm để tạo động lực cho cán bộ nhân viên.

Các chương trình hoạt động xã hội, ủng hộ từ thiện, bảo vệ môi trường,... luôn được SHB chú trọng, qua đó nhằm xây dựng tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng của cán bộ nhân viên.

1.3 Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất của ngân hàng, phát huy tối đa nguồn lực con người, lấy con người là trung tâm cho động lực phát triển của ngân hàng

SHB tạo mọi điều kiện để mỗi cá nhân người lao động phát triển nghề nghiệp, chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao với kế hoạch đào tạo được xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển kinh doanh của ngân hàng, theo phân tích xu thế phát triển của thị trường tài chính, dựa trên khảo sát nhu cầu hàng năm của cán bộ nhân viên. Với chủ trương mọi người lao động đều có cơ hội được đào tạo và phát triển nên mọi chi phí các khóa đào tạo do SHB tổ chức cũng như các khóa đào tạo do SHB cử tham dự đều được ngân hàng tài trợ.

Trong năm 2018, SHB đã thực hiện được 79 chuyên đề/nội dung đào tạo cho các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống với tổng số 26.627 lượt cán bộ tham gia. Tổng số giờ học bình quân một học viên là 36 giờ/năm. Chất lượng đào tạo được các học viên đánh giá đạt 4,1/5 (so với yêu cầu chất lượng tối thiểu là 3,75/5).

1. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chương trình đào tạo được xây dựng theo từng nhóm đối tượng

SHB thực hiện đào tạo trên cơ sở khung tiêu chuẩn năng lực của từng chức danh và theo cấp độ năng lực yêu cầu của từng vị trí. Các chương trình đào tạo tại SHB đa dạng, liên tục cải tiến, cập nhật về nội dung, hình thức, phù hợp với nhiều đối tượng.

Với cán bộ nhân viên tân tuyển, SHB xây dựng các chương trình đào tạo hội nhập cùng với bố trí cán bộ có kinh nghiệm lâu năm kèm cặp nhằm cung cấp cho người lao động các kiến thức tổng quan về SHB, các kiến thức nền tảng trong công việc, nhanh chóng hội nhập và làm quen với văn hóa của SHB (số học viên tham gia đào tạo hội nhập năm 2018 là 3.859 lượt).

Với cán bộ nhân viên có kinh nghiệm, năng lực, SHB chú trọng đào tạo nghiệp vụ nâng cao, chuyên sâu nhằm mục đích quy hoạch cán bộ nguồn, tạo cơ hội thăng tiến nghề nghiệp (số học viên tham gia đào tạo chuyên sâu sản phẩm, nghiệp vụ năm 2018 là 21.261 lượt)

Với các cấp quản lý, SHB triển khai các chương trình đào tạo nâng cao khả năng quản lý, điều hành, kỹ năng xây dựng, hoạch định chiến lược, quản lý sự thay đổi,... Hàng năm SHB tạo điều kiện để cán bộ quản lý có điều kiện tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nước ngoài (năm 2018 có 1.777 lượt học viên tham gia đào tạo)

Công tác đánh giá hiệu quả cuối khoá học được định kỳ tổ chức bằng các đợt kiểm tra, đánh giá nghiệp vụ trên toàn hệ thống để khuyến khích cán bộ nhân viên tự đào tạo, bổ sung các nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng còn yếu và thiếu.

Các ứng dụng công nghệ trong đào tạo luôn được chú trọng phát triển thông qua việc triển khai hệ thống học tập và kiểm tra trực tuyến như thư viện điện tử (bao gồm tài liệu học tập, slide trình chiếu, video hướng dẫn giải đáp thắc mắc,...), các phần mềm quản lý học tập và đào tạo của mỗi cá nhân, diễn đàn trao đổi thảo luận, khảo sát trực tuyến... Hệ thống đào tạo hiện đại đã giúp việc học tập của các cán bộ nhân viên trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn.

Chính sách tuyển dụng

Công khai, minh bạch cùng với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng của ứng viên dựa trên các chuẩn mực về nghề nghiệp là căn cứ để tuyển dụng.

Công tác tuyển dụng bổ nhiệm nội bộ được ban lãnh đạo chú trọng, ưu tiên nguồn nhân sự trong nội bộ dự tuyển nhằm tạo sự gắn bó, khuyến khích động viên nhân viên phát triển. Đối với ứng viên từ nguồn bên ngoài, SHB ưu tiên các ứng viên có kinh nghiệm, các ứng viên tốt nghiệp học lực khá, giỏi các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước và được thỏa thuận mức lương mong muốn theo kinh nghiệm, năng lực, trình độ.

Tại các tỉnh/thành trong nước và nước ngoài có sự hiện diện của SHB, lao động địa phương được ưu tiên tuyển dụng bởi nền tảng am hiểu thị trường địa phương một cách cặn kẽ và sự gắn bó, tâm huyết của người lao động.

Bên cạnh đó, SHB ký kết hợp tác với các đối tác cung cấp các dịch vụ tuyển dụng lớn như Vietnamwork, Careerbuilder, Firt Alliance, Navigos nhằm tăng hiệu quả truyền thông thông tin tuyển dụng và bổ sung nguồn ứng viên cao cấp; đẩy mạnh việc hợp tác với các trường đại học lớn thông qua các chương trình tài trợ học bổng cho sinh viên xuất sắc, trao đổi thông tin, tham gia hội chợ việc làm để mở rộng nguồn tuyển.





2. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm với cộng đồng - xã hội luôn là yếu tố gắn kết chặt chẽ song hành với hoạt động kinh doanh của SHB trên chặng đường 25 năm xây dựng và phát triển. Đây cũng là một trong những mục tiêu quan trọng SHB luôn hướng tới và thực hiện tốt với lòng nhiệt thành, sự sẻ chia và thấu hiểu cộng đồng sâu sắc. Với vai trò, vị thế Top 5 Ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam, SHB đã - đang và sẽ tiếp tục nỗ lực mang lại những giá trị tốt đẹp nhất cho cộng đồng - xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, an sinh xã hội đất nước.

Năm 2018, SHB tiếp tục có những đóng góp thiết thực cho cộng đồng, xã hội với tổng số tiền đã tham gia ủng hộ cho công tác an sinh xã hội trong giai đoạn 5 năm qua lên tới hàng trăm tỷ đồng.

Xóa đói giảm nghèo

Hướng về cộng đồng, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, SHB đã dành gần 5 tỷ đồng để thực hiện chương trình "SHB - Chia sẻ yêu thương", trực tiếp thăm hỏi và trao gần 6.000 suất quà dành tặng cho trẻ em nghèo, các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nạn nhân chất độc da cam, người già neo đơn và trẻ em tàn tật tại nhiều địa bàn trên cả nước.



Giúp đỡ, chăm lo cho đời sống của người tàn tật và trẻ mồ côi, SHB đã đóng góp cho Quỹ Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam từ nhiều năm qua với số tiền lên đến hàng tỷ đồng.

Chia sẻ với những khó khăn trong cuộc sống với các bà con nghèo, SHB tích cực tham gia các hoạt động an sinh tại nhiều địa phương, ủng hộ Quỹ vì người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại Vĩnh Long, Bình Thuận, Nam Định, Sơn La, Hải Dương, ủng hộ chương trình làm đường giao thông liên

gia ngõ xóm tỉnh Lào Cai,...SHB cũng liên tục nhiều năm tài trợ hàng tỷ đồng cho chương trình Quỹ vì người nghèo do UB MTTQ và Quỹ vì người nghèo do Hội DN VVN, qua đó, hỗ trợ những quà tặng thiết thực như trâu bò cho các hộ nông dân khó khăn, xe đạp cho trẻ nhỏ,...

Với chương trình ủng hộ biển đảo tổ quốc, SHB đã thăm và tài trợ kinh phí mua tàu chi viện Trường Sa; Ủng hộ vận động chương trình "Vì Trường Sa thân yêu"; Ủng hộ ngư dân Quảng Ngãi chương trình "Tiếp sức ngư dân vươn khơi bám biển".

Đồng hành cùng người nghèo, hỗ trợ phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, SHB đã cùng một số ngân hàng thực hiện các dự án trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với số tiền khoảng 15.000 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư thủy điện, giao thông, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, giúp Tây Nguyên phát triển từng ngày".

SHB đồng hành cùng sự phát triển của Cộng đồng Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP Hà Nội trong chương trình "Đêm doanh nghiệp" tại Hà Nội; đồng hành và đóng góp thành công cùng "Diễn đàn Ngân hàng 2018", chương trình "Khát vọng khởi nghiệp - Bùng sáng bản làng" để góp phần lan tỏa tinh thần khởi nghiệp tới tất cả các cộng đồng trong công cuộc phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo;

Tri ân gia đình có công với cách mạng

Phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", SHB đã cụ thể hóa tình cảm, tri ân các anh hùng liệt sĩ, người có công và trách nhiệm xã hội bằng nhiều hoạt động như đóng góp 1,5 tỷ đồng để đồng hành cùng "Đại lễ tưởng niệm và tri ân anh hùng liệt sĩ" và xây 20 ngôi nhà "Ấm tình đồng đội" dành tặng các chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại 18 tỉnh thành trên cả nước;

Xây dựng 30 căn nhà tình nghĩa dành cho người có công với cách mạng tại Cần Thơ, ủng hộ hơn 4 tỷ đồng xây dựng Đền thờ Ngã ba Đồng Lộc tại



2. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

tỉnh Hà Tĩnh... cùng nhiều hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa” ý nghĩa khác

Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ

Nhằm động viên, hỗ trợ cho các em học sinh chuẩn bị năm học mới, SHB đã mang đến hàng nghìn suất quà, học bổng ý nghĩa đến với các em học sinh nghèo vượt khó, những em nhỏ không may đang ngày ngày nỗ lực chống chọi với bệnh hiểm nghèo trên khắp mọi miền tổ quốc với tổng giá trị lên đến hàng tỷ đồng.



Phối hợp cùng CLB Bóng đá Manchester City tổ chức khóa đào tạo ý nghĩa “Nhà lãnh đạo trẻ” (Young Leader) dành cho trẻ em đến từ các Làng trẻ SOS. Mục đích chính của khóa học nhằm thông qua việc sử dụng bóng đá để giải quyết các vấn đề tác động đến thanh thiếu niên như lạm dụng chất kích thích, thất nghiệp, sự hòa nhập của người khuyết tật và sẽ tạo những hạt nhân lõi, các nhân tố lãnh đạo trẻ để từ đó lan tỏa, nhân rộng những giá trị tốt đẹp của dự án ra toàn cộng đồng.

Hiện thực hóa cam kết đồng hành, tạo nguồn khích lệ, cổ vũ, phát huy sự sáng tạo và nhiệt huyết của thế hệ trẻ, SHB đã triển khai nhiều hoạt động như ký kết hợp tác triển khai các hoạt động của chương trình khởi nghiệp với Báo Diễn đàn Doanh nghiệp – đơn vị Thường trực tổ chức chương trình Khởi nghiệp quốc gia; tài trợ chương trình “Khát vọng khởi nghiệp – Bùng sáng bản làng”;...

Với mong muốn nhân rộng những giá trị nhân văn sâu sắc tới cộng đồng và góp phần duy trì, phát triển sâu sắc khẩu kích của Việt Nam, SHB đã tài trợ dự án “Chắp cánh niềm tin” với nhà hát Tuổi trẻ, tổ chức hàng trăm đêm diễn kịch miễn phí dành tặng khán giả cả nước.

Phát huy truyền thống văn hóa chăm sóc, sẻ chia, lan tỏa yêu thương, SHB đã tổ chức rất nhiều hoạt động và món quà ý nghĩa dành cho con em CBNV

cũng như giúp đỡ các bạn nhỏ còn kém may mắn, có hoàn cảnh khó khăn, mang tới cho các em niềm vui và tình yêu thương trong ngày Tết trung thu – Tết đoàn viên.

Đồng hành cùng thể thao nước nhà, với vai trò nhà tài trợ của CLB SHB Đà Nẵng, SHB hỗ trợ hết mình để phát triển bóng đá tại Đà Nẵng, đồng thời góp phần vào thành công chung của bóng đá Việt Nam.

Luôn đồng hành cùng thể thao nước nhà, SHB đã tài trợ nhiều hoạt động thể thao ý nghĩa như Giải bóng đá U19 quốc gia và quốc tế báo Thanh Niên, Giải vô địch Cờ vua đấu thủ mạnh và Giải vô địch cờ vua trẻ xuất sắc toàn quốc nhằm bồi dưỡng, tuyển chọn các vận động viên xuất sắc nhất tham gia đội tuyển quốc gia và thi đấu các giải quốc tế.

Truyền cảm hứng, tình yêu bóng đá cùng niềm tin chiến thắng tới các cầu thủ Việt Nam và người hâm mộ cả nước, SHB đã mang Cúp Ngoại hạng Anh, Cúp Liên đoàn Anh và đưa cầu thủ nổi tiếng Joleon Lescott đến thủ đô Hà Nội giao lưu với người hâm mộ, các trẻ em làng trẻ SOS.

Khắc phục hậu quả thiên tai

Phát huy tinh thần tương thân tương ái, SHB đã trực tiếp thăm hỏi, tặng quà và chia sẻ khó khăn với bà con chịu thiệt hại nặng nề nhất trong đợt bão lũ quét qua các huyện biên giới hai tỉnh Lai Châu và Hà Giang với số tiền ủng hộ hơn 500 triệu đồng.



Các hoạt động khác

Với tinh thần tình thân sẻ chia, trách nhiệm cộng đồng, SHB đã tổ chức ngày hội Hiến máu nhân đạo tại nhiều chi nhánh trên cả nước với sự ủng hộ của không chỉ riêng người SHB mà còn từ người thân, khách hàng và đối tác.

Không chỉ chung tay xây dựng tổ quốc, SHB còn

2. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

tích cực đóng góp cho sự phát triển cộng đồng quốc tế, góp phần thắt chặt tình hữu nghị láng giềng 3 nước Đông Dương Việt Nam – Lào - Campuchia.



- SHB thường xuyên chia sẻ, ủng hộ các quỹ người nghèo, trẻ em nghèo nước bạn Lào để góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động bản xứ, góp phần ổn định an sinh xã hội Lào.
- Chương trình Những tấm lòng vàng SHB Campuchia được tổ chức thường xuyên dành cho các trẻ em nghèo trên địa bàn: Tặng quà cho Trại trẻ mồ côi Lasalle Pothum, làng Pothum, xã Areyksat, huyện Lavea Em, tỉnh Kandal; Trẻ em nghèo đang được chùa Phước Thiên, ấp Neak Loeung, huyện Peam Ror, tỉnh Prey Veng dạy học; Trẻ em nghèo Trường tiểu học Prey Thom, làng Prey Thom, xã Reaksmeay Samaki, huyện Aoral, tỉnh Kampong Speu.
- Ủng hộ Quỹ Phụ nữ vì Hòa bình và Phát triển Campuchia, Quỹ Mặt trận Giải phóng dân tộc, Tài trợ đội bóng đá Preah Khan Reach, Ủng hộ xây đền Pi Tho Nu tỉnh Svay Rieng, Ủng hộ xây trường học tỉnh Kampong Thom, Công đức xây chùa Phước Thiên, ấp Neak Loeung, huyện Peam Ror, tỉnh Prey Veng.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI NĂM 2018

| STT | Nội dung | Số tiền |
|-----------|--|----------------------|
| I. | Tài trợ cho người nghèo, bệnh tật | 3.771.960.000 |
| 1 | Hỗ trợ một phần chi phí sinh hoạt, thuốc men hàng tháng của vợ chồng ông Thanh tại Sơn Trà, Đà Nẵng, Quảng Nam, Thái Nguyên, Quảng Trị, Thanh Hóa, Hải Dương,... | 954.000.000 |
| 17 | Ủng hộ các hoàn cảnh bất hạnh tại các tỉnh | 415.000.000 |
| 18 | Hỗ trợ tiền viện phí và làm sổ tiết kiệm cho cho vợ/con anh Đình Mai Thắng, Cán bộ SHB | 902.960.000 |
| 19 | Ủng hộ Quỹ vì Người nghèo Tỉnh Nam Định, Sơn La, Hải Dương, Bình Thuận | 400.000.000 |
| 22 | Ủng hộ Chương trình Tết vì người nghèo Xuân Kỷ Hợi 2019 | 1.000.000.000 |
| 23 | Ủng hộ chương trình Tết vì người nghèo do báo CAND tổ chức | 100.000.000 |
| II | Tài trợ xây nhà tình nghĩa cho gia đình nghèo, có công với cách mạng | 1.995.000.000 |
| 1 | Trao tặng 3 căn nhà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại Vĩnh Long | 120.000.000 |
| 2 | Tài trợ xây dựng 30 căn nhà tình nghĩa cho người có công với cách mạng tại Cần Thơ | 1.700.000.000 |
| 3 | Xây dựng nhà tình thương theo chương trình SHB chia sẻ yêu thương | 55.000.000 |
| 4 | Tài trợ 3 căn nhà cho hộ nghèo tại huyện Bình Tân, TPHCM | 120.000.000 |

2. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

| STT | Nội dung | Số tiền |
|-----------------------------------|--|-----------------------|
| III | Tài trợ cho giáo dục và thế hệ trẻ | 3.448.000.000 |
| 1 | Hỗ trợ chi phí tiền học cho 2 học sinh nghèo tại Bắc Trà My, Quảng Nam, Thái Bình | 58.000.000 |
| 2 | Hỗ trợ kinh phí sinh hoạt hàng tháng cho học sinh nghèo tại Phú Ninh, Quảng Nam trong vòng 2 năm. | 24.000.000 |
| 3 | Hỗ trợ kinh phí sinh hoạt hàng tháng cho học sinh nghèo tại Hưng Hà, Thái Bình trong vòng 2 năm. | 15.000.000 |
| 4 | Tặng xe đạp và hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng cho học sinh nghèo tại Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông | 40.000.000 |
| 5 | Tặng xe đạp và hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng cho học sinh nghèo tại Yên Thành, Nghệ An | 26.000.000 |
| 6 | Ủng hộ liên đoàn cờ VN | 300.000.000 |
| 7 | Tặng quà trung thu các em nhỏ ở Mái ấm tình thương Vinh Sơn, Lạng Sơn, nhà tình thương Hương La Bắc Ninh và 300 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở Vĩnh Bảo, Hải Phòng | 80.000.000 |
| 8 | Tặng quà cho các học sinh nghèo chương trình SHB chia sẻ yêu thương - Thắp sáng tương lai tại các tỉnh | 875.000.000 |
| 9 | Ủng hộ máy liên lạc Thanh Hóa và Quảng Ninh | 1.260.000.000 |
| 10 | Tài trợ cho học sinh nghèo trường tiểu học Bắc Hà, Lào Cai | 10.000.000 |
| 11 | Tài trợ cho học sinh nghèo trường THCS Khương Thượng, THPT Phan Đình Phùng, Hà Nội | 20.000.000 |
| 12 | Ủng hộ Quỹ khuyến học | 5.000.000 |
| 13 | Tặng quà cho học sinh nghèo học giỏi tại trường tiểu học xã Cai Kinh | 10.000.000 |
| 14 | Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn THAM ME B, H VAN LANG | 10.000.000 |
| 15 | Tặng 500 phần bánh trung thu cho học sinh nghèo các tỉnh | 35.000.000 |
| 16 | Tài trợ học bổng cho khoa Du lịch, khoa Luật, ĐH Huế | 20.000.000 |
| 17 | Tài trợ chương trình khát vọng khởi nghiệp, bùng sáng bản làng | 330.000.000 |
| 18 | Tài trợ CT "Vinh quang VN, những công trình thế kỷ" | 330.000.000 |
| IV | Tài trợ khắc phục thiên tai | 1.009.900.000 |
| 1 | SHB chung tay ủng hộ người dân chịu thiệt hại do lũ quét vùng núi phía Bắc tại Lai Châu và Hà Giang | 509.900.000 |
| 2 | Ủng hộ quỹ Quỹ thiên tai Việt Nam | 500.000.000 |
| V | Các hoạt động khác | 5.852.000.000 |
| 1 | Ủng hộ Đại lễ cầu siêu tại Thành cổ Quảng Trị | 1.500.000.000 |
| 2 | Ủng hộ xây dựng đền thờ Ngã ba Đồng Lộc | 4.000.000.000 |
| 3 | Tặng quà ngày Thương binh liệt sĩ cho người thân cán bộ SHB dịp 27/7 | 128.000.000 |
| 4 | Tặng quà cho gia đình thương binh liệt sĩ tại Thái Bình, Lai châu, Hà Giang dịp 27/7 | 223.000.000 |
| 5 | Ủng hộ Quỹ an ninh quốc phòng | 1.000.000 |
| Tổng I + II + III + IV + V | | 16.076.860.000 |

Và nhiều hoạt động ủng hộ ngày công, vật chất ý nghĩa khác....

3. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Là một trong những ngân hàng có quy mô lớn nhất thị trường Việt Nam, tiên phong thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước, SHB xác định chiến lược phát triển bền vững không chỉ có tăng trưởng tài chính hiệu quả, an toàn của chính Ngân hàng mà còn thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống.

3.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

SHB là đơn vị cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, vì vậy, nguyên vật liệu chính cho quá trình kinh doanh chủ yếu là giấy in, mực in, văn phòng phẩm. Nhiều biện pháp được SHB sử dụng nhằm tiết kiệm nguyên vật liệu, công cụ lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường như:

- Tăng cường phát triển các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại, đồng thời giảm thiểu quy trình sử dụng giấy tờ rườm rà nhằm đem đến những tiện ích cho khách hàng, tiết kiệm thời gian xử lý giao dịch, chi phí văn phòng phẩm. Các sản phẩm huy động, cho vay, thanh toán, thẻ... đã, đang và sẽ hướng đến giao dịch, phê duyệt online, vì vậy, số lượng giấy tờ, bút mực,.. các công cụ lao động khác giảm đáng kể qua từng năm.
- Hệ thống trao đổi thông tin điện tử được nâng cấp, mở rộng từ trụ sở chính tới các chi nhánh như họp, phỏng vấn tuyển dụng qua cầu truyền hình, thi tuyển trực tuyến, phát hành bản tin và tạp chí điện tử... góp phần quan trọng giảm thiểu lượng giấy tờ in ấn và nâng cao hiệu suất lao động.
- Tái sử dụng giấy đã in 1 mặt; Đăng ký định mức sử dụng cho từng phòng/ban hàng năm; Phân loại văn phòng phẩm theo các dạng cấp 1 lần, cấp theo đề nghị hàng tháng, theo yêu cầu sử dụng bất thường; Theo dõi và so sánh việc sử dụng định kỳ.
- Bên cạnh đó, Ngân hàng luôn truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in thừa và tăng cường trao đổi thông tin, công văn, báo cáo thông qua email nội bộ, tái sử dụng các văn phòng phẩm cũ.

3.2 Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng sử dụng cho quá trình hoạt động kinh doanh tại SHB chủ yếu là điện năng cho việc thắp sáng, duy trì hoạt động của máy tính, điều hòa nhiệt độ, xăng dầu phục vụ cho xe đưa đón cán bộ nhân viên,..

SHB đã thực hiện tiết kiệm tối đa năng lượng điện tiêu thụ cũng chính là biện pháp giảm thiểu chi phí kinh doanh thông qua việc trang bị các bóng đèn tiết kiệm năng lượng, điều hòa nhiệt độ đáp ứng các tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính và được bảo dưỡng liên tục. Bên cạnh đó, việc tiết kiệm năng lượng được lãnh đạo và các cán bộ nhân viên nghiêm túc thực hiện như tắt cầu dao điện khi ra về, chú ý đóng cửa ra vào để điều hòa hoạt động hiệu quả, bố trí chỗ ngồi hợp lý để tiết kiệm điện cho thiết bị chiếu sáng...;

Chi phí xăng dầu được giao định mức và kiểm tra lịch trình cụ thể đối với các lãnh đạo đơn vị thường xuyên có hoạt động đi lại bằng xe cơ quan. Các hoạt động khác sẽ phải đăng ký trước lộ trình và thời gian nhằm đảm bảo phục vụ được tối đa công việc của cán bộ nhân viên mà vẫn tiết kiệm được chi phí xăng dầu và hao mòn xe.

3.3 Tiêu thụ nước

SHB sử dụng nước chủ yếu dùng cho hoạt động sinh hoạt của toàn thể cán bộ nhân viên và toà nhà như nước uống, vệ sinh, lau rửa sàn nhà, công cụ lao động,..và nằm trong chi phí thuê toà nhà. Nước thải sinh hoạt được đưa về một nơi tập trung để xử lý theo quy định của Tòa nhà.

3. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Chi phí nước uống cho cán bộ, nhân viên và tiếp khách do SHB chi trả với tinh thần tiết kiệm cao nhất như nước rót vừa đủ uống, sử dụng bình nước nhỏ trong các cuộc họp nội bộ. Với các cuộc họp, tiếp khách bên ngoài, Ngân hàng trang bị các chai nước có dung tích nhỏ để tránh lãng phí.

3.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nguồn chất thải có khả năng gây hại cho môi trường tại SHB chủ yếu là các chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động văn phòng như giấy in hỏng, bìa carton, dụng cụ văn phòng phẩm không còn sử dụng được,... và nguồn chất thải khí chủ yếu đến từ các phương tiện giao thông ra vào, lưu thông qua tòa nhà. Vì vậy, SHB đã bố trí nhân sự phụ trách về môi trường và thực hiện các phương án bảo vệ môi trường.

Công tác vệ sinh môi trường bên ngoài khu làm việc do công ty môi trường thuê ngoài đảm nhiệm (tính trong chi phí thuê tòa nhà) với hoạt động chính:

- Dọn dẹp, lau chùi nền nhà vệ sinh, bồn cầu, sảnh, cầu thang, hành lang, tường nhà, tầng hầm... với tần suất khoảng 1 tiếng một lần để đảm bảo những khu vực này luôn luôn sạch sẽ.
- Trang bị nước rửa tay tại khu vệ sinh để đảm bảo việc khử trùng cho người lao động.
- Đảm bảo việc cấp nước xả bồn cầu và nước rửa tay khu vệ sinh hoạt động tốt.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ phân loại rác thu gom tất cả rác trong thùng ra điểm tập kết rác trước cửa tòa nhà.

Công tác vệ sinh, dọn dẹp bên trong các phòng làm việc do bộ phận hành chính quản trị của ngân hàng đảm nhiệm với các hoạt động chính:

- Dọn dẹp các thùng rác đựng giấy in, tài liệu, bìa carton, bút mực hỏng, vỏ chai nước, vỏ hoa quả... trong các phòng làm việc, phòng họp. Tần suất dọn dẹp khoảng 3 lần/ngày hoặc hơn tùy theo lượng khối lượng rác thải.
- Chăm sóc, cắt tỉa cây cảnh trong các khu, phòng làm việc của tòa nhà đảm bảo tươi xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Tại các tầng hầm, và trước cửa khu nhà làm việc, SHB bố trí nhân viên bảo vệ nhắc nhở, yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi vào cổng tòa nhà để giảm khí thải và tiếng ồn. Hệ thống quạt thông gió tại tầng hầm lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn đảm bảo không khí thông thoáng.

Các kỹ thuật thông tin hiện đại như cầu truyền hình, điện thoại, video được ứng dụng tối đa để tổ chức các cuộc họp nội bộ, phỏng vấn nhân sự trên toàn quốc nhằm giảm thiểu thời gian đi lại cũng như tần suất sử dụng các phương tiện máy bay, tàu xe, góp phần giảm lượng thải khí CO2 ra môi trường.

Bên cạnh đó, mỗi cán bộ ngân hàng luôn nêu cao tinh thần tự giữ gìn, dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ bàn làm việc của chính mình và khu vực xung quanh; Tăng cường trao đổi tài liệu, công văn qua email nội bộ nhằm giảm thiểu lượng giấy in thừa; tái sử dụng các văn phòng phẩm cũ.

Với ý thức chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, trong suốt chặng đường hoạt động, SHB không bị xử phạt vi phạm lần nào liên quan đến vấn đề môi trường.

4. HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Ngoài việc phát triển hoạt động kinh doanh ngân hàng truyền thống, SHB rất quan tâm, coi trọng việc phát triển các hoạt động ngân hàng - tín dụng xanh, hướng đến sự phát triển bền vững.

Nhận thức rõ hệ thống ngân hàng đóng vai trò như một mắt xích trung gian có tác động đến môi trường thông qua hoạt động của khách hàng, SHB đã xanh hóa dòng vốn đầu tư thông qua việc hướng các nguồn lực tài chính vào những lĩnh vực xanh như doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các dự án năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp nông thôn, các dự án thủy điện nhỏ và vừa, sinh khối, xử lý nước thải, rác thải... nhằm tăng dần tỷ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục đầu tư tín dụng, góp phần thúc đẩy khách hàng vay vốn chuyển đổi dự án và mục đích sử dụng vốn vay sang các dự án thân thiện với môi trường:

- Năm 2018, SHB tiếp tục chung tay cùng cả nước phát triển đô thị xanh – thông minh góp phần hiện thực hóa mục tiêu cơ bản của thành phố thông minh là quản lý hiệu quả năng lượng, giảm ô nhiễm, tăng cường an ninh và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho người dân khi chính sách công không thể đáp ứng nhu cầu đầu tư. Một số dự án được SHB tài trợ nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng, quản lý và xử lý rác thải, nước thải, phục vụ việc hình thành nên đô thị thông minh như Dự án Rivera Park Sài Gòn, Khu đô thị mới Phú Cường – Kiên Giang, Tổ hợp dự án du lịch và giải trí CocoBay, Dự án Evergreen Quận 7, TP. Hồ Chí Minh....
- Trong năm, SHB đồng thời nhận được hai khoản vay từ các định chế tài chính lớn của Nga gồm 20 triệu USD kỳ hạn 5 năm từ IIB và 20 triệu EUR theo hợp đồng tín dụng khung với IBEC giúp SHB có thêm nguồn vốn trung và dài hạn tài trợ cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng của Việt Nam, dự án liên quan đến doanh nghiệp vừa và nhỏ, năng lượng xanh.....
- Năm 2018, SHB đã được vinh danh ở hạng mục giải thưởng “Ngân hàng Hỗ trợ Đầu tư Công nghệ cao cho Nông nghiệp sạch 2018” do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) phối hợp với Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG tổ chức. Đây là giải thưởng khích lệ những đóng góp của SHB cho các dự án nông nghiệp công nghệ cao. Theo đó, ngân hàng đã đầu tư dài hạn cho gần 30 dự án nông nghiệp cao của các hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp, nhóm khởi nghiệp... với tổng mức đầu tư lên tới hàng nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, SHB được đánh giá cao ở sự chủ động, tích cực làm việc với các UBND, sở nông nghiệp để tiếp cận và tài trợ cho các dự án tại các địa phương với mức lãi suất cho vay luôn thấp hơn từ 0,5 đến 1,5% so với lãi suất ưu đãi cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn theo quy định. Đồng thời, Ngân hàng liên tục cải tiến quy trình cho vay, đơn giản hóa thủ tục, tăng cường phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của người dân và doanh nghiệp.
- Đồng hành cùng Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030 với mục tiêu đạt tỷ lệ điện năng sản xuất từ các nguồn năng lượng tái tạo (không bao gồm nguồn thủy điện lớn, vừa và thủy điện tích năng) khoảng 7% vào năm 2020 và trên 10% vào năm 2030, SHB cũng đã và đang mạnh tay rót vốn cho các dự án năng lượng sạch/năng lượng tái tạo. Theo đó, SHB được Tạp chí ABF trao giải thưởng “Ngân hàng tài trợ dự án tốt nhất 2018” với việc cho vay lại hai dự án: Dự án “Lưới điện thông minh - Hiệu quả trong truyền tải điện” (giai đoạn 1) trị giá 65 triệu EUR và Dự án “Lưới điện hiệu quả tại các thành phố nhỏ và vừa” (giai đoạn 1 và 2) trị giá 350 triệu EUR do Chính phủ Đức tài trợ thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức.

SHB luôn kiểm soát an toàn, bền vững khi tài trợ các dự án. Các dự án phải đáp ứng được các điều kiện khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Vì vậy, khi đánh giá các dự án, SHB dựa vào bộ công cụ đánh giá rủi ro môi trường xã hội do NHNN phối hợp với IFC ban hành. Theo đó, với việc ra quyết định tín dụng, SHB sẽ thường bổ sung trong hợp đồng

vay vốn: trách nhiệm và cam kết của khách hàng trong việc cải thiện quản lý rủi ro môi trường xã hội, một kế hoạch hành động và thời gian biểu để giảm thiểu rủi ro trước hoặc sau khi giải ngân khoản vay, những hành động của SHB để giới hạn trách nhiệm liên quan tới môi trường xã hội do các giao dịch gây ra. Ngoài ra, SHB hỗ trợ các chủ dự án bằng cách tư vấn an toàn kỹ thuật theo các quy định của nhà tài trợ, hỗ trợ cung cấp chương trình tài chính cacbon, các chương trình đào tạo, bảo lãnh khoản vay... là một số công cụ có thể giúp nâng cao tính khả thi của việc tài trợ cho các lĩnh vực xanh và phát triển bền vững.

Khi ngân hàng tăng cường quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất theo hướng sạch hơn. Từ đó, nâng cao nhận thức của khách hàng về tài chính và dịch vụ ngân hàng, các vấn đề về bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển bền vững. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp, hộ nông thôn mở rộng hoạt động kinh doanh, thúc đẩy phát triển các ngành nông nghiệp, lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng hiệu quả tại Việt Nam. Đồng thời kết nối các doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, xuất khẩu; tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động;





**IX. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG
NGÂN HÀNG VIỆT NAM
NĂM 2018**

IX. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM NĂM 2018

1. Bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước

Kinh tế thế giới tăng trưởng chững lại trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc gia tăng. Thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm hơn dự báo khi Mỹ thay đổi chiến lược chuyển sang đàm phán song phương, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung diễn biến phức tạp và nhiều khả năng còn tiếp tục kéo dài. Lạm phát toàn cầu tăng cao hơn năm 2017 do giá hàng hóa năng lượng tăng, đặc biệt giá dầu bình quân tăng mạnh. Theo OPEC, IMF và WB, giá dầu bình quân của năm 2018 ước khoảng 69 USD/thùng, tăng 30% so với năm 2017. Chính sách tiền tệ thắt chặt tại Mỹ, Châu Âu và Anh do kỳ vọng lạm phát tăng cao. Do đó, tại nhiều nước mới nổi và đang phát triển, các NHTW buộc phải tăng lãi suất, can thiệp vào thị trường tiền tệ nhằm ứng phó với (i) lạm phát cao (ii) đồng nội tệ mất giá mạnh và (iii) rủi ro dòng vốn đảo chiều khi lãi suất tại các nước phát triển tăng.

Kinh tế thế giới năm 2019 được dự báo giảm tốc hoặc nhiều nhất chỉ duy trì được mức tăng như năm 2018. IMF dự báo đạt 3,7% trong khi OECD dự báo tăng trưởng đạt 3,5%. Những rủi ro chủ yếu đối với kinh tế toàn cầu năm 2019 là cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ - Trung Quốc; rủi ro rút vốn và khủng hoảng cơ chế tỷ giá hối đoái tại các nước mới nổi. Xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tiếp tục diễn ra tại các nước phát triển nhưng thận trọng và dè dặt hơn. Tại Mỹ, Fed có thể chỉ tăng lãi suất thêm 1 lần thay vì 3 lần như dự báo. Do đó, đồng USD được dự báo tăng không nhiều thậm chí có tổ chức dự báo giảm.

Ở trong nước, trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới, nhất là chiến tranh thương mại, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế, chúng ta đã theo dõi sát, chủ động có đối sách phù hợp, kết hợp hài hòa các chính sách, tăng khả năng thích ứng của nền kinh tế, tạo môi trường vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế xã hội. Năm 2018, tăng trưởng GDP đạt 7,08%, là mức tăng trưởng cao nhất 10 năm trở lại đây nhờ vào động lực chính là ngành công nghiệp chế biến chế tạo và ngành dịch vụ; nông, lâm thủy sản tăng trưởng tốt. Chỉ số lạm phát (CPI) được kiểm soát ở mức 3,54%. Nhân tố tác động chủ yếu đến lạm phát năm 2018 là thực phẩm và xăng dầu: giá thực phẩm tăng 6,67% so với đầu năm (đóng góp 1,51 điểm%); nhóm giao thông tăng 7,3% so với đầu năm (đóng góp 0,68 điểm%). Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,2 tỷ USD, là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay, cao hơn rất nhiều mức xuất siêu 2,1 tỷ USD của năm 2017.

Tăng trưởng GDP năm 2019 được dự báo có khả năng đạt 7%. Ngoài ra, kinh tế Việt Nam có thể được hỗ trợ bởi các yếu tố quốc tế: (i) hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển sản xuất do tác động của chiến tranh thương mại và (ii) triển vọng từ các hiệp định mới như CPTPP và các các FTAs khác. Lạm phát năm 2019 có thể chịu tác động từ yếu tố giá thực phẩm và chi phí nguyên vật liệu dùng cho sản xuất tăng trong thời gian qua. Tuy nhiên, áp lực khiến CPI tăng mạnh là không nhiều do giá hàng hóa thế giới dự báo chỉ tăng nhẹ. CPI bình quân năm 2019 khoảng 4-5%. Xuất khẩu hàng hóa năm 2019 dự kiến đạt khoảng 256 tỷ USD, tăng khoảng 7-8% so với năm 2018; nhập khẩu hàng hóa dự kiến đạt khoảng 261 tỷ USD, tăng khoảng 10%; nhập siêu khoảng 5 tỷ USD, chiếm dưới 3% tổng kim ngạch xuất khẩu.

2. Hoạt động ngân hàng Việt Nam 2018

Ngân hàng nhà nước tiếp tục thực hiện điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và hoạt động ngân hàng hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Đến cuối năm 2018, tổng tài sản hệ thống TCTD tăng 10,62% so với cuối năm 2017. Tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 12,5% so với cuối năm 2017. Nguồn vốn huy động từ TCKT và dân cư tăng trưởng ổn định, ước tăng 15% so với năm 2017 (năm 2017 tăng 14,6%). Tăng trưởng tín dụng đạt 14%; tốc độ tăng trưởng tín dụng giảm dần (năm 2016 là 18,25%, 2017 là 18,24%) trong khi tốc độ tăng trưởng GDP cải thiện vững chắc, tương ứng là 6,21%; 6,8% và năm 2018 đạt 7,08%; điều này cho thấy tín dụng được sử dụng hiệu quả và được phân bổ phù hợp; tập trung tín dụng vào sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực rủi ro được kiểm soát chặt chẽ. Dự nợ tín dụng vào lĩnh vực bất động sản chiếm khoảng 16,6% tổng tín dụng của toàn hệ thống. Dự nợ cho vay phục vụ đời sống chiếm 18,8% tổng dự nợ của hệ thống TCTD. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn bình quân giảm xuống còn 28,7% (năm 2017: 30,4%). Các NHTM chủ động cơ cấu lại kỳ hạn huy động và cho vay để đáp ứng tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn dưới 40% từ 1/1/2019. Riêng nhóm 4 NHTM lớn có vốn nhà nước chiếm 44% thị phần tài sản, 48% thị phần huy động, và 46% thị phần cho vay toàn hệ thống.

Mặt bằng lãi suất được duy trì ổn định trong bối cảnh lãi suất thị trường quốc tế gia tăng. Theo đó, điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và tiền tệ, tập trung điều tiết và thanh khoản đáp ứng nhu cầu thanh khoản cho TCTD, điều chỉnh giảm lãi suất OMO từ 5%/năm xuống còn 4,75%/năm, góp phần giảm chi phí vốn cho TCTD. Mặt bằng lãi suất cho vay khoảng 6-9%/năm với ngắn hạn, 9-11%/năm với trung và dài hạn.

Công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu được triển khai mạnh mẽ và đạt được kết quả tích cực, theo đúng lộ trình, kế hoạch, đảm bảo ổn định, an toàn, lành mạnh hoạt động của các TCTD. Ước tính đến cuối tháng 12.2018, toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đã xử lý được 149,22 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Trong đó, sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng chiếm 59,8%; thu nợ từ khách hàng chiếm 33,2%; bán phát mại tài sản chiếm 3%, còn lại bằng các hình thức khác. Một số NHTM đã tắt toán toàn bộ nợ xấu đã bán cho VAMC hoặc chủ động mua lại các khoản nợ đã bán cho VAMC để tự xử lý. Tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ so với cuối năm 2017 ở mức 2,4% (năm 2017: 2,5%). Dự phòng rủi ro tín dụng tăng khoảng 30,1% so với cuối năm 2017. Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng so với nợ xấu báo cáo cải thiện lên mức 78,2% (năm 2017: 65,4%). Tỷ giá và thị trường ngoại tệ ổn định, thông suốt, NHNN tiếp tục mua ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối.

Năm 2018, kết quả kinh doanh của các TCTD tăng trưởng khả quan. Lợi nhuận sau thuế ước tăng khoảng 40% so với năm 2017 (năm 2017 tăng 52,3%). Các chỉ tiêu sinh lời tiếp tục được cải thiện, ROA ước đạt 0,9% (năm 2017: 0,73%), ROE ước đạt 13,6% (năm 2017: 11,22%).

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) bình quân của hệ thống TCTD được cải thiện. CAR toàn hệ thống đạt 12,14%, do vốn tự có tăng 12,2%, trong khi tổng tài sản có rủi ro tăng thấp hơn (khoảng 10,8%). Tỷ lệ vốn cấp 1/tổng tài sản có hệ số rủi ro là 8,8% (năm 2017 là 7,8%).

Năm 2019, dự kiến tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16% so với năm 2018; Tín dụng tăng khoảng 14%; Trong năm 2019, NHNN tiếp tục điều hành theo phương châm mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, hiệu quả. NHNN đảm bảo mục tiêu tập trung vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chững lại, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam 2018 đã có những cải thiện tích cực ở cả góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững. Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do có hiệu lực mở ra cơ hội nhưng cũng là áp lực lớn cho nhà nước và doanh nghiệp trong việc tái cơ cấu các thể chế kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi có hiệu lực từ ngày 25/1/2018 đã tác động nhiều đến nhân sự cấp cao ngành ngân hàng. Các yêu cầu từng bước đáp ứng chuẩn mực rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, III và các quy định của NHNN về tuân thủ các tỷ lệ an toàn, thanh khoản, chính sách tín dụng từ Thông tư 36, Thông tư 41,... cũng tác động đến toàn bộ công tác quản trị điều hành trong ngành ngân hàng, đòi hỏi các ngân hàng phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và toàn diện để đáp ứng, cũng như hệ thống quản trị nội bộ phù hợp. (Nguồn: NFSC, GSO, SBV).

X. MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH



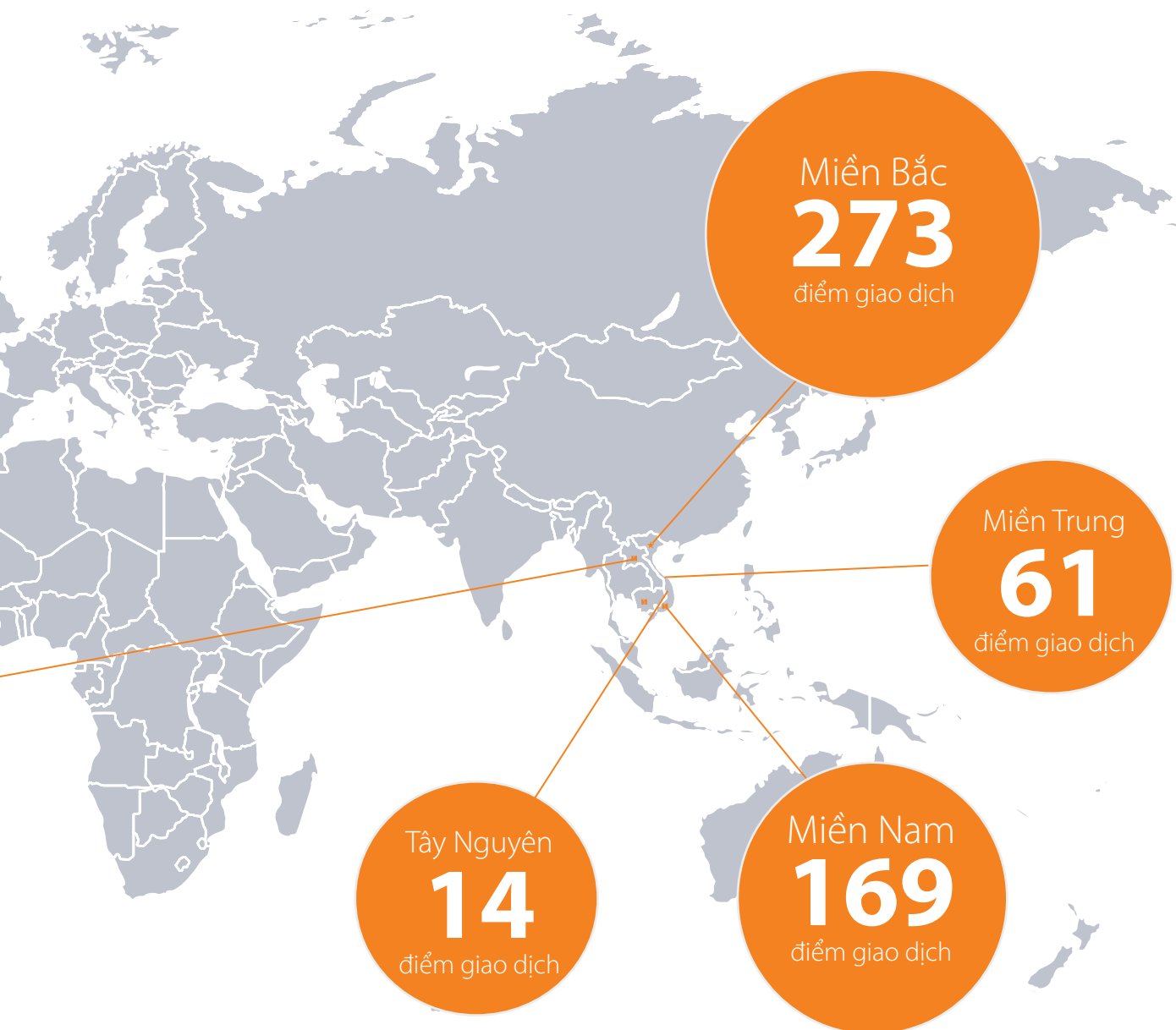
Lào
& Campuchia

08

điểm giao dịch



Tính đến 31/12/2018, SHB có 525 điểm giao dịch. Trong đó



DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH CỦA SHB

(Đến ngày 31/12/2018)

| STT | Tên chi nhánh | Địa chỉ | Điện thoại | Fax |
|-----|---------------------------------------|---|--------------------------------------|-------------------|
| | Trung tâm kinh doanh (Hội sở) | Số 77 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội | (024) 3942 3388 | (024) 3941 0944 |
| 1 | Chi nhánh Hà Nội | Số 49 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | (024) 6256 3666 | (024) 6256 3616 |
| 2 | Chi nhánh Thăng Long | Số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội | (024). 6 276 9189 | (024). 6 279 6167 |
| 3 | Chi nhánh Ba Đình | Số 21 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội | (024) 3 8460 135 | (024) 3 7263 595 |
| 4 | Chi nhánh Hàng Trống | Số 71B Hàng Trống, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | (024) 3 9289 175 | (024) 3 9289 262 |
| 5 | Chi nhánh Hàm Long | Số 67C Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | (024) 3 9432 958 | (024) 3 9432 436 |
| 6 | Chi nhánh Hoàn Kiếm | Số 40 phố Hàng Giấy, phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | (024) 3825 8926 / (024) 3928 3054 | (024) 3825 8745 |
| 7 | Chi nhánh Tây Hà Nội | Căn dịch vụ số 101, Lô C, Khu D5, Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Hà Nội | (024) 6 2690 530 | (024) 6 2690 531 |
| 8 | Chi nhánh Tây Nam Hà Nội | Số 98 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội | (024)3.7552510 | (024) 3 7563 120 |
| 9 | Chi nhánh Vạn Phúc | Số 34 - 36 phố Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. | (024) 3 7262 025 | (024) 3 7262 236 |
| 10 | Chi nhánh Hàn Thuyên | Số 11 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | (024) 3 6248 028 | (024) 3 6248 029 |
| 11 | Chi nhánh Trung Hòa Nhân Chính | Tầng 1, Tòa nhà 17T1, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội | (024) 6 2815 158 | (024) 6 2815 159 |
| 12 | Chi nhánh Hà Đông | Số 16-18, đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. | (024) 3 3516688 | (024) 3 3546 513 |
| 13 | Chi nhánh Lào Cai | Phố Lý Công Uẩn, ngã 6, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | (021) 4389 9696 | (021) 4389 9695 |
| 14 | Chi nhánh Lạng Sơn | Số 133 đường Lê Lợi, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | (0205) 389 8222 | (0205) 389 8212 |
| 15 | Chi nhánh Vinh Phúc | Số 361 đường Mê Linh, phường Liên Bảo, TP. Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc | (0211) 3 710 145 | (0211) 3 710 146 |
| 16 | Chi nhánh Bắc Ninh | Ngã 6, phường Đại Phúc, thành phố. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh | (0222) 3874636 | (0222) 3874959 |
| 17 | Chi nhánh Kinh Bắc | Đường Lý Thái Tổ, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | (0222) 3 743 036 | (0222) 3 742 444 |
| 18 | Chi nhánh SHB Hưng Yên | Đường 196, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | (0221) 3742 688 | (0221) 3742 886 |

| STT | Tên chi nhánh | Địa chỉ | Điện thoại | Fax |
|-----|---------------------------------|---|------------------|------------------|
| 19 | Chi nhánh Quảng Ninh | Số 488 Trần Phú, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. | (0203) 3723 855 | (0203) 3723 866 |
| 20 | Chi nhánh Hải Phòng | Tòa nhà DG Tower, số 15 Trần Phú, phường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng | (0225) 3652 668 | (0225)3652 669 |
| 21 | Chi nhánh Thanh Hóa | Trung tâm thương mại Thanh Hóa số 27 – 29 Đường Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành Phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa | (0237) 3855111 | (0237) 3752555 |
| 22 | Chi nhánh Nghệ An | Chung cư Tecco Tower số 215 đường Lê Lợi, Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An | (0238) 3560388 | (0238)356 0399 |
| 23 | Chi nhánh Huế | Số 28 đường Lý Thường Kiệt, phường Vinh Ninh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế | (0234) 3966688 | (0234) 3944666 |
| 24 | Chi nhánh SHB Đà Nẵng | Số 205-207 Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng | (0236) 3584 599 | (0236) 3655 399 |
| 25 | Chi nhánh Quảng Nam | Số 215 đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | (0235) 3815888 | (0235) 3815777 |
| 26 | Chi nhánh Khánh Hòa | 11 Lý Thánh Tôn, P. Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam | (0258) 3828777 | (058) 3828766 |
| 27 | Chi nhánh Lâm Đồng | 135-145 Phan Đình Phùng, phường 2, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. | (0263) 3512251 | (0263) 3512000 |
| 28 | Chi nhánh Gia Lai | Số 87 Hoàng Văn Thụ, phường Diên Hồng, thành phố TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai | (0269) 3828333 | (0269)3828499 |
| 29 | Chi nhánh TP Hồ Chí Minh | Số 41-43-45 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM. | (028) 3821 1112 | (028) 3823 0204 |
| 30 | Chi nhánh Sài Gòn | Lô H3, Đường Hoàng Diệu, phường 6, quận 4, TP.Hồ Chí Minh | (028) 3 9434 224 | (028) 3 9434 299 |
| 31 | Chi nhánh Phú Nhuận | Số 127 Trần Huy Liệu, phường 12, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh | (028). 3997 1122 | (028). 3997 1133 |
| 32 | Chi nhánh Bình Dương | Số 481, khu 01, phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. | (0274) 3834 101 | (0274) 3834 100 |
| 33 | Chi nhánh Đồng Nai | Số 10-11, đường Nguyễn Ái Quốc, KP 8, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | (0251) 8871 666 | (0251) 8871 670 |
| 34 | Chi nhánh Vũng Tàu | 12G3 Khu Trung Tâm Thương mại, đường Nguyễn Thái Học, phường 7, Tp Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu | (0254) 3577676 | (0254) 3577686 |

| STT | Tên chi nhánh | Địa chỉ | Điện thoại | Fax |
|-----|---|---|--------------------------------------|-------------------|
| 35 | Chi nhánh Bình Phước | Số 77 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội | (024) 3942 3388 | (024) 3941 0944 |
| 36 | Chi nhánh Long An | Số 49 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | (024) 6256 3666 | (024) 6256 3616 |
| 37 | Chi nhánh Cần Thơ | Số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội | (024). 6 276 9189 | (024). 6 279 6167 |
| 38 | Chi nhánh Kiên Giang | Số 21 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội | (024) 3 8460 135 | (024) 3 7263 595 |
| 39 | Chi nhánh An Giang | Số 71B Hàng Trống, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | (024) 3 9289 175 | (024) 3 9289 262 |
| 40 | Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia | Số 67C Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | (024) 3 9432 958 | (024) 3 9432 436 |
| 41 | CN cấp II Toul Kouk | Số 40 phố Hàng Giấy, phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | (024) 3825 8926 / (024) 3928 3054 | (024) 3825 8745 |
| 42 | Chi nhánh cấp II Por Senchey | Căn dịch vụ số 101, Lô C, Khu D5, Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Hà Nội | (024) 6 2690 530 | (024) 6 2690 531 |
| 43 | Chi nhánh cấp II Kampong Thom | Số 98 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội | (024)3.7552510 | (024) 3 7563 120 |
| 44 | Chi nhánh cấp II Nehru | Số 34 - 36 phố Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. | (024) 3 7262 025 | (024) 3 7262 236 |
| 45 | Ngân hàng TNHH Sài Gòn – Hà Nội Lào | Số 11 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | (024) 3 6248 028 | (024) 3 6248 029 |
| 46 | Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào, Chi nhánh Champasak; | Tầng 1, Tòa nhà 17T1, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội | (024) 6 2815 158 | (024) 6 2815 159 |
| 47 | Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào, Chi nhánh Savanakhet; | Số 16-18, đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. | (024) 3 3516688 | (024) 3 3546 513 |
| 48 | Chi nhánh Thái Bình | Phố Lý Công Uẩn, ngã 6, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | (021) 4389 9696 | (021) 4389 9695 |
| 49 | Chi nhánh Sóc Trăng | Số 133 đường Lê Lợi, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | (0205) 389 8222 | (0205) 389 8212 |
| 50 | Chi nhánh Ninh Bình | Số 55 đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình | (0229) 3888 542 | (0229) 3888 543 |

| STT | Tên chi nhánh | Địa chỉ | Điện thoại | Fax |
|-----|------------------------------|--|-------------------|-------------------|
| 51 | Chi nhánh Tuyên Quang | Số 138 đường Nguyễn Trãi, tổ 14, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang | (0207) 3827 579 | (0207) 3827 588 |
| 52 | Chi nhánh Thái Nguyên | Trung tâm thương mại Chợ Minh Cầu, số 2, Đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên. | (0208) 3655 588 | (0208) 3756 866 |
| 53 | Chi nhánh Tiền Giang | Số 210, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. | (0273) 3877 789 | (0273) 3877 669 |
| 54 | Chi nhánh Đồng Tháp | Số 193-195 đường Hùng Vương, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | (0277) 353 4488 | (0277) 353 8788 |
| 55 | Chi nhánh Cà Mau | Số 132A, đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau | (0290) 3582592 | (0290) 3582593 |
| 56 | Chi nhánh Quảng Ngãi | Số 252-254-256 Đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi | (0255) 3739777 | (0255) 3739775 |
| 57 | Chi nhánh Hà Nam | PG1 – 05, PG1 – 06 Vincom Shophouse Phủ Lý, Đường Biên Hòa, Phường Minh Khai, Thành Phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam | (0226) 2460909 | (0226) 2460011 |
| 58 | Chi nhánh Hà Tĩnh | Số 52 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh | (0239) 373766 | (0239) 3668877 |
| 59 | Chi nhánh Bình Định | 85 Mai Xuân Thưởng, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định | (0256) 3636688 | |
| 60 | Chi nhánh Đắk Lắk | 18A Nguyễn Tất Thành, Phường Tự An, TP BMT, tỉnh Đắk Lắk | (0262) 369 7979 | (0262) 357 6879 |
| 61 | Chi nhánh Tây Ninh | Số 409 đường 30 tháng 04, khu phố 1, phường 1, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. | (0276) 3898 999 | (0276) 3898 988 |
| 62 | Chi nhánh Sơn La | Số 375, đường Chu Văn Thịnh, Phường Chiềng Lẻ, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La | (0212) 3 856 666 | (0212) 3 830 888 |
| 63 | Chi nhánh Nam Định | Ba lô hợp khối là lô CL14- 24,25,26 đường Trần Phú, TP Nam Định, tỉnh Nam Định | (0228) 3898999 | (0228) 3898998 |
| 64 | Chi nhánh Hải Dương | Số 1 đường Thống Nhất, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương | (0220) 3830688 | (0220) 3860979 |
| 65 | Chi nhánh Bình Thuận | Số 187 – 189 Tôn Đức Thắng, Khu phố 7, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận | (84-252) 3523 888 | (84-252) 3523 999 |
| 66 | Chi nhánh Vĩnh Long | PG 01-05, PG 01-06 khu nhà phố Shop-house Vincom Vĩnh Long, đường Phạm Thái Bường, phường 4, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long | | |



X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Với tôn chỉ hoạt động “Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp” và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới, SHB cam kết sẽ mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 110 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 113 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 114 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 116 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 121 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 123 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 126 |

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Hoạt động số 0041/NH-GP ngày 13 tháng 11 năm 1993
Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1800278630 ngày 17 tháng 6 năm 2013
 Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 16 tháng 5 năm 2018.

| | | |
|--------------------------|---------------------|--------------------|
| Hội đồng Quản trị | Ông Đỗ Quang Hiến | Chủ tịch |
| | Ông Võ Đức Tiến | Phó Chủ tịch |
| | Ông Nguyễn Văn Lê | Thành viên |
| | Ông Thái Quốc Minh | Thành viên |
| | Ông Đỗ Quang Huy | Thành viên |
| | Ông Phạm Công Đoàn | Thành viên |
| | Ông Trịnh Thanh Hải | Thành viên độc lập |

| | | |
|----------------------|-----------------------|------------|
| Ban Kiểm soát | Ông Phạm Hòa Bình | Trưởng ban |
| | Bà Nguyễn Thị Hoạ | Phó ban |
| | Ông Nguyễn Hữu Đức | Thành viên |
| | Bà Phạm Thị Bích Hồng | Thành viên |
| | Bà Lê Thanh Cẩm | Thành viên |

**Ban Tổng Giám đốc
và Kế toán trưởng**

| | |
|------------------------|---|
| Ông Nguyễn Văn Lê | Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Đăng Khoa | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Huy Tài | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Ngô Thu Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Ninh Thị Lan Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Đặng Tố Loan | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Nhật Nam | Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/1/2019) |
| Bà Hoàng Thị Mai Thảo | Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/1/2019) |
| Bà Ngô Thị Vân | Kế toán trưởng |

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Nguyễn Văn Lê Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 77 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “SHB”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày từ trang 2 đến trang 82 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của SHB tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SHB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cuối năm; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng SHB sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “SHB”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 82.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4(c) của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tổn động tài chính thực hiện theo Đề án "Sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội 2016 - 2020" ("Đề án"). Đối với các khoản tổn động tài chính, chủ yếu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("HBB"), Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cho phép áp dụng các chính sách kế toán riêng trên cơ sở các giải pháp xử lý tài chính kiến nghị trong Đề án chỉnh sửa, bổ sung đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt ngày 8 tháng 11 năm 2016. Đối với các khoản tổn động tài chính này, Ngân hàng được phép phân bổ dự phòng rủi ro theo lộ trình được xác định trong Đề án.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của SHB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Trong báo cáo kiểm toán ngày 6 tháng 4 năm 2018, công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính đó và có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến các chính sách riêng áp dụng cho các khoản tổn động tài chính.



Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00064-19-2

Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0861-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | | Thuyết minh | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|-------------|--|----------------|-------------------------|-------------------------|
| A | TÀI SẢN | | | |
| I | Tiền mặt và vàng | 5 | 1.884.822 | 1.446.548 |
| II | Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 6 | 4.328.739 | 3.742.659 |
| III | Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | 7 | 29.300.327 | 33.513.516 |
| 1 | Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | | 29.300.327 | 27.859.510 |
| 2 | Cho vay các tổ chức tín dụng khác | | - | 5.654.006 |
| IV | Chứng khoán kinh doanh | 8 | 655 | 1.050 |
| 1 | Chứng khoán kinh doanh | | 3.889 | 3.889 |
| 2 | Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh | | (3.234) | (2.839) |
| V | Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 9 | 58.228 | 136.265 |
| VI | Cho vay khách hàng | | 213.986.652 | 195.441.551 |
| 1 | Cho vay khách hàng | 10 | 216.988.881 | 198.290.566 |
| 2 | Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 11 | (3.002.229) | (2.849.015) |
| VIII | Chứng khoán đầu tư | | 48.026.925 | 21.207.964 |
| 1 | Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 12 | 25.193.006 | 12.268.348 |
| 2 | Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 12 | 24.761.139 | 10.682.862 |
| 3 | Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | 13 | (1.927.220) | (1.743.246) |
| IX | Góp vốn, đầu tư dài hạn | 14 | 195.767 | 215.465 |
| 4 | Đầu tư dài hạn khác | | 201.750 | 227.250 |
| 5 | Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | | (5.983) | (11.785) |

| | | Thuyết minh | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---------------------|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| X | Tài sản cố định | | 4.792.434 | 3.952.317 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 15 | 485.674 | 425.424 |
| <i>a</i> | <i>Nguyên giá</i> | | <i>1.140.635</i> | <i>1.011.431</i> |
| <i>b</i> | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | | <i>(654.961)</i> | <i>(586.007)</i> |
| 3 | Tài sản cố định vô hình | 16 | 4.306.760 | 3.526.893 |
| <i>a</i> | <i>Nguyên giá</i> | | <i>4.544.660</i> | <i>3.738.489</i> |
| <i>b</i> | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | | <i>(237.900)</i> | <i>(211.596)</i> |
| XII | Tài sản Có khác | 17 | 20.701.459 | 26.352.746 |
| 1 | Các khoản phải thu | | 7.980.896 | 13.411.455 |
| 2 | Các khoản lãi, phí phải thu | | 9.117.746 | 7.955.903 |
| 4 | Tài sản Có khác | | 4.256.033 | 5.395.762 |
| 5 | Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | | (653.216) | (410.374) |
| TỔNG TÀI SẢN | | | 323.276.008 | 286.010.081 |

| | Thuyết minh | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|------------|--|-------------------------|-------------------------|
| B | NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| | NỢ PHẢI TRẢ | | |
| I | Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | 18 | 12.211.237 |
| II | Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 19 | 44.933.789 |
| 1 | Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác | | 31.352.183 |
| 2 | Vay các tổ chức tín dụng khác | | 13.581.606 |
| III | Tiền gửi của khách hàng | 20 | 225.224.141 |
| V | Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro | 21 | 1.473.711 |
| VI | Phát hành giấy tờ có giá | 22 | 16.721.736 |
| VII | Các khoản nợ khác | 23 | 6.378.862 |
| 1 | Các khoản lãi, phí phải trả | | 5.294.909 |
| 3 | Các khoản phải trả và công nợ khác | | 1.083.953 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | 306.943.476 | 271.318.861 |
| | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |

| | | Thuyết minh | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| VIII | Vốn và các quỹ | 24 | 16.332.532 | 14.691.220 |
| 1 | Vốn | | 12.132.617 | 11.293.347 |
| <i>a</i> | <i>Vốn điều lệ</i> | | 12.036.161 | 11.196.891 |
| <i>c</i> | <i>Thặng dư vốn cổ phần</i> | | 101.716 | 101.716 |
| <i>d</i> | <i>Cổ phiếu quỹ</i> | | (5.260) | (5.260) |
| 2 | Các quỹ của tổ chức tín dụng | | 1.467.001 | 1.220.358 |
| 3 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | (5.891) | - |
| 5 | Lợi nhuận chưa phân phối | | 2.738.805 | 2.177.515 |
| TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | 16.332.532 | 14.691.220 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | 323.276.008 | 286.010.081 |

| | Thuyết minh | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|---------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | |
| I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN | | | |
| 1 | Bảo lãnh vay vốn | 16.208 | 179.955 |
| 2 | Cam kết giao dịch hối đoái | 32.202.971 | 51.133.948 |
| | <i>Cam kết mua ngoại tệ có kỳ hạn</i> | <i>849.418</i> | <i>1.339.602</i> |
| | <i>Cam kết bán ngoại tệ có kỳ hạn</i> | <i>185.521</i> | <i>1.739.760</i> |
| | <i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i> | <i>31.168.032</i> | <i>48.054.586</i> |
| 4 | Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 14.117.545 | 14.695.470 |
| 5 | Bảo lãnh khác | 49.465.228 | 23.117.644 |

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Liên
Trưởng phòng kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát



Ngô Thị Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ngô Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Thuyết minh | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND (Phân loại lại) |
|-------------|---|--------------------|--------------------------------------|
| 1 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 22.641.366 | 18.220.214 |
| 2 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự | (17.085.464) | (13.423.554) |
| I | Thu nhập lãi thuần | 26 | 4.796.660 |
| 3 | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 822.989 | 1.526.170 |
| 4 | Chi phí hoạt động dịch vụ | (109.047) | (69.305) |
| II | Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 27 | 1.456.865 |
| III | Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 28 | 54.247 |
| IV | Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | (5.188) |
| V | Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 29 | 1.050 |
| 5 | Thu nhập từ hoạt động khác | 251.134 | 359.978 |
| 6 | Chi phí hoạt động khác | (121.073) | (222.486) |
| VI | Lãi thuần từ hoạt động khác | 30 | 137.492 |
| VII | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 2.202 | 2.816 |
| VIII | Chi phí hoạt động | 31 | (3.222.791) |
| IX | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 3.518.944 | 3.814.084 |
| X | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (1.425.091) | (1.888.773) |

| | Thuyết minh | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND (Phân loại lại) |
|-------------|---|-------------------|--------------------------------------|
| XI | Tổng lợi nhuận trước thuế | 2.093.853 | 1.925.311 |
| 7 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | (421.534) | (386.183) |
| XII | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | (421.534) | (386.183) |
| XIII | Lợi nhuận sau thuế | 1.672.319 | 1.539.128 |
| | "Phân bổ: Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng" | 1.672.319 | 1.539.128 |
| XV | "Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (điều chỉnh lại)" | 1.390 | 1.279 |

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Liên
Trưởng phòng kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát



Ngô Thị Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ngô Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (phương pháp trực tiếp)

| | | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|--|--|-------------------|-------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1 | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | 21.461.219 | 18.142.807 |
| 2 | Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | (15.883.738) | (12.551.520) |
| 3 | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | 703.875 | 1.465.529 |
| 4 | Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán | 338.600 | 412.890 |
| 5 | Thu nhập khác | 68.722 | 155.853 |
| 6 | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro | 61.339 | 16.912 |
| 7 | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý | (3.122.638) | (2.771.257) |
| 8 | Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm | (377.831) | (268.304) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ NỢ HOẠT ĐỘNG | | 3.249.548 | 4.602.910 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | | |
| 9 | Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | 5.106.549 | 2.155.857 |
| 10 | Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán | (27.002.935) | (3.009.463) |
| 11 | Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 78.037 | (91.687) |

| | | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|--|--|-------------------|-------------------|
| 12 | Tăng các khoản cho vay khách hàng | (18.698.315) | (35.914.379) |
| 13 | Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất | (731.038) | (236.877) |
| 14 | Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động | 5.672.935 | (10.156.232) |
| Những thay đổi về nợ hoạt động | | | |
| 15 | Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN | 9.452.894 | 185.923 |
| 16 | (Giảm)/tăng tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác | (8.066.630) | 19.690.987 |
| 17 | Tăng tiền gửi của khách hàng | 30.334.371 | 28.313.552 |
| 18 | Tăng phát hành giấy tờ có giá | 1.754.467 | 1.199.594 |
| 19 | Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro | 409.55 | 255.274 |
| 21 | Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động | 514.213 | (363.487) |
| I | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 2.073.646 | 6.631.972 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1 | Mua sắm tài sản cố định | (172.681) | (117.245) |
| 2 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 1.762 | 187.214 |
| 7 | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | - | (12.857) |
| 8 | Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | 13.363 | 15.000 |
| 9 | Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 2.202 | 2.816 |
| II | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | (155.354) | 74.928 |

| | | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|---|---|-------------------|-------------------|
| HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 4 | Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia | (578) | (330) |
| III | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | (578) | (330) |
| IV | LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM | 1.917.714 | 6.706.570 |
| V | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM | 33.048.717 | 26.342.147 |
| VII | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 34) | 34.966.431 | 33.048.717 |

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Liên
Trưởng phòng kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát



Ngô Thị Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ngô Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội ("Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0041/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 13 tháng 11 năm 1993 với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhơn Ái. Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội theo Quyết định số 1764/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNNVN ngày 11 tháng 9 năm 2009. Ngân hàng đã sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội ("HBB") và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel ("VVF") tương ứng vào các năm 2012 và 2017 theo đề án tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng ở Việt Nam.

Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800278630 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, được điều chỉnh lần thứ 26 vào ngày 16 tháng 5 năm 2018.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

b) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 77 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi tám (58) chi nhánh, một trăm chín mươi sáu (196) phòng giao dịch (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1 Hội sở chính, 53 chi nhánh và 179 phòng giao dịch).

c) Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có bốn (4) công ty con như sau (31 tháng 12 năm 2017: bốn (4) công ty con):

| Tên công ty | Lĩnh vực hoạt động | Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng |
|---|---------------------------------|----------------------------|
| Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHB AMC") | Quản lý nợ và khai thác tài sản | 100% |
| Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHB FC") | Tài chính/Ngân hàng | 100% |
| Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Lào ("SHB Lào") | Tài chính/ Ngân hàng | 100% |
| Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Campuchia ("SHB Campuchia") | Tài chính/ Ngân hàng | 100% |

d) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, SHB có 7.546 nhân viên (31/12/2017: 6.186 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của SHB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của SHB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của SHB là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), và được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("triệu VND").

3. ÁP DỤNG CÁC HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Thông tư số 22/2017/TT-NHNN

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ("Thông tư 22") sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thông tư 22 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2018.

Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của SHB liên quan đến việc áp dụng Thông tư 22 được trình bày trong Thuyết minh 4(b). Bên cạnh đó, cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có một số thay đổi theo mẫu biểu mới của Thông tư 22.

Thông tư số 16/2018/TT-BTC

Ngày 7 tháng 2 năm 2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 16/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2018 hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 16"). Thông tư 16 có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 3 năm 2018 và thay thế Thông tư 05/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 9 tháng 1 năm 2013.

Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Ngân hàng liên quan đến việc áp dụng Thông tư 16 và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày trong Thuyết minh 4(v).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được SHB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của SHB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ SHB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được SHB áp dụng.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 4 năm 2018

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Từ ngày 1 tháng 4 năm 2018

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Việc thay đổi chính sách kế toán nêu trên được áp dụng phi hồi tố và không có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của SHB.

(c) Chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tổn động tài chính thực hiện theo Đề án Sáp nhập HBB vào SHB 2016 - 2020

Đối với các khoản tổn động tài chính, chủ yếu từ HBB, Ngân hàng đã được NHNNVN cho phép áp dụng các chính sách kế toán riêng trên cơ sở các giải pháp xử lý tài chính kiến nghị trong Đề án Sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016 - 2020 ("Đề án"). Các khoản tổn động này bao gồm:

- các khoản dư nợ cho vay tổn động của HBB (Thuyết minh 4(j) và 11); và
- trái phiếu của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") (Thuyết minh 4(g)(v) và 13(ii));

- các khoản góp vốn, mua cổ phần kém hiệu quả của HBB (Thuyết minh 4(h), 14(ii));
- các khoản phải thu khó đòi từ các khoản ủy thác đầu tư của HBB (Thuyết minh 4(n) và 17(ii)).

Đối với cả khoản tổn động tài chính này, cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2024, Ngân hàng ghi nhận một khoản dự phòng rủi ro với giá trị ít nhất bằng với giá trị được xác định tại Công văn số 856/NHNN-TTGSNHNN.m ngày 8 tháng 11 năm 2016 (“Công văn 856”) về việc phê duyệt Đề án.

Ngoài ra, đối với các khoản dư nợ thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (“Vinashin”) (được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - “SBIC”), một số công ty thành viên thuộc SBIC và các đơn vị trước đây thuộc SBIC đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (“Vinalines”), bao gồm các khoản dư nợ đã được hoán đổi (Thuyết minh 4(j) và Thuyết minh 11(i)) và các khoản dư nợ chưa được hoán đổi (Thuyết minh 4(n) và Thuyết minh 17(ii)), theo Công văn 856, dự phòng trích lập cho các khoản nợ này được phân bổ trong vòng 10 năm, từ năm 2014 đến năm 2024, theo chấp thuận tại Công văn số 559/NHNN-TTGSNHNN ngày 17 tháng 10 năm 2014.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(e) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”) có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, SHB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại thuyết minh 4(j).

Theo Thông tư 02, SHB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(f) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ chưa niêm yết được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

SHB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày SHB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch).

(ii) Đo lường

Chứng khoán nợ kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập theo quy định của Thông tư 02 và 09 như trình bày tại Thuyết minh 4(j).

Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ kinh doanh sau ngày mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi SHB mua chứng khoán nợ kinh doanh sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(iii) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SHB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(g) Chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại

Tại thời điểm mua, chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán sẵn sàng để bán. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, SHB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà SHB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

(ii) Ghi nhận

SHB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày SHB nhận phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu chứng khoán này. Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

(iii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường với lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được tính theo giá đóng cửa tại Sở

Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") được xác định là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung ("OTC") được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá từ ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán, bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro của các trái phiếu này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 4(j). SHB không phải trích lập dự phòng chung cho các khoản mua giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam phát hành.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi SHB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SHB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(v) Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của

khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàng ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, Ngân hàng trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC (“Thông tư 19”) và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19 (“Thông tư 14”). Theo đó, dự phòng cụ thể cho các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành được tính và trích lập theo nguyên tắc phân bổ đều hàng năm sao cho đến khi trái phiếu đặc biệt đáo hạn. Việc lập dự phòng được thực hiện mỗi năm trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày mỗi trái phiếu đặc biệt đến hạn theo công thức như sau:

$$X_{(m)} = Y/n \times m - (Z_m + X_{(m-1)})$$

Trong đó

$X_{(m)}$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m;

$X_{(m-1)}$ là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ m-1;

Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;

n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);

m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;

Z_m là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m).

Trường hợp $(Z_m + X_{(m-1)}) \geq Y/n \times m$ thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể $X_{(m)}$ được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”.

Theo quy định tại Thông tư 19 và Thông tư 14, Ngân hàng không trích lập dự phòng chung cho các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Tại ngày trái phiếu được tắt toán, các khoản lãi phải phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ các khoản nợ được hạch toán vào khoản mục “Thu nhập từ hoạt động khác”.

Áp dụng chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tồn đọng tài chính thực hiện theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 4(c), đối với một số trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2024, Ngân hàng ghi nhận một khoản dự phòng rủi ro với giá trị ít nhất bằng với giá trị được xác định tại Công văn 856 về việc phê duyệt Đề án.

(h) Góp vốn, đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và SHB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế mà SHB đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của SHB tại đơn vị đó. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Áp dụng Chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tổn động tài chính thực hiện theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 4(c), các khoản góp vốn, mua cổ phần kém hiệu quả của HBB, cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2024, Ngân hàng ghi nhận một khoản dự phòng rủi ro với giá trị ít nhất bằng với giá trị được xác định tại Công văn 856 về việc phê duyệt Đề án.

(i) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo theo hợp đồng của SHB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi SHB chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), SHB tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày tại Thuyết minh 4(j).

(j) Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

(i) Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ"), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Ngoại trừ các khoản cho vay SBIC, một số công ty thành viên thuộc SBIC, các đơn vị trước đây thuộc SBIC đã chuyển sang PVN, Vinalines và các khoản dư nợ cho vay tồn đọng của HBB, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng tương ứng đối với khoản nợ vay gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 3 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được chiết khấu. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

| Nhóm | Tình trạng quá hạn | Tỷ lệ dự phòng |
|----------------------|--|----------------|
| 1 Nợ đủ tiêu chuẩn | (a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn. | 0% |
| 2 Nợ cần chú ý | (a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu. | 5% |
| 3 Nợ dưới tiêu chuẩn | (a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • <i>Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</i> • <i>Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</i> • <i>Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.</i> (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra. | 20% |
| 4 Nợ nghi ngờ | (a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được. | 50% |

| Nhóm | Tình trạng quá hạn | Tỷ lệ dự phòng |
|-----------------------------|---|----------------|
| 5 Nợ có khả năng mất vốn | (a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản. | 100% |

Từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 đến trước ngày 1 tháng 4 năm 2015, theo Điều 10, khoản 3a của Thông tư 02, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- *Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;*
 - *Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;*
 - *Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;*
 - *Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;*
- SHB đáp ứng được các quy định của NHNNVN về các giới hạn tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, SHB có thể thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay như đã được phân loại hiện tại. Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 02 có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2015.

Giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư 02, cụ thể như sau:

- *Tài sản đảm bảo có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của SHB, các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng và tài sản đảm bảo có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá.*

• Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của SHB.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

| Loại tài sản bảo đảm | Tỷ lệ khấu trừ tối đa |
|--|-----------------------|
| Vàng miếng, không bao gồm vàng miếng không có giá niêm yết, tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ | 95% |
| Trái phiếu chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do SHB phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: | |
| • Có thời hạn còn lại dưới 1 năm | 95% |
| • Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm | 85% |
| • Có thời hạn còn lại trên 5 năm | 80% |
| Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán | 70% |
| Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán | 65% |
| Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành | 30% |
| Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành | 10% |
| Bất động sản | 50% |
| Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác | 30% |

Tài sản đảm bảo nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

SHB thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến 4 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và

được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. SHB thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như các khoản cho vay này được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Áp dụng chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tổn động tài chính thực hiện theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán riêng theo Đề án nêu tại Thuyết minh 4(c), đối với các khoản cho vay SBIC, một số công ty thành viên thuộc SBIC, các đơn vị trước đây thuộc SBIC đã chuyển sang PVN, Vinalines, Ngân hàng phân bổ dự phòng trích lập cho các khoản cho vay này trong vòng 10 năm, từ năm 2014 đến năm 2024. Đối với các khoản cho vay tổn động của HBB, cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2024, Ngân hàng ghi nhận một khoản dự phòng rủi ro với giá trị ít nhất bằng với giá trị được xác định tại Công văn 856 về việc phê duyệt Đề án.

(iii) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(iv) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi SHB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(j).

(k) Các công cụ tài chính phái sinh

Các hợp đồng ngoại hối

SHB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của SHB.

Các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi hoặc lỗ từ hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự như đối với các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

(l) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|-------------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 3 - 5 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 7 năm |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 4 - 7 năm |

(m) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 8 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất*Quyền sử dụng đất có thời hạn*

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 30 - 46 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản vô hình khác được khấu hao trong vòng từ 4 đến 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

(n) Các tài sản có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Ngoại trừ các khoản phải thu khó đòi từ các khoản ủy thác đầu tư của HBB và các khoản phải thu từ hoán đổi nợ SBIC, SHB xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí dự phòng rủi ro" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được xác định theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư 89 như sau:

| Thời gian quá hạn | Mức trích dự phòng |
|--|--------------------|
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Từ ba (03) năm trở lên | 100% |

Áp dụng chính sách kế toán riêng về ghi nhận dự phòng cho các khoản tổn động tài chính thực hiện theo Đề án

Áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 4(c), đối với khoản phải thu từ hoán đổi nợ SBIC, Ngân hàng phân bổ dự phòng cho khoản phải thu này trong vòng 10 năm. Đối với các khoản phải thu khó đòi từ các khoản ủy thác đầu tư của HBB, cho mỗi năm từ năm 2016 đến năm 2024, Ngân hàng ghi nhận một khoản dự phòng rủi ro với giá trị ít nhất bằng với giá trị được xác định tại Công văn 856 về việc phê duyệt Đề án.

(o) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng, ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở Thuyết minh 4(e), 4(f), 4(g), 4(h) và 4(j) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, SHB có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo nguyên giá.

(q) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(r) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(s) Vốn cổ phần**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu.

(t) Các quỹ dự trữ**(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng và SHB FC**

Theo Nghị định số 93/2012/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2012 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng ("Nghị định 93"), Ngân hàng và SHB FC phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

| | Tỷ lệ trích lập hàng năm | Số dư tối đa |
|--------------------------------|--------------------------|------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần | 5% lợi nhuận sau thuế | 100% vốn cổ phần |
| Quỹ dự phòng tài chính | 10% lợi nhuận sau thuế | Không quy định |

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) SHBAMC

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được SHB AMC thực hiện tương tự như Ngân hàng. Các quỹ dự trữ và các quỹ vốn chủ sở hữu sẽ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào cuối năm.

(iii) SHB Lào

Theo Luật Doanh nghiệp sửa đổi sửa đổi Số 46/NA ngày 26 tháng 12 năm 2013, SHB Lào phải trích lập các quỹ bắt buộc theo tỷ lệ sau:

| | Tỷ lệ trích lập hàng năm | Số dư tối đa |
|---|----------------------------------|-----------------|
| Quỹ dự trữ theo luật định | 10% lợi nhuận sau thuế | 50% vốn đăng ký |
| Quỹ phát triển kinh doanh và các quỹ khác | Theo quyết định của Ban Giám đốc | Không giới hạn |

(iv) SHB Campuchia

Không có quy định về trích lập các quỹ bắt buộc.

(u) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của SHB.

(v) Doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Trước ngày 26 tháng 3 năm 2018

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(j) được ghi nhận khi SHB thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(j) thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

Từ ngày 26 tháng 3 năm 2018

SHB đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 16. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(j) và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước được ghi nhận khi SHB thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(j) hoặc được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

Việc thay đổi chính sách kế toán nêu trên được áp dụng phi hồi tố và không có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của SHB.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của SHB được xác lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, SHB chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(w) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(x) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(y) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(z) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(aa) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của SHB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi SHB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(bb) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào SHB cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. SHB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(cc) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

SHB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của SHB chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(dd) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của SHB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của SHB là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(ee) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của SHB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi SHB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

(ff) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào SHB cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. SHB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

5. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Tiền mặt bằng VND | 950.382 | 886.482 |
| Tiền mặt bằng ngoại tệ | 934.021 | 557.448 |
| Vàng tiền tệ | 419 | 2.618 |
| | 1.884.822 | 1.446.548 |

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHNNVN | 3.187.202 | 2.970.959 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào | 248.236 | 48.354 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia | 893.301 | 723.346 |
| | 4.328.739 | 3.742.659 |

(i) Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thừa nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

| Loại tiền gửi | Tỷ lệ dự trữ bắt buộc | |
|---|-----------------------|------------|
| | 31/12/2018 | 31/12/2017 |
| Số dư bình quân tháng trước của: | | |
| Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn dưới 12 tháng | 8,00% | 8,00% |
| Tiền gửi bằng ngoại tệ khác VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên | 6,00% | 6,00% |
| Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng | 3,00% | 3,00% |
| Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên | 1,00% | 1,00% |

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Kip Lào ("LAK") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập Công ty con của SHB tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

| Loại tiền gửi | Tỷ lệ dự trữ bắt buộc | |
|---|-----------------------|------------|
| | 31/12/2018 | 31/12/2017 |
| Tiền gửi bằng ngoại tệ khác LAK có thời hạn dưới 12 tháng | 10,00% | 10,00% |
| Tiền gửi bằng ngoại tệ khác LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên | 0,00% | 0,00% |
| Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng | 5,00% | 5,00% |
| Tiền gửi bằng LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên | 0,00% | 0,00% |

Các khoản tiền gửi ký quỹ tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

(iii) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Campuchia Riels (“KHR”) và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập công ty con của SHB tại nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

| Loại tiền gửi | Tỷ lệ dự trữ bắt buộc | |
|---------------------------------|-----------------------|------------|
| | 31/12/2018 | 31/12/2017 |
| Tiền gửi bằng ngoại tệ khác KHR | 12,50% | 12,50% |
| Tiền gửi bằng KHR | 8,00% | 8,00% |

Khoản dự trữ 8,00% bằng KHR không được hưởng lãi suất. Khoản dự trữ 12,50% bằng ngoại tệ, trong đó, khoản dự trữ 8,00% không được hưởng lãi suất và 4,50% còn lại được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Ngân hàng Quốc gia Campuchia quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn | | |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND | 24.091.166 | 19.799.397 |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 617.158 | 1.012.680 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND | 3.348.000 | 3.130.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ | 1.244.003 | 3.917.433 |
| | 29.300.327 | 27.859.510 |
| Cho vay các tổ chức tín dụng khác | | |
| Bằng VND | - | 5.654.006 |
| | 29.300.327 | 33.513.516 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác thuộc Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn.

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành | 3.889 | 3.889 |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (i) | (3.234) | (2.839) |
| | 655 | 1.050 |

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu năm | 2.839 | 24.483 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm | 395 | (21.644) |
| Số dư cuối năm | 3.234 | 2.839 |

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/ (NỢ PHẢI TRẢ) TÀI CHÍNH KHÁC

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày cuối năm như sau:

| | Tổng giá trị của hợp đồng <i>(theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)</i> Triệu VND | Tổng giá trị ghi sổ kế toán <i>(theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)</i> | | |
|--------------------------------------|--|--|--------------------------|----------------------------|
| | | Tài sản Triệu VND | Nợ phải trả Triệu VND | Giá trị thuần Triệu VND |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | | | | |
| Giao dịch kỳ hạn tiền tệ | 1.034.938 | 49.554 | (33.929) | 15.625 |
| Giao dịch hoán đổi tiền tệ | 15.656.269 | 235.958 | (193.355) | 42.603 |
| | 16.691.207 | 285.512 | (227.284) | 58.228 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | | |
| Giao dịch kỳ hạn tiền tệ | 3.079.362 | 31.290 | (28.974) | 2.316 |
| Giao dịch hoán đổi tiền tệ | 24.267.643 | 604.182 | (470.233) | 133.949 |
| | 27.347.005 | 635.472 | (499.207) | 136.265 |

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|--------------------------------|--------------------------------|
| Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân | 214.800.971 | 196.082.946 |
| Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư | 2.135.359 | 2.164.713 |
| Các khoản trả thay khách hàng | 51.221 | 35.359 |
| Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá | 1.330 | 7.548 |
| | 216.988.881 | 198.290.566 |

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn | 207.091.422 | 190.368.695 |
| Nhóm 2 - Nợ cần chú ý | 4.698.654 | 3.298.174 |
| Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn | 339.729 | 669.686 |
| Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ | 920.954 | 1.088.771 |
| Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn | 3.938.122 | 2.865.240 |
| | 216.988.881 | 198.290.566 |

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--------------|-------------------------|-------------------------|
| Nợ ngắn hạn | 88.719.288 | 83.106.717 |
| Nợ trung hạn | 58.634.979 | 53.433.957 |
| Nợ dài hạn | 69.634.614 | 61.749.892 |
| | 216.988.881 | 198.290.566 |

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

| | 31/12/2018 Triệu VND | % | 31/12/2017 Triệu VND | % |
|---|-------------------------|---------------|-------------------------|---------------|
| Cho vay các tổ chức kinh tế | | | | |
| Công ty nhà nước | 18.624.232 | 8,58 | 21.144.378 | 10,66 |
| Công ty TNHH khác | 36.912.609 | 17,01 | 35.056.234 | 17,68 |
| Công ty cổ phần có hơn 50% vốn Nhà nước (Nhà nước chiếm cổ phần chi phối) | 13.093.719 | 6,03 | 16.986.532 | 8,57 |
| Công ty cổ phần khác | 88.514.778 | 40,79 | 80.842.480 | 40,77 |
| Công ty hợp danh | 99.079 | 0,05 | 8.321 | 0,00 |
| Doanh nghiệp tư nhân | 3.614.431 | 1,67 | 2.527.685 | 1,27 |
| Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 462.659 | 0,21 | 499.434 | 0,25 |
| Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã | 49.403 | 0,02 | 66.194 | 0,03 |
| Cho vay cá nhân | | | | |
| Hộ kinh doanh, cá nhân | 53.724.350 | 24,77 | 38.821.106 | 19,58 |
| Cho vay khác | | | | |
| Thành phần kinh tế khác | 1.893.621 | 0,87 | 2.338.202 | 1,19 |
| | 216.988.881 | 100,00 | 198.290.566 | 100,00 |

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

| | 31/12/2018 Triệu VND | % | 31/12/2017 Triệu VND | % |
|--|-------------------------|---------------|-------------------------|---------------|
| Nông lâm nghiệp, thủy sản | 38.463.768 | 17,73 | 43.249.519 | 21,81 |
| Khai khoáng | 4.493.748 | 2,07 | 7.659.777 | 3,86 |
| Công nghiệp chế biến, chế tạo | 29.957.113 | 13,81 | 27.452.713 | 13,84 |
| Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí | 15.373.337 | 7,08 | 10.757.675 | 5,43 |
| Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải | 158.586 | 0,07 | 118.922 | 0,06 |
| Xây dựng | 28.795.080 | 13,27 | 27.913.697 | 14,08 |
| Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác | 36.247.298 | 16,7 | 32.346.233 | 16,31 |
| Vận tải, kho bãi | 2.416.317 | 1,11 | 3.158.672 | 1,59 |
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống | 1.189.297 | 0,55 | 1.331.461 | 0,67 |
| Thông tin và truyền thông | 959.840 | 0,44 | 111.063 | 0,06 |
| Hoạt động tài chính, bảo hiểm | 2.517.173 | 1,16 | 2.263.714 | 1,14 |
| Hoạt động kinh doanh bất động sản | 16.756.345 | 7,72 | 15.700.331 | 7,92 |
| Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ | 98.736 | 0,05 | 599.078 | 0,30 |
| Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ | 951.543 | 0,44 | 1.127.811 | 0,57 |
| Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc | 28.546 | 0,01 | 42.649 | 0,02 |
| Giáo dục và đào tạo | 723.744 | 0,33 | 420.811 | 0,21 |
| Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội | 72.367 | 0,03 | 121.718 | 0,06 |
| Nghệ thuật, vui chơi, giải trí | 282.306 | 0,13 | 257.293 | 0,13 |
| Hoạt động dịch vụ khác | 32.474.365 | 14,98 | 20.154.350 | 10,17 |
| Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình | 5.029.372 | 2,32 | 3.503.079 | 1,77 |
| | 216.988.881 | 100,00 | 198.290.566 | 100,00 |

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

| | 31/12/2018 | 31/12/2017 |
|----------------------------|---------------|----------------|
| Cho vay bằng VND | 7,5% - 12,18% | 7,50% - 12,00% |
| Cho vay bằng USD | 2,2% - 5,5% | 1,90% - 5,01% |
| Cho vay bằng ngoại tệ khác | 2,2% - 5,5% | 1,90% - 5,01% |

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|----------------------|-------------------------|-------------------------|
| Dự phòng chung (i) | 1.492.247 | 1.459.886 |
| Dự phòng cụ thể (ii) | 1.509.982 | 1.389.129 |
| | 3.002.229 | 2.849.015 |

(i) Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 1.459.886 | 1.066.332 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 30.086 | 394.053 |
| Chênh lệch tỷ giá | 2.275 | (499) |
| | 1.492.247 | 1.459.886 |

(ii) Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 1.389.129 | 731.053 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 847.794 | 887.806 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (731.038) | (231.740) |
| Chênh lệch tỷ giá | 4.097 | 2.010 |
| | 1.509.982 | 1.389.129 |

Bao gồm trong dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng là dự phòng rủi ro cho các khoản dư nợ thuộc SBIC, một số công ty thành viên thuộc SBIC, các đơn vị trước đây thuộc SBIC đã chuyển sang PVN, Vinalines, và dự phòng cụ thể cho các khoản dư nợ cho vay tồn đọng của HBB. Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 4(c) để ghi nhận dự phòng rủi ro cho các khoản nợ này.

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 25.193.006 | 12.268.348 |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 24.761.139 | 10.682.862 |
| | 49.954.145 | 22.951.210 |

(i) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Chứng khoán nợ | | |
| Trái phiếu Chính phủ | 8.993.787 | 7.996.543 |
| Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành | 2.182.711 | 2.799.851 |
| Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành | 13.982.909 | 1.438.356 |
| Chứng khoán vốn | | |
| Cổ phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành | 796 | 796 |
| Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành | 32.803 | 32.802 |
| | 25.193.006 | 12.268.348 |

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm như sau:

| | 31/12/2018 | | 31/12/2017 | |
|---|------------|---------------|------------|--------------|
| | Kỳ hạn | Lãi suất năm | Kỳ hạn | Lãi suất năm |
| Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | | | | |
| Trái phiếu Chính phủ | 3 - 10 năm | 4,60% - 11,2% | 3 - 10 năm | 4,6% - 12,2% |
| Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành | 2 - 10 năm | 7,90% - 9,33% | 1 - 10 năm | 6,7% - 9% |
| Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành | 1 - 15 năm | 8,98% | 1 - 15 năm | 8,98% |

(ii) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Trái phiếu Chính phủ | 8.039.210 | 149.719 |
| Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành | 8.694.237 | 1.799.797 |
| Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành | 526.536 | 614.536 |
| Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành | 7.501.156 | 8.118.810 |
| | 24.761.139 | 10.682.862 |

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm cuối năm như sau:

| | 31/12/2018 | | 31/12/2017 | |
|--|------------|---------------|------------|---------------|
| | Kỳ hạn | Lãi suất năm | Kỳ hạn | Lãi suất năm |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | | | | |
| Trái phiếu Chính phủ | 3 - 20 năm | 5,20% - 8,90% | 20 năm | 7,4% |
| Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành | 6 - 10 năm | 7,00% - 9,00% | 6 - 10 năm | 7% - 8,2% |
| Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành | 9 - 10 năm | 8,9% - 11,25% | 9 - 10 năm | 8,9% - 15,25% |

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ chưa niêm yết (không bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu đặc biệt) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 23.388.706 | 5.914.895 |
| Nợ có khả năng mất vốn (*) | 150.000 | 150.000 |
| | 23.538.706 | 6.064.895 |

(*) Đây là khoản đầu tư trái phiếu của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel (“VVF”). Sau khi VVF được sáp nhập vào SHB, việc trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này và các khoản nợ tồn đọng khác của VVF được thực hiện theo chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 4(c).

13. DỰ PHÒNG RỦI RO CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán | 191.073 | 125.904 |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn | 1.736.147 | 1.617.342 |
| | 1.927.220 | 1.743.246 |

(i) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn Triệu VND | Dự phòng chung cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND | Dự phòng cụ thể cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|---------------------------------|--|--|---|-------------------|
| Số dư đầu năm | 32.901 | 18.003 | 75.000 | 125.904 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 135 | 65.034 | - | 65.169 |
| | 33.036 | 83.037 | 75.000 | 191.073 |

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn Triệu VND | Dự phòng chung cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND | Dự phòng cụ thể cho chứng khoán nợ sẵn sàng để bán Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|---|--|--|---|-------------------|
| Số dư đầu năm | 33.050 | 17.740 | 75.000 | 125.790 |
| Dự phòng (hoàn nhập)/ trích lập trong năm | (149) | 263 | - | 114 |
| | 32.901 | 18.003 | 75.000 | 125.904 |

(ii) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Dự phòng rủi ro trái phiếu VAMC | Dự phòng rủi ro trái phiếu khác | Tổng Triệu VND |
|---|---------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 1.602.984 | 14.358 | 1.617.342 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 477.168 | 51.091 | 528.259 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm do tất toán trái phiếu | (409.454) | - | (409.454) |
| | 1.670.698 | 65.449 | 1.736.147 |

Bao gồm trong khoản dự phòng rủi ro trái phiếu VAMC là một số trái phiếu thuộc phạm vi Đề án. Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 4(c) để ghi nhận dự phòng rủi ro cho các trái phiếu này.

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Dự phòng rủi ro trái phiếu VAMC | Dự phòng rủi ro trái phiếu khác | Tổng Triệu VND |
|------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 1.254.887 | 1.050 | 1.255.937 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 348.097 | 13.308 | 361.405 |
| | 1.602.984 | 14.358 | 1.617.342 |

14. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Đầu tư góp vốn dài hạn khác - giá gốc | 201.750 | 227.250 |
| Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn | (5.983) | (11.785) |
| | 195.767 | 215.465 |

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại thời điểm cuối năm như sau:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Đầu tư vào các tổ chức kinh tế | 157.736 | 183.236 |
| Đầu tư vào các tổ chức tài chính | 44.014 | 44.014 |
| | 201.750 | 227.250 |

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu năm | 11.785 | 6.444 |
| Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm | (5.802) | 5.341 |
| Số dư cuối năm | 5.983 | 11.785 |

Bao gồm trong dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là dự phòng rủi ro cho các khoản góp vốn, mua cổ phần của HBB. Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 4(c) để ghi nhận dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư này.

15. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND | Máy móc thiết bị Triệu VND | Phương tiện vận tải Triệu VND | Thiết bị văn phòng Triệu VND | Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|------------------------|---|-------------------------------------|---|--|---|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 363.131 | 320.296 | 208.414 | 92.705 | 26.885 | 1.011.431 |
| Tăng trong năm | 34.390 | 64.153 | 30.876 | 3.773 | 12.662 | 145.854 |
| Thanh lý, nhượng bán | (2.265) | (972) | (7.092) | (5.901) | (1.848) | (18.078) |
| Chênh lệch tỷ giá | 898 | 206 | 114 | 210 | - | 1.428 |
| Số dư cuối năm | 396.154 | 383.683 | 232.312 | 90.787 | 37.699 | 1.140.635 |
| Hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 90.347 | 250.441 | 136.584 | 84.611 | 24.024 | 586.007 |
| Khấu hao trong năm | 21.546 | 36.705 | 18.754 | 3.662 | 4.478 | 85.145 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.906) | (971) | (6.908) | (5.364) | (1.833) | (16.982) |
| Chênh lệch tỷ giá | 423 | 139 | 84 | 145 | - | 791 |
| Số dư cuối năm | 110.410 | 286.314 | 148.514 | 83.054 | 26.669 | 654.961 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 272.784 | 69.855 | 71.830 | 8.094 | 2.861 | 425.424 |
| Số dư cuối năm | 285.744 | 97.369 | 83.798 | 7.733 | 11.030 | 485.674 |

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND | Máy móc thiết bị Triệu VND | Phương tiện vận tải Triệu VND | Thiết bị văn phòng Triệu VND | Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|------------------------|---|-------------------------------------|---|--|---|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 325.290 | 314.867 | 202.081 | 93.743 | 26.723 | 962.704 |
| Tăng trong năm | 52.749 | 20.356 | 9.950 | 4.961 | 3.088 | 91.104 |
| Thanh lý, nhượng bán | (15.356) | (14.962) | (3.625) | (3.528) | (2.926) | (40.397) |
| Chênh lệch tỷ giá | 448 | 35 | 8 | (2.471) | - | (1.980) |
| Số dư cuối năm | 363.131 | 320.296 | 208.414 | 92.705 | 26.885 | 1.011.431 |
| Hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 83.639 | 227.524 | 121.024 | 82.601 | 23.870 | 538.658 |
| Khấu hao trong năm | 18.151 | 37.784 | 19.140 | 5.131 | 3.012 | 83.218 |
| Thanh lý, nhượng bán | (11.640) | (14.888) | (3.590) | (3.171) | (2.858) | (36.147) |
| Chênh lệch tỷ giá | 197 | 21 | 10 | 50 | - | 278 |
| Số dư cuối năm | 90.347 | 250.441 | 136.584 | 84.611 | 24.024 | 586.007 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 241.651 | 87.343 | 81.057 | 11.142 | 2.853 | 424.046 |
| Số dư cuối năm | 272.784 | 69.855 | 71.830 | 8.094 | 2.861 | 425.424 |

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Quyền sử dụng đất Triệu VND | Phần mềm máy vi tính Triệu VND | Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.486.801 | 211.811 | 39.877 | 3.738.489 |
| Tăng trong năm | 795.166 | 10.226 | 4.368 | 809.760 |
| Thanh lý, nhượng bán | (918) | (2.756) | - | (3.674) |
| Chênh lệch tỷ giá | - | 38 | 47 | 85 |
| Số dư cuối năm | 4.281.049 | 219.319 | 44.292 | 4.544.660 |
| Hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.805 | 178.174 | 27.617 | 211.596 |
| Khấu hao trong năm | 158 | 23.139 | 4.631 | 27.928 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.709) | - | (1.709) |
| Chênh lệch tỷ giá | - | 38 | 47 | 85 |
| Số dư cuối năm | 5.963 | 199.642 | 32.295 | 237.900 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.480.996 | 33.637 | 12.260 | 3.526.893 |
| Số dư cuối năm | 4.275.086 | 19.677 | 11.997 | 4.306.760 |

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Quyền sử dụng đất Triệu VND | Phần mềm máy vi tính Triệu VND | Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.478.880 | 207.848 | 40.188 | 3.726.916 |
| Tăng trong năm | 12.215 | 13.770 | 155 | 26.140 |
| Thanh lý, nhượng bán | (4.294) | - | - | (4.294) |
| Thoái vốn SHBS | - | (9.787) | (440) | (10.227) |
| Chênh lệch tỷ giá | - | (20) | (26) | (46) |
| Số dư cuối năm | 3.486.801 | 211.811 | 39.877 | 3.738.489 |
| Hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.647 | 160.748 | 22.515 | 188.910 |
| Khấu hao trong năm | 158 | 27.122 | 5.557 | 32.837 |
| Thoái vốn SHBS | - | (9.677) | (439) | (10.116) |
| Chênh lệch tỷ giá | - | (19) | (16) | (35) |
| Số dư cuối năm | 5.805 | 178.174 | 27.617 | 211.596 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 3.473.233 | 47.100 | 17.673 | 3.538.006 |
| Số dư cuối năm | 3.480.996 | 33.637 | 12.260 | 3.526.893 |

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|--------------------------------|--------------------------------|
| Các khoản phải thu | 7.868.333 | 13.326.319 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải thu liên quan thư tín dụng trả chậm (*)</i> | <i>6.089.972</i> | <i>8.095.834</i> |
| <i>Phải thu về thuê đất</i> | <i>648.642</i> | <i>625.557</i> |
| <i>Phải thu hợp đồng mua bán nợ</i> | <i>321.289</i> | <i>-</i> |
| <i>Phải thu tiền bán chứng khoán</i> | <i>-</i> | <i>3.495.389</i> |
| <i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ tư vấn</i> | <i>-</i> | <i>416.070</i> |
| <i>Phải thu khác</i> | <i>773.082</i> | <i>579.694</i> |
| Mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang | 112.563 | 85.136 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 9.117.746 | 7.955.903 |
| Tài sản Có khác (i) | 4.256.033 | 5.395.762 |
| Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (ii) | (653.216) | (410.374) |
| | 20.701.459 | 26.352.746 |

(*) Đây là các khoản phải thu từ khách hàng liên quan tới các thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay. Khoản phải thu này tương ứng với một khoản vay từ ngân hàng hoàn trả (Thuyết minh 19) mà ngân hàng hoàn trả đã ứng trước thanh toán cho người thụ hưởng của các thư tín dụng này.

(i) Tài sản Có khác

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Các khoản ủy thác đầu tư | 1.826.309 | 1.926.309 |
| Tài sản gán nợ chờ xử lý | 629.332 | 1.428.242 |
| Chi phí chờ phân bổ | 438.400 | 345.267 |
| Các khoản nợ thuộc SBIC đã hoán đổi (*) | 708.584 | 828.584 |
| Hàng hóa bất động sản | 21.199 | 97.191 |
| Tài sản Có khác | 632.209 | 770.169 |
| | 4.256.033 | 5.395.762 |

(*) Ngày 12 tháng 9 năm 2013, Ngân hàng tiến hành hoán đổi các khoản nợ SBIC lấy các trái phiếu của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam ("DATC"). Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản nợ đã hoán đổi và giá trị của các trái phiếu DATC được ghi nhận là tài sản có khác. Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 4(c) và phân bổ khoản nợ này trong vòng 10 năm, từ năm 2014 đến năm 2024.

(ii) Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác để bán bao gồm:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Dự phòng rủi ro các khoản ủy thác đầu tư (*) | 616.400 | 386.400 |
| Dự phòng rủi ro các tài sản có khác | 36.816 | 23.974 |
| | 653.216 | 410.374 |

(*) Ngân hàng đã áp dụng chính sách kế toán riêng nêu tại Thuyết minh 4(c) để ghi nhận các khoản ủy thác đầu tư của HBB.

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Dự phòng rủi ro các khoản ủy thác đầu tư Triệu VND | Dự phòng rủi ro các tài sản có khác Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|---------------------------------|---|--|-------------------|
| Số dư đầu năm | 386.400 | 23.974 | 410.374 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 350.000 | 12.842 | 362.842 |
| Sử dụng dự phòng trong kỳ | (120.000) | - | (120.000) |
| Số dư cuối năm | 616.400 | 36.816 | 653.216 |

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Dự phòng rủi ro các khoản ủy thác đầu tư Triệu VND | Dự phòng rủi ro các tài sản có khác Triệu VND | Tổng Triệu VND |
|---------------------------------|---|--|-------------------|
| Số dư đầu năm | 129.700 | 13.635 | 143.335 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 256.700 | 10.339 | 267.039 |
| Số dư cuối năm | 386.400 | 23.974 | 410.374 |

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi của NHNN | | |
| Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước Việt Nam bằng VND | 2.000.000 | - |
| Tiền gửi của Ngân hàng nhà nước Lào | 114.379 | - |
| Vay NHNN | | |
| Vay theo hồ sơ tín dụng | 835.544 | 1.224.351 |
| Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá | 9.261.314 | 1.533.992 |
| | 12.211.237 | 2.758.343 |

(i) Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước Việt Nam bằng VND có kỳ hạn 2 tháng, lãi suất 4,4%/năm (31/12/2017: không có).

(ii) Tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước Lào bằng LAK có kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 3%/năm (31/12/2017: không có).

(iii) Các khoản vay theo hồ sơ tín dụng của Ngân hàng tại NHNNVN có kỳ hạn 1 năm, lãi suất 3,5%/năm (31/12/2017: kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm, lãi suất từ 3,5% đến 4,25%/năm).

(iv) Các khoản vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của ngân hàng tại NHNNVN có kỳ hạn từ 7 ngày đến 14 ngày và chịu lãi suất 4,75%/năm (năm 2017: 3,5% đến 4,25%/năm).

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác | | |
| Bằng VND | 21.683.622 | 19.036.291 |
| Bằng ngoại tệ | 8.321 | 959.233 |
| Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác | | |
| Bằng VND | 7.208.000 | 11.250.300 |
| Bằng ngoại tệ | 2.452.240 | 2.052.034 |
| | 31.352.183 | 33.297.858 |
| Vay các TCTD khác | | |
| Vay các TCTD khác bằng VND | 6.630.754 | 10.261.036 |
| Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ | 209.069 | 905.643 |
| Tiền vay từ các dự án tài chính (*) | 651.811 | 440.048 |
| Phải trả trong nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm | 6.089.972 | 8.095.834 |
| | 13.581.606 | 19.702.561 |
| | 44.933.789 | 53.000.419 |

(*) Đây là các khoản vay theo Dự án Tài chính Nông thôn II và Dự án Tài chính Nông thôn III từ Tổ chức Phát triển Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới để cho các hộ gia đình vay lại với mục tiêu phát triển nông thôn và giảm nghèo. Lãi suất cho vay tới các hộ gia đình tùy theo mức lãi suất áp dụng của SHB trong từng giai đoạn.

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

| | 31/12/2018 | 31/12/2017 |
|----------------------------------|---------------|---------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND | 1,00% - 6,10% | 1,20% - 5,00% |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ | 1,65% - 3,50% | 1,60% - 3,00% |
| Tiền vay bằng VND | 1,20% - 5,85% | 1,10% - 5,95% |
| Tiền vay bằng ngoại tệ | 0,75% - 3,75% | 0,75% - 2,79% |

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn | | |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND | 17.704.538 | 16.214.179 |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 1.261.577 | 1.538.702 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND | 195.239.126 | 164.002.428 |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ | 9.938.773 | 12.150.138 |
| Tiền gửi vốn chuyên dùng | | |
| Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND | 1.004.478 | 89.809 |
| Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ | 52.445 | 22 |
| Tiền ký quỹ | | |
| Tiền ký quỹ bằng VND | 5.224 | 872.353 |
| Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ | 17.980 | 22.139 |
| | 225.224.141 | 194.889.770 |

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi của tổ chức kinh tế | 69.427.788 | 58.819.060 |
| Tiền gửi của cá nhân | 147.319.885 | 125.990.775 |
| Tiền gửi của các đối tượng khác | 8.476.468 | 10.079.935 |
| | 225.224.141 | 194.889.770 |

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

| | 31/12/2018 | 31/12/2017 |
|----------------------------------|---------------|---------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND | 1,00% - 7,80% | 1,00% - 7,60% |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ | 0,00% - 2,00% | 0,00% - 2,00% |

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo chính sách của SHB theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của NHNNVN.

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Vay trung, dài hạn từ Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và giai đoạn III (i) | 440.784 | 418.205 |
| Vay dài hạn Dự án Phát triển Năng lượng tái tạo (ii) | 889.800 | 470.391 |
| Vay trung, dài hạn từ Dự án Tài trợ lưới điện thông minh (iii) | 143.127 | 2.166 |
| Vay trung, dài hạn từ Dự án chuyển đổi Nông thôn bền vững | - | 173.399 |
| | 1.473.711 | 1.064.161 |

(i) Đây là các khoản vay theo Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn III từ Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) thông qua Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA để cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ hợp lệ vay lại. Lãi suất cho vay tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ tùy theo mức lãi suất áp dụng của SHB trong từng giai đoạn.

(ii) Đây là các khoản vay dài hạn từ Dự án Phát triển Năng lượng Tái tạo từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế để cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo vay lại. Lãi suất cho vay tới các dự án bằng lãi suất bình quân gia quyền của lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn từ 0 đến 12 tháng do NHNNVN công bố hàng quý, được điều chỉnh bởi biên độ lãi suất và tỷ lệ giảm trừ do Bộ Tài chính quy định.

(iii) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) để tài trợ cho việc đầu tư mạng lưới điện cao thế tại Việt Nam. Cơ quan thực hiện dự án là Tổng công ty truyền tải điện quốc gia (EVN NPT). Lãi suất cố định 7,2%/năm.

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành là kỳ phiếu được phân loại theo kỳ hạn như sau:

| Kỳ hạn | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Kỳ phiếu - dưới 12 tháng | 7.647.099 | 11.744.634 |
| Trái phiếu - từ 12 tháng đến 5 năm | 1.000.000 | - |
| Trái phiếu - trên 5 năm | 8.074.637 | 3.222.635 |
| | 16.721.736 | 14.967.269 |

23. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả | 5.294.909 | 4.103.201 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | | |
| Các khoản phải trả nội bộ | | |
| <i>Các khoản phải trả công nhân viên</i> | 11.204 | 4.086 |
| <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i> | 27.746 | 34.384 |
| <i>Các khoản phải trả nội bộ khác</i> | - | 9.507 |
| Các khoản phải trả bên ngoài | | |
| <i>Thuế và các khoản phải trả cho ngân sách Nhà nước (*)</i> | 275.997 | 229.513 |
| <i>Phải trả về trung gian thanh toán</i> | 721.535 | 256.349 |
| <i>Doanh thu chưa thực hiện</i> | 31.316 | - |
| <i>Các khoản phải trả khác</i> | 16.155 | 1.859 |
| | 1.083.953 | 535.698 |
| Tổng cộng | 6.378.862 | 4.638.899 |

(i) Thuế và các khoản phải trả cho ngân sách Nhà nước

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 221.929 | 178.226 |
| Thuế giá trị gia tăng | 35.912 | 43.051 |
| Các loại thuế khác | 18.156 | 8.236 |
| | 275.997 | 229.513 |

24. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của SHB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

| | Vốn điều lệ Triệu VND | Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND | Cổ phiếu quỹ Triệu VND | Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND |
|--|--------------------------|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|
| Số dư tại ngày 1/1/2017 | 11.196.891 | 101.716 | (5.260) | 25.013 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | - | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - |
| Thuế giữ lại từ chuyển lợi nhuận của công ty con | - | - | - | - |
| Biến động khác | - | - | - | - |
| Thanh lý SHBS | - | - | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2017 | 11.196.891 | 101.716 | (5.260) | 25.013 |
| Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức | 839.270 | - | - | - |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | - | 3.538 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2018 | 12.036.161 | 101.716 | (5.260) | 28.551 |

| Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND | Quỹ khác Triệu VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát Triệu VND | Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|-------------------------------------|---|-----------------------|---|--|---------------------------------------|------------------------|
| 682.932 | 329.292 | 1.022 | - | 2.306 | 897.661 | 13.231.573 |
| - | - | - | - | - | 1.539.128 | 1.539.128 |
| 135.689 | 76.426 | - | - | (230) | (211.885) | - |
| - | - | - | - | - | (20.000) | (20.000) |
| - | - | - | - | - | (5.566) | (5.566) |
| - | - | - | - | - | (3.391) | (3.391) |
| (15.000) | (15.000) | - | - | (2.076) | (19.391) | (51.467) |
| - | (16) | - | - | - | 959 | 943 |
| 803.621 | 390.702 | 1.022 | - | - | 2.177.515 | 14.691.220 |
| - | - | - | - | - | (839.270) | - |
| - | - | - | - | - | 1.672.319 | 1.672.319 |
| 155.095 | 87.956 | - | - | - | (246.589) | - |
| - | 54 | - | (5.891) | - | (25.170) | (31.007) |
| 958.716 | 478.712 | 1.022 | (5.891) | - | 2.738.805 | 16.332.532 |

Vốn cổ phần

| | 31/12/2018 | | 31/12/2017 | |
|---|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Số cổ phiếu | Mệnh giá Triệu VND | Số cổ phiếu | Mệnh giá Triệu VND |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.203.616.110 | 12.036.161 | 1.119.689.100 | 11.196.891 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông | 1.203.616.110 | 12.036.161 | 1.119.689.100 | 11.196.891 |
| Số cổ phiếu được mua lại Cổ phiếu phổ thông | 496.186 | 4.962 | 496.186 | 4.962 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông | 1.203.119.924 | 12.031.199 | 1.119.192.914 | 11.191.929 |

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

| | 31/12/2018 | | 31/12/2017 | |
|--------------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|
| | Số cổ phiếu | Mệnh giá Triệu VND | Số cổ phiếu | Mệnh giá Triệu VND |
| Số dư đầu năm | 1.119.689.100 | 11.196.891 | 1.119.689.100 | 11.196.891 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 83.927.010 | 839.270 | - | - |
| Số dư cuối năm | 1.203.616.110 | 12.036.161 | 1.119.689.100 | 11.196.891 |

25. CỔ TỨC

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đã thông qua phương án niêm yết bổ sung cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ thực quyền là 7,5% (cổ đông sở hữu 1000 cổ phiếu được nhận 75 cổ phiếu phát hành thêm). Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 286/TGD của Ngân hàng ngày 24 tháng 1 năm 2018 gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng đã hoàn tất việc phát hành 83.927.010 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

26. THU NHẬP LÃI THUẦN

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ | | |
| Tiền gửi tại các TCTD khác | 418.617 | 393.956 |
| Cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác | 19.560.989 | 16.414.175 |
| Các khoản đầu tư chứng khoán nợ | 2.447.351 | 1.139.572 |
| Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh | 89.625 | 173.688 |
| Các hoạt động tín dụng khác | 124.784 | 98.823 |
| | 22.641.366 | 18.220.214 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự cho | | |
| Tiền gửi từ khách hàng và các tổ chức tín dụng khác | 14.753.429 | 11.493.165 |
| Tiền vay và vốn ủy thác | 355.968 | 473.635 |
| Giấy tờ có giá đã phát hành | 1.150.310 | 1.124.006 |
| Chi phí hoạt động tín dụng khác | 825.757 | 332.748 |
| | 17.085.464 | 13.423.554 |
| Thu nhập lãi thuần | 5.555.902 | 4.796.660 |

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ | | |
| Dịch vụ thanh toán và tiền mặt | 265.512 | 191.422 |
| Dịch vụ ngân quỹ | 21.489 | 16.011 |
| Dịch vụ đại lý | 165.319 | 1.242.838 |
| Dịch vụ tư vấn | 125.934 | - |
| Dịch vụ khác | 244.735 | 75.899 |
| | 822.989 | 1.526.170 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ cho | | |
| Dịch vụ tư vấn | 14.993 | - |
| Dịch vụ thanh toán và tiền mặt | 48.763 | 25.930 |
| Cước phí bưu điện về mạng viễn thông | 22.458 | 18.539 |
| Dịch vụ ngân quỹ | 14.912 | 10.179 |
| Dịch vụ khác | 7.921 | 14.657 |
| | 109.047 | 69.305 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 713.942 | 1.456.865 |

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối | | |
| Hợp đồng tiền tệ giao ngay | 310.901 | 479.847 |
| Các công cụ phái sinh tiền tệ | 418.858 | 375.242 |
| Thu nhập kinh doanh vàng | 1.659 | 176 |
| | 731.418 | 855.265 |
| Chi phí về kinh doanh ngoại hối | | |
| Hợp đồng tiền tệ giao ngay | 365.443 | 434.067 |
| Các công cụ phái sinh tiền tệ | 302.712 | 366.863 |
| Chi phí kinh doanh vàng | 1.516 | 88 |
| | 669.671 | 801.018 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 61.747 | 54.247 |

29. LÃI/(LỖ) THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Lãi/(lỗ) thuận từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán | | |
| Lãi từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán | 309.188 | 23.164 |
| Lỗ từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán | (31.307) | (23.225) |
| | 277.881 | (61) |
| Lỗ thuận từ hoạt động kinh doanh chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn | | |
| Lỗ từ mua bán chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn | - | 1.111 |
| | - | 1.111 |
| Lãi thuận từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư | 277.881 | 1.050 |

30. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Thu nhập hoạt động kinh doanh khác | | |
| Thu hồi nợ đã xử lý trong những năm trước | 61.339 | 16.912 |
| Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản | 84.387 | 339.399 |
| Thu nhập khác | 105.408 | 3.667 |
| Thu nhập hoạt động kinh doanh khác | 251.134 | 359.978 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh khác | | |
| Chi hỗ trợ công tác xã hội | 6.618 | 7.387 |
| Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản | 12.802 | 165.533 |
| Chi về hoạt động kinh doanh khác | 101.653 | 49.566 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh khác | 121.073 | 222.486 |
| | 130.061 | 137.492 |

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND (Phân loại lại) |
|---|-------------------|--------------------------------------|
| Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí | 44.573 | 28.134 |
| Chi phí cho nhân viên | 1.836.453 | 1.566.067 |
| Chi về tài sản | 424.756 | 408.687 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Khấu hao tài sản cố định</i> | <i>113.073</i> | <i>116.641</i> |
| Chi cho hoạt động quản lý công vụ | 737.973 | 478.481 |
| Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng | 184.838 | 143.148 |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá góp vốn đầu tư dài hạn khác | (5.802) | 5.341 |
| | 3.222.791 | 2.629.858 |

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 421.534 | 386.183 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 2.093.853 | 1.925.311 |
| Thuế tính theo thuế suất của Ngân hàng | 418.771 | 385.062 |
| Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các ngân hàng con, công ty con | 3.000 | 941 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (440) | (563) |
| Chi phí không được khấu trừ | 203 | 743 |
| | 421.534 | 386.183 |

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Ngân hàng là 20% cho năm 2018 (Năm 2017: 20%).

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông | 1.672.319 | 1.539.128 |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2018 | 2017 (điều chỉnh lại) | 2017 (theo báo cáo trước đây) |
|--|---------------|--------------------------|-------------------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang | 1.119.192.914 | 1.119.192.914 | 1.119.192.914 |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức trong năm 2018 | 83.927.010 | 83.927.010 | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm | 1.203.119.924 | 1.203.119.924 | 1.119.192.914 |

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2018 | 2017 (điều chỉnh lại) | 2017 (theo báo cáo trước đây) |
|--------------------------|-------|--------------------------|-------------------------------------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.390 | 1.279 | 1.375 |

34. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--|--------------------------------|--------------------------------|
| Tiền mặt và vàng | 1.884.822 | 1.446.548 |
| Tiền gửi tại NHNNVN | 4.328.739 | 3.742.659 |
| Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác | 24.708.324 | 20.812.077 |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 4.044.546 | 7.047.433 |
| | 34.966.431 | 33.048.717 |

35. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

| | 2018 Triệu VND | 2017 Triệu VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Số lượng cán bộ, công nhân viên (người) | 7.546 | 6.402 |
| Thu nhập của cán bộ, công nhân viên | 1.591.711 | 1.356.709 |
| Thu nhập bình quân/tháng (triệu VND/người/tháng) | 17,58 | 17,66 |

36. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, SHB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của SHB.

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

| | 31/12/2018 Triệu VND Tài sản/ (Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu) | 31/12/2017 Triệu VND Tài sản/ (Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu) |
|--|---|---|
| Cổ đông lớn | | |
| Công ty cổ phần Tập đoàn T&T | | |
| <i>Góp vốn</i> | (1.199.768) | (1.199.768) |
| <i>Tiền gửi không kỳ hạn</i> | (112.476) | (979.364) |
| <i>Cho vay</i> | (779) | (19.432) |
| Đầu tư dài hạn khác | | |
| Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội | | |
| <i>Góp vốn</i> | 42.857 | 42.857 |
| <i>Tiền gửi không kỳ hạn</i> | (184.931) | (151.100) |
| <i>Lãi dự trả tiền gửi</i> | (4.339) | (6.892) |

37. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | 1/1/2018 Phải trả Triệu VND | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2018 Phải trả Triệu VND |
|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| | | Phát sinh tăng Triệu VND | Phát sinh giảm Triệu VND | |
| Thuế TNDN | 178.226 | 421.534 | (377.831) | 221.929 |
| Thuế giá trị gia tăng | 43.051 | 91.569 | (98.708) | 35.912 |
| Các loại thuế khác | 8.236 | 120.177 | (110.257) | 18.156 |
| | 229.513 | 633.280 | (586.796) | 275.997 |

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | 1/1/2018 Phải trả Triệu VND | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2018 Phải trả Triệu VND |
|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
| | | Phát sinh tăng Triệu VND | Phát sinh giảm Triệu VND | |
| Thuế TNDN | 60.315 | 386.183 | (268.272) | 178.226 |
| Thuế giá trị gia tăng | 41.801 | 133.870 | (132.620) | 43.051 |
| Các loại thuế khác | 15.126 | 33.449 | (40.339) | 8.236 |
| | 117.242 | 553.502 | (441.231) | 229.513 |

38. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo vùng địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Miền Bắc Triệu VND | Miền Trung Triệu VND | Miền Nam Triệu VND | Nước ngoài Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Thu nhập lãi thuần | 3.458.058 | 1.334.514 | 467.737 | 295.593 | 5.555.902 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 628.514 | 30.115 | 7.374 | 47.939 | 713.942 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 48.790 | 11.285 | 1.973 | (301) | 61.747 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 277.881 | - | - | - | 277.881 |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 96.062 | 17.358 | 13.102 | 3.539 | 130.061 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 2.202 | - | - | - | 2.202 |
| Chi phí hoạt động | (2.340.409) | (526.143) | (234.860) | (121.379) | (3.222.791) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 2.171.098 | 867.129 | 255.326 | 225.391 | 3.518.944 |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (882.739) | (346.077) | (131.589) | (64.686) | (1.425.091) |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.288.359 | 521.052 | 123.737 | 160.705 | 2.093.853 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Miền Bắc Triệu VND | Miền Trung Triệu VND | Miền Nam Triệu VND | Nước ngoài Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Tiền mặt và vàng | 1.393.986 | 312.010 | 120.785 | 58.041 | 1.884.822 |
| Tiền gửi tại NHNNVN | 3.309.766 | 3.751 | 7.336 | 1.007.886 | 4.328.739 |
| Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác | 27.720.267 | 2.118 | 1.295 | 1.576.647 | 29.300.327 |
| Chứng khoán kinh doanh | 655 | - | - | - | 655 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 58.228 | - | - | - | 58.228 |
| Cho vay khách hàng | 152.993.732 | 35.823.078 | 17.593.353 | 7.576.489 | 213.986.652 |
| Chứng khoán đầu tư | 48.026.925 | - | - | - | 48.026.925 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | 195.767 | - | - | - | 195.767 |
| Tài sản cố định | 4.704.915 | 45.207 | 20.600 | 21.712 | 4.792.434 |
| Tài sản Có khác | 13.277.218 | 6.178.594 | 1.124.881 | 120.766 | 20.701.459 |
| Tổng tài sản | 251.681.459 | 42.364.758 | 18.868.250 | 10.361.541 | 323.276.008 |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | 12.211.237 | - | - | - | 12.211.237 |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 38.642.439 | 56 | 1.495 | 6.289.799 | 44.933.789 |
| Tiền gửi của khách hàng | 170.541.669 | 39.841.455 | 13.670.266 | 1.170.751 | 225.224.141 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tu, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro | 1.473.711 | - | - | - | 1.473.711 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 13.018.242 | 1.037.438 | 2.666.056 | - | 16.721.736 |
| Các khoản nợ khác | 3.612.312 | 764.759 | 356.696 | 1.645.095 | 6.378.862 |
| Tổng nợ phải trả | 239.499.610 | 41.643.708 | 16.694.513 | 9.105.645 | 306.943.476 |

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Miền Bắc Triệu VND | Miền Trung Triệu VND | Miền Nam Triệu VND | Nước ngoài Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Thu nhập lãi thuần | 3.077.240 | 486.679 | 906.459 | 326.282 | 4.796.660 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 1.409.160 | 2.701 | 17.918 | 27.086 | 1.456.865 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 42.067 | 1.672 | 8.928 | 1.580 | 54.247 |
| Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | (5.188) | - | - | - | (5.188) |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 1.050 | - | - | - | 1.050 |
| Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác | 131.274 | 165 | 7.863 | (1.810) | 137.492 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 2.816 | - | - | - | 2.816 |
| Chi phí hoạt động | (1.843.471) | (204.175) | (472.159) | (110.053) | (2.629.858) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 2.814.948 | 287.042 | 469.009 | 243.085 | 3.814.084 |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (1.698.798) | (33.500) | (105.338) | (51.137) | (1.888.773) |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.116.150 | 253.542 | 363.671 | 191.948 | 1.925.311 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| | Miền Bắc Triệu VND | Miền Trung Triệu VND | Miền Nam Triệu VND | Nước ngoài Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Tiền mặt và vàng | 1.014.234 | 118.504 | 263.960 | 49.850 | 1.446.548 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 2.961.064 | 3.736 | 6.159 | 771.700 | 3.742.659 |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác | 32.482.469 | 1.441 | 613 | 1.028.993 | 33.513.516 |
| Chứng khoán kinh doanh | 1.050 | - | - | - | 1.050 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 136.265 | - | - | - | 136.265 |
| Cho vay khách hàng | 139.157.737 | 17.376.168 | 33.246.647 | 5.660.999 | 195.441.551 |
| Chứng khoán đầu tư | 21.206.594 | - | - | 1.370 | 21.207.964 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | 215.465 | - | - | - | 215.465 |
| Tài sản cố định | 3.887.117 | 15.405 | 28.600 | 21.195 | 3.952.317 |
| Tài sản Có khác | 23.584.928 | 228.476 | 1.771.415 | 767.927 | 26.352.746 |
| Tổng tài sản | 224.646.923 | 17.743.730 | 35.317.394 | 8.302.034 | 286.010.081 |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | 2.758.343 | - | - | - | 2.758.343 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 52.614.651 | 543 | 38 | 385.187 | 53.000.419 |
| Tiền gửi của khách hàng | 146.056.773 | 13.740.270 | 34.382.130 | 710.597 | 194.889.770 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro | 1.064.161 | - | - | - | 1.064.161 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 12.291.520 | 2.654.299 | 21.450 | - | 14.967.269 |
| Các khoản nợ khác | 3.745.073 | 274.427 | 550.107 | 69.292 | 4.638.899 |
| Tổng nợ phải trả | 218.530.521 | 16.669.539 | 34.953.725 | 1.165.076 | 271.318.861 |

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực hoạt động

| | Tín dụng Triệu VND | Đầu tư Triệu VND | Dịch vụ Triệu VND | Kinh doanh và huy động vốn Triệu VND | Tổng cộng Triệu VND |
|---|-----------------------|---------------------|----------------------|---|------------------------|
| Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | | | | | |
| Doanh thu | 19.775.398 | 2.789.181 | 495.869 | 996.871 | 24.057.319 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 222.664.611 | 50.338.997 | 224.536 | 35.791.387 | 309.019.531 |
| Tài sản phân bổ | 6.876.514 | 60.715 | 2.820.233 | 4.499.015 | 14.256.477 |
| Tổng tài sản | 229.541.125 | 50.399.712 | 3.044.769 | 40.290.402 | 323.276.008 |
| Nợ phải trả bộ phận | (408.430) | - | (94.370) | (305.667.212) | (306.170.012) |
| Nợ phân bổ | (373.487) | (3.291) | (152.850) | (243.836) | (773.464) |
| Tổng nợ phải trả | (781.917) | (3.291) | (247.220) | (305.911.048) | (306.943.476) |
| Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | | | |
| Doanh thu | 16.686.686 | 1.192.497 | 435.877 | 1.844.227 | 20.159.287 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 208.722.772 | 23.430.203 | 165.767 | 33.943.598 | 266.262.340 |
| Tài sản phân bổ | 7.825.912 | 45.120 | 4.216.239 | 7.660.470 | 19.747.741 |
| Tổng tài sản | 216.548.684 | 23.475.323 | 4.382.006 | 41.604.068 | 286.010.081 |
| Nợ phải trả bộ phận | (393.624) | - | (103.677) | (270.228.036) | (270.725.337) |
| Nợ phân bổ | (235.210) | (1.356) | (126.721) | (230.237) | (593.524) |
| Tổng nợ phải trả | (628.834) | (1.356) | (230.398) | (270.458.273) | (271.318.861) |



39. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà SHB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà SHB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(a) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Định hướng của SHB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp SHB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, SHB phải duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, SHB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của SHB có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, SHB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, SHB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của SHB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. SHB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của SHB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép SHB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết

(b) Rủi ro tín dụng

SHB chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi SHB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi SHB cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà SHB gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của SHB. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra SHB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

SHB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;

- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và

- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

SHB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của SHB có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

SHB đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được NHNNVN chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở cho việc cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá chủ yếu bao gồm các khoản cho vay khách hàng được SHB phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản phải thu quá hạn theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 nhưng có đầy đủ tài sản đảm bảo, bao gồm bất động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của SHB, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Triệu VND)

| | Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá |
|---|---|
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 4.328.739 |
| Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – thuần | 29.300.327 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 58.228 |
| Cho vay khách hàng - thuần | 205.315.165 |
| Chứng khoán đầu tư - thuần | 47.951.362 |
| Tài sản tài chính khác - thuần | 19.379.429 |
| | 306.333.250 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Triệu VND)

| | Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá |
|---|---|
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 3.742.659 |
| Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – thuần | 33.513.516 |
| Các công cụ tài chính phái sinh | 136.265 |
| Cho vay khách hàng – thuần | 187.749.764 |
| Chứng khoán đầu tư – thuần | 21.059.723 |
| Tài sản tài chính khác – thuần | 24.812.837 |
| | 271.014.764 |

| Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá | | | | Đã bị giảm giá | Tổng cộng |
|-----------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------|--------------------|
| Quá hạn từ 10 đến 90 ngày | Quá hạn từ 91 đến 180 ngày | Quá hạn từ 181 đến 360 ngày | Quá hạn trên 360 ngày | | |
| - | - | - | - | - | 4.328.739 |
| - | - | - | - | - | 29.300.327 |
| - | - | - | - | - | 58.228 |
| 3.733.699 | 50.339 | 444.088 | 1.362.465 | 3.080.896 | 213.986.652 |
| - | - | - | - | 75.000 | 48.026.362 |
| - | - | - | - | 1.322.030 | 20.701.459 |
| 3.733.699 | 50.339 | 444.088 | 1.362.465 | 4.477.926 | 316.401.767 |

| Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá | | | | Đã bị giảm giá | Tổng cộng |
|-----------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------|--------------------|
| Quá hạn từ 10 đến 90 ngày | Quá hạn từ 91 đến 180 ngày | Quá hạn từ 181 đến 360 ngày | Quá hạn trên 360 ngày | | |
| - | - | - | - | - | 3.742.659 |
| - | - | - | - | - | 33.513.516 |
| - | - | - | - | - | 136.265 |
| 2.891.516 | 496.370 | 142.811 | 551.608 | 3.609.482 | 195.441.551 |
| - | - | - | - | 147.544 | 21.207.267 |
| - | - | - | - | 1.539.909 | 26.352.746 |
| 2.891.516 | 496.370 | 142.811 | 551.608 | 5.296.935 | 280.394.004 |

Chi tiết về các tài sản đảm bảo SHB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|--------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Bất động sản | 237.861.232 | 180.743.105 |
| Động sản | 17.927.216 | 44.428.824 |
| Giấy tờ có giá | 31.937.732 | 31.913.273 |
| Các tài sản đảm bảo khác | 293.913.685 | 228.243.002 |
| | 581.639.865 | 485.328.204 |

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình SHB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của SHB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

SHB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của SHB. SHB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của SHB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Triệu VND)

| | Quá hạn | |
|---|------------------|------------------|
| | Dưới 3 tháng | Trên 3 tháng |
| Tài sản | | |
| Tiền mặt và vàng | - | - |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | - | - |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp | - | - |
| Các công cụ tài chính phái sinh | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh – gộp | - | - |
| Cho vay khách hàng - gộp | 2.820.131 | 7.077.328 |
| Chứng khoán đầu tư - gộp | 150.000 | - |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | - | - |
| Tài sản cố định | - | - |
| Tài sản có khác - gộp | 1.840.891 | - |
| | 4.811.022 | 7.077.328 |
| Nợ phải trả | | |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | - | - |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | - | - |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | - | - |
| Phát hành giấy tờ có giá | - | - |
| Các khoản nợ khác | - | - |
| | - | - |
| Mức chênh thanh khoản ròng | 4.811.022 | 7.077.328 |

| Trong hạn | | | | | |
|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| Đến 1 tháng | Từ 1 đến 3 tháng | Từ 3 đến 12 tháng | Từ 1 đến 5 năm | Trên 5 năm | Tổng cộng |
| 1.884.822 | - | - | - | - | 1.884.822 |
| 4.328.739 | - | - | - | - | 4.328.739 |
| 26.651.516 | 2.304.920 | 343.891 | - | - | 29.300.327 |
| (28.512) | 25.230 | 61.510 | - | - | 58.228 |
| 3.889 | - | - | - | - | 3.889 |
| 21.823.759 | 23.323.406 | 62.087.275 | 61.779.487 | 38.077.495 | 216.988.881 |
| 2.730.375 | 351.722 | 18.005.543 | 16.889.432 | 11.827.073 | 49.954.145 |
| - | - | - | - | 201.750 | 201.750 |
| 1.606.475 | 214 | 17.162 | 199.842 | 2.968.741 | 4.792.434 |
| 13.165.334 | 2.545.626 | 3.542.254 | 256.323 | 4.247 | 21.354.675 |
| 72.166.397 | 28.551.118 | 84.057.635 | 79.125.084 | 53.079.306 | 328.867.890 |
| 9.434.607 | 2.200.119 | 576.511 | - | - | 12.211.237 |
| 32.106.273 | 8.210.803 | 4.153.755 | 376.565 | 86.393 | 44.933.789 |
| 65.971.458 | 47.612.876 | 94.957.386 | 16.679.022 | 3.399 | 225.224.141 |
| 10.159 | 25.199 | 131.595 | 641.165 | 665.593 | 1.473.711 |
| - | 600.000 | 7.047.099 | 2.049.454 | 7.025.183 | 16.721.736 |
| 6.378.862 | - | - | - | - | 6.378.862 |
| 113.901.359 | 58.648.997 | 106.866.346 | 19.746.206 | 7.780.568 | 306.943.476 |
| (41.734.962) | (30.097.879) | (22.808.711) | 59.378.878 | 45.298.738 | 21.924.414 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Triệu VND)

| | Quá hạn | |
|---|------------------|------------------|
| | Dưới 3 tháng | Trên 3 tháng |
| Tài sản | | |
| Tiền mặt và vàng | - | - |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | - | - |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp | - | - |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh - gộp | - | - |
| Cho vay khách hàng - gộp | 4.623.697 | 3.298.174 |
| Chứng khoán đầu tư - gộp | 150.000 | - |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | - | - |
| Tài sản cố định | - | - |
| Tài sản có khác - gộp | 3.626.455 | 721 |
| | 8.400.152 | 3.298.895 |
| Nợ phải trả | | |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | - | - |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | - | - |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | - | - |
| Phát hành giấy tờ có giá | - | - |
| Các khoản nợ khác | - | - |
| | - | - |
| Mức chênh thanh khoản ròng | 8.400.152 | 3.298.895 |

| Trong hạn | | | | | |
|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| Đến 1 tháng | Từ 1 đến 3 tháng | Từ 3 đến 12 tháng | Từ 1 đến 5 năm | Trên 5 năm | Tổng cộng |
| 1.446.548 | - | - | - | - | 1.446.548 |
| 3.742.659 | - | - | - | - | 3.742.659 |
| 24.430.584 | 5.056.692 | 4.026.240 | - | - | 33.513.516 |
| 136.265 | - | - | - | - | 136.265 |
| 3.889 | - | - | - | - | 3.889 |
| 17.663.184 | 17.537.801 | 61.711.683 | 59.586.956 | 33.869.071 | 198.290.566 |
| 33.599 | - | 2.489.040 | 13.557.465 | 6.721.106 | 22.951.210 |
| - | - | - | - | 227.250 | 227.250 |
| 811.584 | 2.342 | 15.491 | 153.589 | 2.969.311 | 3.952.317 |
| 16.204.082 | 1.875.293 | 4.761.060 | 286.886 | 8.623 | 26.763.120 |
| 64.472.394 | 24.472.128 | 73.003.514 | 73.584.896 | 43.795.361 | 291.027.340 |
| 2.758.343 | - | - | - | - | 2.758.343 |
| 35.053.842 | 11.407.248 | 6.257.516 | 261.492 | 20.321 | 53.000.419 |
| 62.362.701 | 42.185.113 | 83.890.973 | 6.447.810 | 3.173 | 194.889.770 |
| 6.882 | 27.856 | 105.43 | 456.246 | 467.747 | 1.064.161 |
| - | - | 11.744.000 | - | 3.223.269 | 14.967.269 |
| 4.638.899 | - | - | - | - | 4.638.899 |
| 104.820.667 | 53.620.217 | 101.997.919 | 7.165.548 | 3.714.510 | 271.318.861 |
| (40.348.273) | (29.148.089) | (28.994.405) | 66.419.348 | 40.080.851 | 19.708.479 |

(d) Rủi ro thị trường**(i) Rủi ro lãi suất**

Các hoạt động của SHB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ phải trả cụ thể.

SHB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng. SHB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của SHB được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

 SHB

SHB BANK



Tại 31 tháng 12 năm 2018
(Triệu VND)

| | Quá hạn | Không hưởng lãi | Dưới 1 tháng |
|---|-------------------|-------------------|--------------------|
| Tài sản | | | |
| Tiền mặt và vàng | - | 1.884.822 | - |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | - | - | 4.328.739 |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp | - | - | 26.651.516 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | - | 58.228 | - |
| Chứng khoán kinh doanh - gộp | - | 3.889 | - |
| Cho vay khách hàng - gộp | 9.897.459 | - | 69.052.932 |
| Chứng khoán đầu tư - gộp | 150.000 | 9.294.442 | 3.337.088 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | - | 201.750 | - |
| Tài sản cố định | - | 4.792.434 | - |
| Tài sản có khác - gộp | 1.840.891 | 13.423.812 | 144.830 |
| | 11.888.350 | 29.659.377 | 103.515.105 |
| Nợ phải trả | | | |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | - | - | 10.211.237 |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | - | - | 32.102.335 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | 65.971.459 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | - | - | - |
| Phát hành giấy tờ có giá | - | - | - |
| Các khoản nợ khác | - | 6.378.862 | - |
| | - | 6.378.862 | 108.285.031 |
| Mức chênh lệch cảm với lãi suất | 11.888.350 | 23.280.515 | (4.769.926) |

| | Từ 1 đến 3 tháng | Từ 3 đến 6 tháng | Từ 6 đến 12 tháng | Từ 1 đến 5 năm | Trên 5 năm | Tổng cộng |
|--|--------------------|---------------------|---------------------|--------------------|-------------------|--------------------|
| | - | - | - | - | - | 1.884.822 |
| | - | - | - | - | - | 4.328.739 |
| | 2.304.920 | 142.987 | 200.904 | - | - | 29.300.327 |
| | - | - | - | - | - | 58.228 |
| | - | - | - | - | - | 3.889 |
| | 114.678.896 | 10.900.594 | 7.415.620 | 3.929.488 | 1.113.892 | 216.988.881 |
| | 6.749.144 | 4.007.774 | 9.025.471 | 7.545.840 | 9.844.386 | 49.954.145 |
| | - | - | - | - | - | 201.750 |
| | - | - | - | - | - | 4.792.434 |
| | 2.250.608 | 3.263.881 | 424.619 | 6.034 | - | 21.354.675 |
| | 125.983.568 | 18.315.236 | 17.066.614 | 11.481.362 | 10.958.278 | 328.867.890 |
| | 2.000.000 | - | - | - | - | 12.211.237 |
| | 8.826.390 | 3.405.701 | 587.759 | 8.154 | 3.450 | 44.933.789 |
| | 47.612.876 | 52.498.826 | 43.718.971 | 15.418.610 | 3.399 | 225.224.141 |
| | 1.330.584 | - | - | 143.127 | - | 1.473.711 |
| | 600.000 | 5.547.099 | 1.500.000 | 3.050.009 | 6.024.628 | 16.721.736 |
| | - | - | - | - | - | 6.378.862 |
| | 60.369.850 | 61.451.626 | 45.806.730 | 18.619.900 | 6.031.477 | 306.943.476 |
| | 65.613.718 | (43.136.390) | (28.740.116) | (7.138.538) | 4.926.801 | 21.924.414 |

Tại 31 tháng 12 năm 2017
(Triệu VND)

| | Quá hạn | Không hưởng lãi | Dưới 1 tháng |
|---|-------------------|-------------------|--------------------|
| Tài sản | | | |
| Tiền mặt và vàng | - | 1.446.548 | - |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | - | - | 3.742.659 |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp | - | - | 24.430.584 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | - | 136.265 | - |
| Chứng khoán kinh doanh - gộp | - | 3.889 | - |
| Cho vay khách hàng - gộp | 7.921.871 | - | 63.617.993 |
| Chứng khoán đầu tư - gộp | 150.000 | 8.152.409 | - |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | - | 227.250 | - |
| Tài sản cố định | - | 3.952.317 | - |
| Tài sản có khác - gộp | 3.627.176 | 23.135.944 | - |
| | 11.699.047 | 37.054.622 | 91.791.236 |
| Nợ phải trả | | | |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | - | - | 2.758.343 |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | - | - | 35.925.253 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | 62.362.701 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | - | - | - |
| Phát hành giấy tờ có giá | - | - | - |
| Các khoản nợ khác | - | 4.638.899 | - |
| | - | 4.638.899 | 101.046.297 |
| Mức chênh lệch cảm với lãi suất | 11.699.047 | 32.415.723 | (9.255.061) |

| | Từ 1 đến 3 tháng | Từ 3 đến 6 tháng | Từ 6 đến 12 tháng | Từ 1 đến 5 năm | Trên 5 năm | Tổng cộng |
|--|-------------------|---------------------|---------------------|-------------------|------------------|--------------------|
| | - | - | - | - | - | 1.446.548 |
| | - | - | - | - | - | 3.742.659 |
| | 5.056.692 | 3.958.965 | 67.275 | - | - | 33.513.516 |
| | - | - | - | - | - | 136.265 |
| | - | - | - | - | - | 3.889 |
| | 87.724.107 | 17.485.187 | 13.213.372 | 7.573.437 | 754.599 | 198.290.566 |
| | 357 | 1.099.861 | 3.789.029 | 7.083.406 | 2.676.148 | 22.951.210 |
| | - | - | - | - | - | 227.250 |
| | - | - | - | - | - | 3.952.317 |
| | - | - | - | - | - | 26.763.120 |
| | 92.781.156 | 22.544.013 | 17.069.676 | 14.656.843 | 3.430.747 | 291.027.340 |
| | - | - | - | - | - | 2.758.343 |
| | 11.599.233 | 5.137.570 | 332.474 | 2.047 | 3.842 | 53.000.419 |
| | 42.185.113 | 43.709.958 | 40.181.015 | 6.447.810 | 3.173 | 194.889.770 |
| | - | 1.061.995 | - | 2.166 | - | 1.064.161 |
| | - | 5.185.000 | 6.559.000 | 1.000.634 | 2.222.635 | 14.967.269 |
| | - | - | - | - | - | 4.638.899 |
| | 53.784.346 | 55.094.523 | 47.072.489 | 7.452.657 | 2.229.650 | 271.318.861 |
| | 38.996.810 | (32.550.510) | (30.002.813) | 7.204.186 | 1.201.097 | 19.708.479 |

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. SHB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của SHB cũng là Đồng Việt Nam. Các khoản cho vay khách hàng của SHB chủ yếu bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của SHB bằng ngoại tệ khác ngoài Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. SHB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của SHB và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SHB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

| | VND |
|--|--------------------|
| Tài sản | |
| Tiền mặt và vàng | 950.382 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 2.750.809 |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp | 27.458.147 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 2.354.997 |
| Chứng khoán kinh doanh - gộp | 3.889 |
| Cho vay khách hàng - gộp | 202.642.123 |
| Chứng khoán đầu tư - gộp | 49.954.145 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | 201.750 |
| Tài sản cố định | 4.770.780 |
| Tài sản có khác - gộp | 18.851.329 |
| | 309.938.351 |
| Nợ phải trả | |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | 12.096.858 |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 36.242.521 |
| Tiền gửi của khách hàng | 213.952.015 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | - |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 1.330.584 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 16.721.736 |
| Các khoản nợ khác | 5.316.621 |
| | 285.660.335 |
| Trạng thái tiền tệ nội bảng | 24.278.016 |

Tại 31 tháng 12 năm 2018
(Triệu VND)

| USD | EUR | Tiền tệ khác | Tổng cộng |
|--------------------|----------------|------------------|--------------------|
| 820.964 | 53.451 | 60.025 | 1.884.822 |
| 1.374.839 | - | 203.091 | 4.328.739 |
| 1.114.908 | 204.369 | 522.903 | 29.300.327 |
| (2.281.159) | - | (15.610) | 58.228 |
| - | - | - | 3.889 |
| 13.198.420 | 143.127 | 1.005.211 | 216.988.881 |
| - | - | - | 49.954.145 |
| - | - | - | 201.750 |
| 13.844 | - | 7.810 | 4.792.434 |
| 2.367.436 | 54.582 | 81.328 | 21.354.675 |
| 16.609.252 | 455.529 | 1.864.758 | 328.867.890 |
| 114.379 | - | - | 12.211.237 |
| 8.374.572 | - | 316.696 | 44.933.789 |
| 10.879.492 | 247.221 | 145.413 | 225.224.141 |
| - | - | - | - |
| - | 143.127 | - | 1.473.711 |
| - | - | - | 16.721.736 |
| 985.675 | - | 76.566 | 6.378.862 |
| 20.354.118 | 390.348 | 538.675 | 306.943.476 |
| (3.744.866) | 65.181 | 1.326.083 | 21.924.414 |

Tại 31 tháng 12 năm 2017
(Triệu VND)

| | VND |
|--|--------------------|
| Tài sản | |
| Tiền mặt và vàng | 886.481 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 2.347.912 |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp | 28.574.001 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | 3.889 |
| Chứng khoán kinh doanh - gộp | (5.757.288) |
| Cho vay khách hàng - gộp | 183.260.221 |
| Chứng khoán đầu tư - gộp | 22.951.210 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | 227.250 |
| Tài sản cố định | 3.931.122 |
| Tài sản có khác - gộp | 17.178.351 |
| | 253.603.149 |
| Nợ phải trả | |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | 2.758.343 |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 40.989.096 |
| Tiền gửi của khách hàng | 181.177.390 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 1.061.995 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 14.967.269 |
| Các khoản nợ khác | 4.547.074 |
| | 245.501.167 |
| Trạng thái tiền tệ nội bảng | 8.101.982 |

| USD | EUR | Tiền tệ khác | Tổng cộng |
|-------------------|----------------|------------------|--------------------|
| 507.125 | 34.847 | 18.095 | 1.446.548 |
| 1.394.747 | - | - | 3.742.659 |
| 4.059.295 | 106.368 | 773.852 | 33.513.516 |
| - | - | - | 3.889 |
| 5.607.748 | 95.407 | 190.398 | 136.265 |
| 14.318.366 | 18.850 | 693.129 | 198.290.566 |
| - | - | - | 22.951.210 |
| - | - | - | 227.250 |
| 16.877 | - | 4.318 | 3.952.317 |
| 9.530.765 | 40 | 53.964 | 26.763.120 |
| 35.434.923 | 255.512 | 1.733.756 | 291.027.340 |
| - | - | - | 2.758.343 |
| 12.011.323 | - | - | 53.000.419 |
| 13.374.249 | 251.617 | 86.514 | 194.889.770 |
| - | 2.166 | - | 1.064.161 |
| - | - | - | 14.967.269 |
| 72.740 | 351 | 18.734 | 4.638.899 |
| 25.458.312 | 254.134 | 105.248 | 271.318.861 |
| 9.976.611 | 1.378 | 1.628.508 | 19.708.479 |

40. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê

Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2018 Triệu VND | 31/12/2017 Triệu VND |
|----------------------|-------------------------|-------------------------|
| Đến một năm | 80.287 | 71.770 |
| Trên một đến năm năm | 499.536 | 230.368 |
| Trên năm năm | 167.466 | 82.053 |
| | 747.289 | 384.191 |

41. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Ngân hàng áp dụng:

| | Tỷ giá ngày | |
|-----|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2018 VND | 31/12/2017 VND |
| USD | 23.23 | 22.425 |
| EUR | 26.557 | 27.259 |
| GBP | 29.345 | 30.693 |
| CHF | 23.522 | 23.306 |
| JPY | 210 | 202 |
| SGD | 16.967 | 16.98 |
| AUD | 16.354 | 17.718 |
| HKD | 2.961 | 2.906 |
| CAD | 17.04 | 18.054 |
| LAK | 2,716 | 2,696 |
| THB | 714,4 | 694,6 |

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được phân loại lại và điều chỉnh lại như sau:

| | 31/12/2017 Triệu VND (Như đã báo cáo trước đây) | 31/12/2017 Triệu VND (Sau khi phân loại lại) |
|--|--|---|
| Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 16.456 | (5.188) |
| (Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | (12.372) | 1.050 |
| Chi phí hoạt động | (2.896.897) | (2.629.858) |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (1.629.956) | (1.888.773) |

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Liên
Trưởng phòng kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát



Ngô Thị Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt



Ngô Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



Hội sở chính

77 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3942 3388

Fax: (024) 3941 0944

Email: shbank@shb.com.vn

www.shb.com.vn